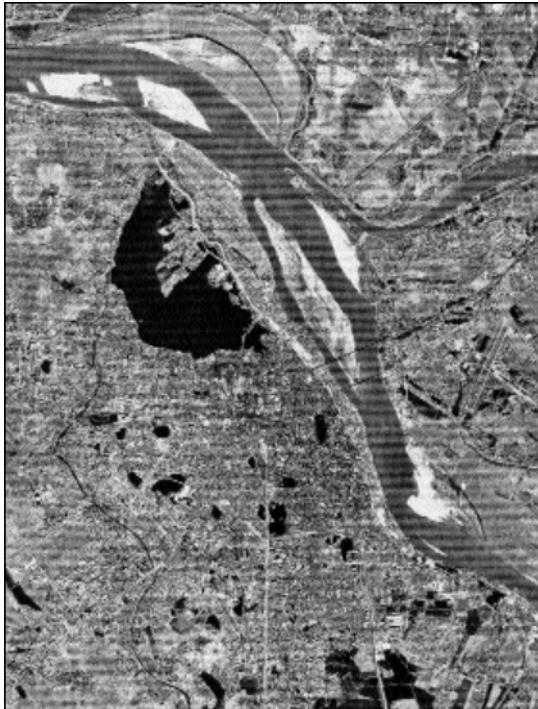


F O R U M
thư ngỏ



Hà Nội, chụp từ vệ tinh CNET Spot, 1995

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- 1 Thư ngỏ gửi đ/c Nông Đức Mạnh Trần Khuê
và Nguyễn Thị Thanh Xuân
3 Tin / Thời sự
12 Đọc Hobsbawm (5 và hết) Nguyễn Quang

văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- 17 Vết lăn trâm Hàn Thuý
18 Trịnh Công Sơn, một sản phẩm ? Phạm Văn Định
21 Phật giáo qua phong giao Cao Huy Thuần
25 Treo lên quán dzốc Tám Cầu Đá
26 Lão Chộp Trần Đăng Khoa
28 Biệt thự Hoàng Lan (*truyện ngắn*) Lê Nguyên Ngữ
30 Tân mạn về Thăng Long - Hà Nội Văn Ngọc
32 Đọc sách Kiến Văn

gửi đ/c tổng bí thư Nông Đức Mạnh

Trần Khuê - Nguyễn Thị Thanh Xuân

LTS : Chúng tôi vừa nhận được thư ngỏ gửi ông Nông Đức Mạnh của hai cán bộ viện Hán Nôm tại thành phố HCM. Xin đăng lại để thông tin cùng bạn đọc. Tuy nhiên, vì khuôn khổ tờ báo có hạn, chúng tôi buộc lòng phải lược bớt một số đoạn. Bạn đọc có thể tìm đọc nguyên văn trong quán xýbe của Diễn Đàn :

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 5 năm 2001

Thưa đồng chí kính mến !

Chúng tôi gửi lời trân trọng chúc mừng nhân dịp đ/c được Đại hội IX của Đảng ta giao phó một trọng trách mới. Đó là một niềm vinh dự nhưng đồng thời cũng là một trách nhiệm quá nặng và quá lớn đối với đ/c trong giai đoạn cách mạng đầu thế kỷ này của đất nước.

(...)

Sau vụ 165 xã ở Thái Bình nổi dậy chống cường hào tham nhũng, Bộ Chính trị Lê Khả Phiêu đã nhận thấy cần phải khẩn trương dân chủ hoá đất nước nên đã ban hành Qui chế dân chủ hóa cơ sở. (...) Qui chế dân chủ hóa cơ sở cứ việc ban hành, nhưng với danh nghĩa bảo vệ uy tín, thể diện cho cơ quan nhà nước – với danh nghĩa giữ vững an ninh chính trị, “ ổn định ” xã hội, người ta vẫn ngang nhiên bao che và chạy tội cho bọn tham nhũng. Tình hình chiếm đoạt đất đai, đền bù giải toả không thích đáng làm thiệt hại cho dân mà dân *không thể kêu* hoặc *kêu mà không có nơi xét* hết sức phổ biến ở các địa phương. Năm đoàn kiểm tra liên ngành của chính phủ rầm rộ kéo về những địa phương nóng nhất để giải quyết tình hình nhưng khi các đoàn đã rút về, giao các vụ việc khiếu kiện lại cho địa phương giải quyết thì hầu như đâu lại hoài đấy. Chẳng có “ *thượng phuơng bảo kiêm* ” nào được vung lên cả. Tham nhũng vẫn hoành hành, dân vẫn bị ức hiếp. Vì thế, chúng ta lại kinh hoàng trước vụ nổi dậy của đồng bào Thượng ba tỉnh Tây Nguyên và những vụ việc lẻ tẻ ở vùng núi phía Bắc. (...) Dân bị mất đất, mình không nghiêm khắc kịp thời xử lý giải quyết ; giá cà phê rót, mình không lo đâu ra,

(xem tiếp trang 9)

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên.....
.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng.... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYÊN và gửi về toà soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, gửi cho P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum) đồng thời gửi photocopy phiếu chuyển tiền về Mrs. LEDUC, 03-914 warszawa, Ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal Diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

Triển lãm tại Paris

Kiến trúc Hà Nội hôm qua và hôm nay

Từ nay đến ngày 16 tháng 9-2001, nếu bạn có mặt ở Paris, thì không nên bỏ qua một cuộc triển lãm lí thú : **HANOI, LE CYCLE DES METAMORPHOSES** (Hà Nội, chu trình của những hóa thân), tại Viện kiến trúc IFA (6 bis rue de Tournon, Paris 6e, M° Odéon hay Luxembourg, mở cửa từ thứ ba đến chủ nhật, mỗi ngày từ 12g30 đến 19g00).

Hình ảnh (bộ hình tuyệt đẹp của Dominique Delaunay), bản đồ, điện ảnh, hiện vật... tất cả được thiết kế công phu, phong phú và đa dạng để khán giả có một cái nhìn tổng thể và sinh động về kiến trúc và thiết kế đô thị của một thành phố đang phát triển về bề mặt và bề cao, mà không (hay là... đang) phá huỷ bê dày lịch sử của nó. Từ Văn Miếu, biểu tượng của thủ đô, đến những khách sạn và ngôi nhà vừa mọc lên từ ngày đổi mới, qua 36 phố phường, khu Tây, những khu nhà tập thể của thời kì xã hội chủ nghĩa... tới bản đồ tương lai của Hà Nội, người xem không khỏi xúc động, vui mừng xen lẫn lo lắng. Vẻ đẹp duyên dáng độc đáo của thành phố, sức sống của người dân, sự hỗn loạn của (thiếu) thiết kế (đằng sau đó là sự tham nhũng với những xì-căng-đan nổi tiếng)... gợi cho khán giả phải tìm hiểu thêm.

Ngoài cuốn sách của Philippe Papin (xem vài của Văn Ngọc trong số này), có thể mua tại đây vựng tập **HANOI** (trong bộ Les Cahiers de l'Ipraus / architecture, urbanistique, société, 260 F) và **HANOI / Portrait de Ville** (IFA, 130F).

Một chương trình phim ảnh, thuyết trình, hội thảo phong phú được tổ chức trong thời gian triển lãm (điện thoại 01 46 33 90 36, internet : www.archi.fr/IFA-CHAILLOT)

K.V.

Tin buồn

Chúng tôi đau đớn báo tin cùng bạn bè

Anh Lê Tiên Phong (pháp danh Pháp Phong)

đã từ trần ngày 8.6.2001 tại Montréal, thọ 57 tuổi. Tang lễ đã cử hành ngày 10.6.2001 với sự có mặt đông đảo của gia đình và bạn bè.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Thái Thị Khánh Hạnh, hai cháu Thái Hoà, Sao Mai và cả nhà.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mông Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

TIN TỨC

Chủ tịch quốc hội mới

Khi tờ báo này lên khuôn, kỳ họp quốc hội bắt đầu ngày 22.5 chưa chấm dứt, và chính thức thì ông Nông Đức Mạnh chưa được thay thế trong chức vụ chủ tịch quốc hội, tuy trong kỳ họp ban chấp hành trung ương sau đại hội 9 ông đã đặt vấn đề được thay thế và được chấp thuận. Tuy vậy, tờ báo Lao Động ra ngày 22.6 cho biết bộ chính trị đã “nhất trí cao đê cử ông Nguyễn Văn An, uỷ viên bộ chính trị, vào chức danh chủ tịch Quốc hội”. Như vậy, vấn đề chỉ còn là cuộc ‘bầu cử’ hình thức của các đại biểu quốc hội, sẽ diễn ra trong những ngày cuối của kỳ họp. Tờ báo cũng dẫn lời ông Mai Thúc Lan, phó chủ tịch QH, cho biết việc bầu cử này sẽ tiến hành cùng với việc thay thế bộ trưởng văn hoá và bộ trưởng chủ nhiệm ủy ban thể dục thể thao. Bộ trưởng văn hoá hiện nay là ông Nguyễn Khoa Điềm, vừa được đại hội 9 cử vào bộ chính trị và ban bí thư, phụ trách ban tư tưởng - văn hoá trung ương. Còn chủ nhiệm uỷ ban thể dục thể thao là ông Hà Quang Dự đã bị cách chức tháng trước.

Ngoài việc thông qua một số đạo luật, kỳ họp QH lần này được đánh dấu bằng việc trực tiếp truyền hình, trong 4 ngày 15-19.6, các cuộc chất vấn chính phủ của đại biểu QH và trả lời của các bộ trưởng. Nông thôn, nông nghiệp, đất đai, hoạt động của các cơ quan pháp lý, là những vấn đề được đề cập nhiều nhất trong các câu chất vấn.

Ngoài ra, người ta đặc biệt chú ý đến các cuộc thảo luận chung quanh dự án thuỷ điện Sơn La. Tuy ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư đảng, cho biết bộ chính trị đã thông qua chủ trương xây dựng công trình thuỷ điện Sơn La, nhưng báo cáo của chính phủ về dự án, với 3 phương án khác nhau (trị giá giữa 1,6 và 5,1 tỷ USD), còn để quá nhiều chỗ trống gây lo lắng cho các đại biểu : phương án di dân vùng lòng hồ còn quá sơ sài, vấn đề an toàn của công trình không được đề cập... Theo kế hoạch, việc chuẩn bị cho dự án còn tiếp tục đến năm 2004, khởi công xây dựng vào năm 2004 hay 2005, để hoàn thành vào năm 2016. Nhiều tổ chức quốc tế về môi trường đã lên tiếng cảnh báo về những khả năng tác hại của dự án thuỷ điện lớn này. Diễn đàn còn có dịp trở lại vấn đề này.

Bom đặt ở toà đại sứ VN tại Bangkok

Hai quả bom đã được khám phá vào sáng sớm ngày 19.6 ở toà đại sứ Việt Nam ở Bangkok. Sau khi tìm cách tháo kíp nổ không được, cảnh sát Thái đã gác nổ cả hai quả một cách an toàn, không làm ai bị thương hay gây thiệt hại vật chất nào.

Theo tướng Pornsak Burongkaviboon, cảnh sát trưởng Thái, một chiếc tấc xi đã chở tên khủng bố tới đây vào 4 giờ sáng, và y đã ném vào trong sân một gói các tông (đựng một

quả bom 5kg) và đặt trước cổng toà đại sứ một gói khác chứa một quả bom 3kg. Cả hai là những quả bom có sức công phá mạnh, có thể làm đổ nhà trong vòng 100m. Toà đại sứ Việt Nam nằm trên một đại lộ đông người qua lại, phía bên kia đại lộ là đại sứ quán Mỹ. Trên cùng đại lộ, còn có nhiều đại sứ quán của các nước khác, và nhiều trụ sở các ngân hàng lớn, kể cả một trụ sở của Ngân hàng thế giới. Nhà riêng của đại sứ Mỹ cũng không xa. Theo tướng Sampao Choosri, tổng tư lệnh quân đội Thái, đây là một hành động khủng bố của cái gọi là ‘Phong trào Việt Nam tự do’, tuy nhiên ông không cho biết thêm chi tiết, vì nội vụ còn trong vòng điều tra. Ngày 21.6, ba người ‘Việt Nam ly khai’, mang quốc tịch Mỹ, đã bị cảnh sát Thái bắt giữ để hỏi cung, và một người tên Phan Nguyễn Thanh Hiền Sĩ, 38 tuổi, thú nhận đã mang bom tới đặt trước toà đại sứ. Theo luật pháp Thái, Phan có thể bị 20 năm tù về tội đặt bom gây hiểm họa cho người và tài sản. Phan đã khai ra một đồng loã nhưng người này đã trốn thoát khỏi Thái Lan. (AP 19.6, AFP 19-21.6, Reuters 21.6.2001)

OK 3 trên 6 giám mục

Nhà nước Việt Nam đã chuẩn y việc Vatican bổ nhiệm 3 giám mục tại các giáo phận Bùi Chu, TP Hồ Chí Minh (một phó giám mục) và Phan Thiết, và từ chối không chấp nhận 3 giám mục khác cho các giáo phận Hà Nội (chuẩn bị thay thế tổng giám mục địa phận, hồng y Phạm Đình Tụng năm nay đã 82 tuổi), Hưng Hóa và Hải Phòng. Đó là kết quả cụ thể của các cuộc đàm phán của đoàn đại diện Vatican do đức ông Celestino Migliore dẫn đầu trong 6 ngày đi thăm VN vừa qua, và được công bố ngày thứ hai 18.6, hai ngày sau khi đoàn này về tới Roma. Theo người phát ngôn của Vatican thì “việc bổ nhiệm các giám mục đã được đưa ra thảo luận, một số sẽ được công bố trong một thời gian ngắn, và một số khác thì toà thánh còn đợi trả lời của phía Việt Nam trong một tương lai gần”. Nhưng thông tấn xã Fides của Vatican thì thẳng thừng hơn, cho biết thông tin như trên. Fides còn nói thêm, việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước cũng đã được đề cập nhưng không có kết quả. Quan điểm của nhà nước VN là việc bổ nhiệm các giáo chức phải được nhà nước chuẩn y. Người ta chưa biết tên tuổi cụ thể của các giám mục được chuẩn y hay bị từ chối là những ai. (AFP và AP 18.6.2001)

Hiệp định thương mại Việt-Mỹ (tiếp theo...)

Ngày 8.6, tổng thống Mỹ George W. Bush đã chính thức đệ trình hiệp định thương mại song phương Mỹ-Việt lên QH Mỹ xem xét và phê chuẩn. Kể từ hôm ấy, hai viện của quốc hội Mỹ có 45 ngày để thảo luận, và sau đó 15 ngày để biểu quyết chuẩn y trong một nghị quyết chung. Trong thông điệp gửi quốc hội, ông Bush đề nghị quốc hội tiến hành việc chuẩn y này ‘trong thời hạn sớm nhất có thể’. Thông điệp cũng nhắc lại, một tuần trước đó tổng thống đã quyết định đóng lạnh điều khoản tu chính Jackson-Vanik (tu chính này giới hạn việc trao đổi thương mãi với các nước không cho phép dân chúng tự do đi lại ra nước ngoài). Đây là một quyết định mà Nhà Trắng phải lập lại hàng năm để các công ty Mỹ có thể đầu tư và buôn bán với VN, khi chưa có hiệp định thương mại. Từ năm 1998, cựu tổng thống Clinton đã lấy quyết định này.

Theo các nhà phân tích, bản hiệp định, được ký kết dưới trào Clinton tháng 7 năm 2000, được sự ủng hộ của đông đảo nghị sĩ quốc hội ở cả hai viện và hai đảng Dân chủ và Cộng hoà, do đó việc chuẩn y sẽ không khó khăn lắm. Tuy nhiên, không phải không có một số người Việt Nam trong và ngoài nước vẫn tích cực vận động chống đối việc Mỹ bình thường hoá quan hệ với VN, trên mọi bình diện, kể cả buôn bán, lấy cớ là phải làm áp lực để VN tôn trọng hơn nhân quyền và tự do tín ngưỡng (linh mục Nguyễn Văn Lý, hoà thượng Thích Quảng Độ...), và vận động của họ không phải không có tiếng vang trong một số nghị sĩ Mỹ. Trong thông cáo báo chí ngày 8.6 nói về quyết định đưa bản hiệp định ra quốc hội, ông Bush nhắc lại chính quyền Mỹ “sẽ tiếp tục gây sức ép để các quyền con người và tự do tín ngưỡng ở VN được cải thiện”. Tuy vậy, các nhà báo nhận xét rằng bản thân quyết định đưa hiệp định cho quốc hội chuẩn y chỉ vài ngày sau khi có tin hoà thượng Thích Quảng Độ bị quản chế (1.6) và một thành viên nghị viện châu Âu, ông Olivier Dupuis, bị trực xuất khỏi VN vì đã tìm cách gặp hoà thượng, chứng tỏ Nhà Trắng không coi việc ‘cải thiện’ đó là nhất thiết phải được thực hiện trước khi chuẩn y hiệp định.

Về phía Việt Nam, việc chuẩn y sẽ được tiến hành “ngay sau khi hội đủ những điều kiện cần thiết”, theo cách nói lối gõ của ông Lê Sỹ Vương Hà, người phát ngôn bộ ngoại giao, ngày 31.5. Dịch ra là “trong thời gian ngắn sau khi phía Mỹ đã chuẩn y”. Cụ thể hơn, vì chưa “hội đủ những điều kiện” để đưa việc chuẩn y vào chương trình nghị sự quốc hội kỳ họp này (bắt đầu hôm 22.5 và sẽ kết thúc trước cuối tháng 6), người ta chờ đợi việc chuẩn y có thể do ủy ban thường vụ quốc hội hoặc chủ tịch nước quyết định mà không cần đợi kỳ họp quốc hội mùa thu tới (tháng 11). Bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao nói với báo chí ngày 21.6 là “vừa qua, thủ tướng chính phủ đã trình đề nghị chủ tịch nước xem xét việc phê chuẩn hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ”.

Theo thống kê của Mỹ, kim ngạch buôn bán hai chiều giữa Mỹ và Việt Nam đã tăng từ 224 triệu USD năm 1994 lên gần 1,2 tỷ USD trong năm 2000. (Reuters 31.5, 7 và 8.6, ND 21.6.2001)

Tương lai Cam Ranh phi quân sự?

Ngày 1.6, 4 ngày trước khi ngoại trưởng Nguyễn Đặng Niên đến thăm Mạc Tư Khoa, thứ trưởng ngoại giao Nga Alexander Losyukov cho biết Nga có thể không đặt vấn đề với VN hứa nối dài hiệp ước cho phép hải quân Nga sử dụng cảng Cam Ranh, sau khi hiệp ước có giá trị 25 năm này hết hạn vào năm 2004 tới đây. Lý do chính là vấn đề tài chính : theo ông Losyukov, câu hỏi đặt ra là nếu Nga phải trả tiền thuê quyền sử dụng này quá đắt thì liệu điều đó có thể biện minh được không, có tương xứng với yêu cầu hay không. Thứ trưởng Nga đã nêu lên vấn đề trong một bài trả lời phỏng vấn của thông tấn xã Nga Interfax.

Về phía VN, thủ tướng Phan Văn Khải trong lúc ở Tokyo thăm Nhật và dự một hội nghị về ‘Tương lai châu Á’ (xem tin trong số này) cho biết rằng VN không có ý định cho thuê lần nữa cảng Cam Ranh, mà ngược lại sẽ sử dụng cảng trong kế hoạch phát triển kinh tế sau năm 2004. Ông Khải đã đưa ra

khẳng định này nhân trả lời một câu hỏi của thông tấn xã Kyodo Tsushin ngày 6.6, vừa khi ngoại trưởng Nguyễn Đặng Niên chấm dứt hai ngày hội đàm với các nhà lãnh đạo Nga ở Mạc Tư Khoa. Dĩ nhiên, ông Niên đã phải báo cáo với thủ tướng về nội dung các cuộc hội đàm của ông với phía Nga, và người ta có thể nghĩ rằng câu trả lời đã được chuẩn bị trước khi hai ông lên đường đi công tác, tuỳ theo kết quả các cuộc hội đàm của ông Niên. Chỉ có điều hơi bất bình thường là ngày hôm sau ở Hà Nội, người phát ngôn của bộ ngoại giao, ông Lê Sỹ Vương Hà lại nói trong một buổi họp báo rằng ‘cho tới khi hết hạn hiệp ước vào năm 2004, hai nước còn đủ thời gian để tiếp tục các cuộc thương lượng’. Ông Hà không được thông tin kịp thời về tuyên bố của thủ tướng ? Ngày hôm sau nữa (8.6), ông đã phải nói lại với các nhà báo nước ngoài theo tinh thần tuyên bố của ông Khải : ‘VN không có kế hoạch cho bất kỳ nước nào thuê quyền sử dụng cảng Cam Ranh trong các mục tiêu quân sự sau năm 2004’, và ‘sẽ sử dụng cảng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước’. Nội dung này đã được báo chí trong nước đưa lại, và người phát ngôn khác của bộ ngoại giao, bà Phan Thuý Thanh, khẳng định lần nữa trong một thông báo ngày 12.6. Liệu như thế đã đủ để cắt đứt mọi tin đồn về khả năng một cường quốc khác (Mỹ, Ấn Độ ?) đặt giá cao hơn để có thể nối tiếp Nga sử dụng những phương tiện được coi là rất có giá trị của cảng ? Một quan chức cao cấp Mỹ đã phủ nhận tin Hoa Thịnh Đốn có ý đồ muốn trở lại Cam Ranh. (DPA, AP 1.6, Tass 6 và 7.7, AFP 7 và 8.6, Reuters 12.6, South China Morning Post 13.6.2001)

37 người bị án tù về tội khủng bố, tuyên truyền chống nhà nước

Ngày 29.5, sau hai tuần xét xử, tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã kết án từ 3 đến 20 năm tù 37 người bị đánh lừa trong một vụ án ‘khủng bố và tuyên truyền chống phá Nhà nước Việt Nam’.

Theo báo chí trong nước, đây là những người Việt Nam sống ở nước ngoài trong tổ chức mang tên Phong trào Việt Nam tự do (tổ chức này cũng bị nghi ngờ là đã ném bom vào toà đại sứ VN ở Bangkok ngày 19.6.2001, xem tin dưới đây), do một người tên Nguyễn Hữu Chánh cầm đầu (Chánh sống ở Mỹ và theo báo Nhân Dân, ‘đang bị truy nã’). Toán người bị bắt bị buộc tội là đã ‘đưa vào Việt Nam, từ tháng 3.1999 đến tháng 2.2000, 37 kg thuốc nổ, 17 000 tờ truyền đơn, hàng trăm cờ ngụy, 40 kíp mìn, dây cháy chậm, hoạt động bất hợp pháp nhằm mục đích khủng bố và tuyên truyền kích động, chống Nhà nước Việt Nam’.

Trước toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM đã đề nghị xử phạt người cầm đầu nhóm là Lê Kim Hùng tù chung thân và các bị cáo còn lại từ 3 đến 20 năm tù. Rút cục, 4 bị cáo bị án 20 năm tù, là Lê Kim Hùng, Nguyễn Thanh Vân, Hồ Long Đức và Văn Ngọc Hiếu. Các bị cáo còn lại từ ba năm đến 18 năm tù. Có năm bị cáo bị phạt quản chế từ ba đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Theo báo chí trong nước, có một bị cáo, tên Sơn Nguyễn Thành Điền, mang hộ chiếu Mỹ, bị 16 năm tù. Nhưng chính quyền đã phủ nhận tin này, và lãnh sự quán Mỹ tại TP HCM cũng cho biết không tìm được tên ông ta trong cơ sở dữ liệu về các công

dân Mỹ. Một nhân viên lãnh sự quán nói rằng rất có thể Điện có địa chỉ hợp pháp ở Mỹ, nhưng toà lãnh sự không thể kiểm được điều này. (Reuters 29.5, Nhân Dân 30.5.2001)

Thủ tướng Phan Văn Khải tại hội thảo về “Tương lai châu Á”

Thủ tướng Phan Văn Khải đã đi thăm Nhật trong hai ngày 5 và 6.6, sau đó ở lại Tokyo tham dự hội thảo về ‘Tương lai châu Á’ lần thứ 7 do Thời báo kinh tế Nhật bản (Nihon Keizan Shimbun) tổ chức trong hai ngày 7 và 8.6, quy tụ nhiều nhà lãnh đạo chính trị, giới tài chính, ngân hàng, doanh nghiệp và học giả của nhiều nước trong vùng : Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Mỹ, Indonesia, Malaysia, Campuchia...

Trong bài phát biểu tại hội thảo sáng ngày 8.6, ông Khải đã cho rằng ‘ Mặc dù trước mắt châu Á phải đổi mới với nhiều khó khăn, thử thách, chúng ta có cơ sở để lạc quan nhìn vào tương lai’. Theo ông, ‘những nét đặc sắc mang tính phổ biến của châu Á đã từng góp phần tạo nên sự phát triển năng động trong thời gian qua, sẽ càng phát huy mạnh mẽ khi tiến vào thời đại kinh tế tri thức’. Tuy nhiên, ông cho rằng tương lai châu Á còn phụ thuộc một điều kiện tối quan trọng đó là hòa bình và ổn định.

Về kinh nghiệm của VN, thủ tướng thừa nhận rằng ‘công cuộc đổi mới và phát triển đi vào chiều sâu sẽ khó khăn hơn trước ; hội nhập kinh tế quốc tế được nâng lên tầm cao mới phải đổi mới những thách thức lớn’, song ông khẳng định niềm tin rằng ‘ công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam sẽ tiếp tục thu được những thắng lợi mới, góp phần tích cực vào tương lai châu Á □.

Thủ tướng Phan Văn Khải khẳng định Nhật Bản đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của châu Á và thế giới, và cho biết Nhật Bản là ‘ bạn hàng lớn, nhà đầu tư hàng đầu và là nhà tài trợ lớn nhất của Việt Nam’. Chỉ trong 5 tháng đầu năm nay, Nhật đã đầu tư trực tiếp 4 tỷ đôla vào VN. (AFP, TTXVN 8.6.2001)

WB cho Việt Nam vay 250 triệu USD để thực hiện xóa đói, giảm nghèo

Ngày 6.6, văn phòng Ngân hàng thế giới (WB) tại Việt Nam cho biết, ban giám đốc điều hành của WB đã phê chuẩn cho Việt Nam vay 250 triệu USD từ nguồn tín dụng hỗ trợ giảm nghèo (PRSC). Như vậy, Việt Nam trở thành quốc gia thành viên thứ hai trên thế giới của WB nhận được vốn vay từ PRSC, một thể thức cho vay mới của WB nhằm giúp cho các nước nghèo có thu nhập thấp thực hiện các chiến lược xóa đói, giảm nghèo của mình. Khoản vay trên của WB sẽ được giải ngân theo hai đợt. Đợt thứ nhất trị giá 100 triệu USD được giải ngân ngay sau khi Hiệp định tín dụng có hiệu lực ; 150 triệu USD còn lại sẽ được giải ngân tiếp sau khoảng 12 tháng với điều kiện chương trình do chính phủ vạch ra cho năm thứ nhất và kế hoạch vạch ra cho năm thứ hai đã được thực hiện. Khoản tín dụng của WB dành cho Việt Nam sẽ tập trung vào cải thiện môi trường đầu tư tư nhân, hội nhập kinh tế quốc tế để tăng cạnh tranh, cải cách các doanh nghiệp nhà nước để giảm thua lỗ.

Đến nay, cả nước có khoảng 2.540.000 hộ nghèo được vay vốn từ Ngân hàng phục vụ người nghèo, bình quân mỗi hộ

được vay gần hai triệu đồng để sản xuất. Tổng dư nợ của các hộ nghèo lên tới 5.000 tỷ đồng, tỷ lệ nợ quá hạn gần 3%.

Đầu tư vào Việt Nam tăng

Những nỗ lực nhằm cải thiện bộ máy hành chính Việt Nam bắt đầu có kết quả, vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (Foreign Direct Investment - FDI) bắt đầu tăng so với năm ngoái, tuy nhiên Việt Nam còn phải tiếp tục đổi mới để lôi cuốn nguồn vốn nước ngoài. Đó là nội dung một bản báo cáo của Ngân hàng Quốc tế (WB) mới đây.

Báo cáo cho biết số vốn đầu tư từ đầu năm là 882 triệu USD, tăng 2 lần rưỡi mức năm ngoái cùng thời kỳ. Chỉ tháng 5, 11 đê án với số vốn 426 triệu USD được đăng ký lấy mòn bài. Một dấu hiệu khác phản ảnh tình hình đó là công ty Moody's Investor Service đã nâng đánh giá tín dụng Việt Nam từ tiêu cực lên ổn định.

Theo bản báo cáo, tuy hiện nay đầu tư trực tiếp chỉ mới bắt kịp mức trước khủng hoảng châu Á, song tình hình thời gian tới rất khả quan, ba đê án năng lượng vừa được thoả thuận sẽ đem lại số vốn đầu tư trực tiếp khoảng 2,5 tỷ USD cho những năm 2001-2003.

Mặc dù vậy đại diện WB, ông Andrew Steer, giám đốc địa phương của WB, cũng nhấn mạnh, Việt Nam phải đẩy mạnh những bước tới trong việc cải thiện nền kinh tế nếu muốn lôi cuốn lâu dài vốn đầu tư nước ngoài. Ông đưa ra một số điểm như : dịch vụ viễn thông còn quá mắc, về hàng không những chuyến bay trong nước còn ít, nạn quan liêu và hối lộ còn phổ biến, những cơ quan đầu não còn phản ứng chậm và thiếu rõ ràng trong khi lấy quyết định. (Reuters 15.06.2001)

Một công trình thủy lợi ở Bình Thuận vừa xây xong đã sụp

Tuyến kênh Nha Mụng được thi công làm lại toàn bộ từ đầu năm nay, chưa thử tải, ngay cơn mưa đầu mùa giữa tháng 5-2001, tuy phần cống đầu mối đã được đóng kín nhưng chỉ với một lượng nước không lớn thoát vào kênh cũng đã làm sụp kênh chính và một phần đầu của kênh N5, đe dọa đến việc tưới nước cho gần 600 ha đất sản xuất của hai xã Phan Hòa và Phan Rí Thành.

Ban Quản lý Dự án 415, đơn vị chủ đầu tư, đã giải thích là tuyến kênh này “chất đất xấu, đất đắp nhiều”. Tuy nhiên năm 1998, Ban Quản lý Dự án 415 cũng đã làm chủ đầu tư một công trình thủy lợi có vốn đầu tư lên đến 100 tỷ đồng nhưng khi đưa vào chạy thử tải tích nước vài ngày đã gặp sự cố. (Báo Thanh niên)

Boeing đại chiến Airbus

Nhằm chen chân vào thị trường Việt Nam trong tình hình cạnh tranh gay gắt với Airbus, Boeing đã bắt đầu chương trình hỗ trợ tài chính cho Hàng Không Việt Nam (HKVN)

Trong một cuộc gặp gỡ ngày 14-5 với đại diện HKVN, Boeing đã hứa giúp 200.000 USD dùng vào việc đào tạo nhân viên và nâng cấp hệ thống thông tin của Cục Hàng không dân dụng (CHD). Năm qua Boeing đã giúp Việt Nam 1 triệu USD nhằm nâng cấp phi trường Đà Nẵng và đưa vào máy tính hệ thống thông tin của HKVN. Tháng 11 năm 2000, Boeing sau

một cuộc chạy đua với Airbus Industries đã ký với HKVN một thư ngỏ ý mua 3 chiếc Boeing 777 trị giá 480 triệu USD .

Hiện nay HKVN đang khai thác 23 máy bay gồm 5 Boeing 767-300, 10 Airbus A320, 2 fokker 70, 6 ATR 72. Cuối năm nay hãng sẽ tạo thêm 1 boeing 767 và 2 Airbus A320. (AFP 15.6.2001)

Bộ công an rút khỏi giới doanh nghiệp

Theo báo The Saigon Time, thì sau những vụ bê bối vừa qua của những doanh nghiệp do các lực lượng công an cảnh sát quản lý, bộ công an đã quyết định rút ra khỏi khu vực kinh doanh nhằm thanh lọc ngành.

Một số lãnh đạo xí nghiệp đồng thời là cán bộ cao cấp trong ngành công an bị kỷ luật vì vi phạm luật pháp kinh doanh, thậm chí có người bị bắt quả tang trong những đường dây buôn lậu xuyên biên giới.

Bộ trưởng bộ công an Lê Minh Hương giải thích nhà nước trước kia cho phép lực lượng công an cảnh sát kinh doanh phúc lợi nhằm nâng cao đời sống của nhân viên. Ngân sách của ngành quá nhỏ không đủ trang trải những chi phí của ngành. Ông nói nhiều doanh nghiệp thuộc bộ làm ăn lỗ nhiều hơn lời cho nên việc giải thể các doanh nghiệp đó là cần thiết. Tuy nhiên bộ sẽ giữ lại một số công ty dịch vụ không vụ lợi như sản xuất quân phục giày mũ cho quân đội và công an cảnh sát, hoặc ấn loát để phục dịch nội bộ, và một số doanh nghiệp khác vì lí do an ninh.

Những danh nghiệp mà bộ rút ra sẽ hoặc bị giải thể, hoặc chuyển qua những khu vực khác của thành phần kinh tế quốc doanh, quá trình này sẽ tiến hành trong bốn năm tới. Ông Hương nói bộ ông không thể nào làm khác được, tuy nhiên bộ cũng tìm cách giải quyết hậu quả xã hội cho những người sẽ bị sa thải. (The Saigon Time 12.6.2001)

Kiến nghị về việc “ thay nước hồ Tây ”

Giáo sư Phan Huy Lê, chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, vừa gửi văn bản kiến nghị đến UBND thành phố Hà Nội về dự án “Nâng cao chất lượng nước hồ Tây”, bày tỏ sự lo lắng và không đồng tình với việc thành phố Hà Nội triển khai dự án đầu tư nâng cao chất lượng nước hồ Tây. Quan điểm của Hội Khoa học lịch sử VN là : “Hồ Tây là di sản thiên nhiên quý của Hà Nội và cả nước, một cảnh quan đặc sắc về văn hoá của Thăng Long-Hà Nội. Thời gian qua, những tác động tiêu cực của con người đối với hồ Tây chủ yếu do tình trạng đô thị hoá vô kế hoạch và không kiểm soát được chất thải đô thị đã gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái (trong đó có chất lượng nước) và văn hoá của khu vực này. Nguyên nhân trước hết là do năng lực quản lý của các cơ quan có trách nhiệm. Để khắc phục tình trạng này Hà Nội đã có một dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Tây đã được nhà nước phê duyệt và triển khai, trong đó có cả hạng mục xử lý nước thải của các khu dân cư quanh hồ ”. Trong khi đó, theo dự án nâng cao chất lượng nước hồ, dự tính sẽ sử dụng 32 triệu USD là vốn vay của nước ngoài để xây dựng một hệ thống bơm và lọc nước sông Hồng vào thay nước hồ Tây. Kiến nghị của Hội Khoa học lịch sử cũng nêu rõ : “ Liệu thủ đô Hà Nội có nên đầu tư 32 triệu USD vay của nước ngoài để thực hiện một dự án mà chưa luồng trước được những

hậu quả trên môi trường văn hoá và sinh thái ở một địa bàn “ nhạy cảm ” như hồ Tây ? ”. (T.H., Tuổi Trẻ, 10-5-01)

Bảo vệ cảnh quan bờ sông Hương

Chuyện bắt đầu vỡ ra vào một ngày đầu tháng 3-2001, khi thành uỷ thành phố Huế gửi công văn khẩn cấp cho UBND thành phố với đề nghị : “ tạm đình chỉ thi công bờ kè sông Hương thuộc dự án công viên 3-2, để xem xét lại toàn bộ thiết kế, chất lượng thi công, và chỉ được thi công khi đã được điều chỉnh hợp lý (công trình kè sông An Cựu cũng bị đình chỉ vì lý do tương tự) ”. Công viên 3-2 được thiết kế bắt đầu từ cầu Tràng Tiền đến giáp khách sạn Century, với vốn đầu tư 920 triệu đồng, do UBND thành phố Huế làm chủ đầu tư. Người mở đầu cho câu chuyện gay cấn kéo dài suốt ba tháng nay mà vẫn chưa ngã ngũ này là ông Nguyễn Văn Quang, bí thư thành uỷ kiêm chủ tịch HĐND thành phố. KTS Thái Doãn Long, thành viên hội đồng kiến trúc, qui hoạch tỉnh, cho biết “ việc nghiên cứu thiết kế công viên 3-2 đã được tiến hành trong thời gian rất dài, cuối cùng đề án của KTS Lê Cường, việt kiều ở Thuỵ Sĩ, đã được chọn với điều kiện phải điều chỉnh theo một số ý kiến phản biện của hội đồng thẩm định. Thế nhưng, sau đó tác giả vẫn không điều chỉnh. Vì vậy kè vừa mới xây xong đã lún ra lòng sông so với kè cũ hơn 10m, lại không được xử lý giật cấp, bờ kè quá cao, hình dáng tro cứng, với hệ thống lan can thô thiển, gây cảm giác dòng sông bị thu hẹp lại ”. Một ngày sau khi thành uỷ Huế gửi công văn đề nghị đình chỉ, UBND thành phố đã triệu tập ngay một cuộc họp với sự có mặt của tất cả các đơn vị thiết kế, thi công, các ban ngành hữu quan để bàn cách điều chỉnh. Một tháng sau (6-4-01), UBND tỉnh lại tổ chức hội nghị về phương án điều chỉnh công viên 3-2 và kè sông An Cựu. Tại cuộc họp này, KTS Lê Cường, tác giả thiết kế, đã hết lời than thở về cung cách làm việc của UBND thành phố và tỉnh : “ đã đề nghị thiết kế bờ kè rồi, bây giờ lại bảo quá xấu ; đã phê duyệt thiết kế và cho phép thi công, nửa chừng lại đề nghị điều chỉnh lại từ đầu ”. Tuy nhiên, theo ông Nguyễn Văn Mẽ, chủ tịch UBND tỉnh, “ đơn vị thiết kế đã không tuân thủ ý kiến của lãnh đạo tỉnh, mới xảy ra tình trạng bất cập như ngày hôm nay ”. Nhiều câu hỏi đã được nêu lên trong dư luận sau vụ việc đáng tiếc này. Tại sao một công trình quan trọng như thế mà không được xem xét kỹ lưỡng và xử lý thoả đáng trước khi bắt tay vào thi công ? Tại sao đã có qui hoạch chi tiết hai bờ sông Hương rồi, mà khi thiết kế công viên trên bờ sông này lại không tham khảo qui hoạch đó ? Tại sao một công ty còn kém về năng lực xây dựng như Công ty Xây dựng - cơ khí nông nghiệp Thừa Thiên-Huế, lại được giao thi công một công trình đòi hỏi nhiều chất lượng thẩm mỹ ? Người ta đang hết sức băn khoăn về trách nhiệm của chủ đầu tư dự án, là UBND thành phố Huế. (M.T., TTCN, 27-5-2001)

Bốn sinh viên Việt Nam đoạt giải thưởng lớn về kiến trúc

Đồ án kiến trúc mang tên "Mảnh đất hồi sinh" của bốn sinh viên năm thứ tư Trường đại học Kiến trúc Hà Nội: Lê Đăng Tùng, Nguyễn Đông Giang, Trần Thanh Cường và Trần Ngọc Linh vừa đoạt giải thưởng lớn (Grand Prix) tại cuộc thi "Nước và kiến trúc" do UNESCO và UIA (Hiệp hội Kiến trúc sư thế giới) tổ chức hai năm một lần.

"Mảnh đất hôi sinh" là giải pháp kiến trúc và môi trường cho làng Cự Khôi (cạnh bến Phà Đen, Hà Nội) - một làng mà toàn bộ đất đai chỉ dành cho việc thoát lũ sông Hồng hàng năm. Ban giám khảo cuộc thi - do Chủ tịch UIA đứng đầu - đánh giá cao tính lãng mạn, táo bạo nhưng cũng rất khả thi của đồ án. Ngoài giải thưởng trị giá 5.000 USD, bốn sinh viên kiến trúc trên sẽ còn nhận được thêm nhiều giải thưởng phụ của các kiến trúc sư tên tuổi và các nhà tài trợ.

Theo bản tin của UIA, cuộc thi lần này đã nhận được 1.400 đồ án kiến trúc từ tất cả các nước thành viên và ban tổ chức đã trao hai giải thưởng lớn (một cho kiến trúc sư đã hành nghề và một cho SV kiến trúc). Cũng trong cuộc thi này, Trường đại học Kiến trúc Hà Nội còn được nhận một giải khuyến khích cho kiến trúc sư Trịnh Hồng Việt. (Nhân Dân điện tử 2.6.2001)

Phát hiện 50 loại cây thuốc mới

Viện Dược liệu đã tổ chức điều tra nguồn cây thuốc ở một số huyện thuộc các tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Hải Dương và Hà Tĩnh nhằm xây dựng kế hoạch khai thác hợp lý và bảo tồn cây thuốc.

Tại các huyện Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà và Bảo Thắng tỉnh Lào Cai có 784 loài cây thuốc; ở các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ tỉnh Hà Giang có 665 loài, ở vùng rừng Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh có 307 loài và ở Chí Linh tỉnh Hải Dương có 431 loài.

Trong số đó có khoảng 50 loài là những cây thuốc mới phát hiện được bổ sung cho danh mục cây thuốc và cho hệ thực vật ở Việt Nam. Có 40 loài cây thuốc có trữ lượng lớn có thể khai thác sử dụng và khoảng 50 loài là những cây thuốc diện quý hiếm cần được bảo vệ.

Các vụ nhiễm độc gần đây ở Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ

Mới đây các chuyên gia các bộ Y tế, Quốc phòng và Công an đã xem xét và bước đầu đưa ra kết luận về các vụ nhiễm độc gần đây ở Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ (xem tin Diễn đàn số 106, 107).

Từ tháng 2 đến tháng 5.2001 ở 15/18 huyện trong tỉnh Đắc Lắc đã liên tục xảy ra các vụ nhiễm độc không rõ nguyên nhân làm 792 người mắc, chủ yếu là học sinh, giáo viên của 28 trường tiểu học và trung học cơ sở, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Biểu hiện nhiễm độc ở các đối tượng này là : nhức đầu, nôn, đau bụng, chóng mặt, khó thở, cay mắt... Nhiều em đã phải nhập viện trong tình trạng : nhịp tim đập nhanh, sốt, co giật, giãn đồng tử. Mới đây nhất, ngày 13.5.2001 tại trường THCS Ngô Quyền huyện Xuân Lộc, Đồng Nai hàng chục em bị nhiễm độc với các triệu chứng tương tự khi hít phải một chất độc ở sân bóng.

Trên cơ sở xem xét đặc điểm dịch tễ ở Đắc Lắc, các biểu hiện của người bị nhiễm độc, các chuyên gia y tế tìm thấy những biểu hiện tương tự giống với các vụ nhiễm độc do chất CS (công thức hóa học là $C_{10}H_5N_2Cl$) được sử dụng trong chiến tranh và cả vụ nhiễm độc tại Thái Nguyên năm 1999 làm 30 học sinh bị ngạt và một thầy giáo bị chết.

Từ kết luận đó, ngành y tế đã có văn bản hướng dẫn tới các cơ sở y tế địa phương để kịp thời xử lý các trường hợp nhiễm độc tương tự, tránh gây tử vong. Đồng thời bộ Y tế kiến nghị các thầy cô giáo và bà con nhân dân nên bình tĩnh đưa người bị nhiễm độc tới điều trị ngay tại cơ sở y tế địa phương, không cần đưa về các tuyến y tế Trung ương gây lãng phí tiền bạc, công sức, không nên bắt con em bỏ học...

Ngành y tế và các ngành chức năng đang đặt ra nhiệm vụ xử lý các thùng hóa chất độc còn tồn đọng sau chiến tranh, tạo môi trường an toàn nhất là ở các khu dân cư và trường học. (theo báo Tin tức, đăng lại trên Nhân Dân điện tử 30.5.2001)

Tin Ngắn

* Hội nghị bộ trưởng thương mại **Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương** (APEC), họp trong hai ngày 6 và 7.6 tại Thượng Hải (Trung Quốc), đã lên tiếng ủng hộ việc tiến hành vòng đàm phán mới trong khuôn khổ Tổ chức thương mại thế giới (WTO) với một chương trình nghị sự cân bằng phản ánh mối quan tâm của cả hai nhóm nước phát triển và đang phát triển ; khẳng định sự ủng hộ đối với việc Trung Quốc, Việt Nam và Nga sớm gia nhập WTO.

* Trong 6 tháng đầu năm đã xảy ra 10 476 vụ tai nạn giao thông (TNGT) làm chết 4 179 người và bị thương 11 904 người. Bình quân **mỗi ngày có 27 người chết và 79 người bị thương vì TNGT**. Đáng lưu ý, số người chết tăng nhiều so với năm 2000 (bình quân mỗi ngày có 21 người chết vì TNGT). Đặc biệt, số người chết vì TNGT trong tháng 2 lên tới 850 người. TNGT đường bộ chiếm 97% số vụ, 95% số người chết, 99% số người bị thương.

* Sáng 12-6, tại km 28, tuyến đường liên huyện từ thị xã Nghĩa Lộ lên thị trấn huyện Trạm Tấu (Yên Bái), một chiếc xe ô-tô chở khách đã bị rơi xuống vực sâu gần 70m. Trên xe có 18 người, 16 người chết, hai người còn sống, trong đó một người bị thương nặng đang được cấp cứu. Nguyên nhân tai nạn là xe cũ, chở nặng, bị nổ lốp làm mất thăng bằng và lao xuống vực, bị va đập nhiều lần vào cây và đá trước khi chìm trong nước.

* Công ty dầu khí Nippon Mitsubishi Oil Corporation (NMOC) vừa công bố đã phát hiện một **vỉa dầu mới** ở khu vực phía nam của mỏ Rạng Đông, lô 15-2 ngoài khơi Việt Nam. Giếng RD-10X bắt đầu khoan từ đầu tháng 4.2001, độ sâu 5.044 m, sản lượng khoảng 8.000 thùng/ngày, đưa sản lượng khai thác dầu thô hiện tại từ mỏ Rạng Đông vào khoảng 50 nghìn thùng/ngày. Với sản lượng hiện tại, Rạng Đông là mỏ lớn thứ hai sau mỏ Bạch Hổ.

* Hết năm 2000, ở 44 tỉnh và thành phố, một triệu 119 nghìn 570 **thẻ bảo hiểm y tế** đã được cấp cho người nghèo, đồng thời việc tổ chức khám, chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế được thực hiện ở 3.249 trạm y tế xã, phường trong cả nước. Theo tiêu chí mới Việt Nam hiện nay còn khoảng hơn 20% số hộ nghèo đói, phân tán tập trung ở vùng nông thôn, miền núi, ở 1.715 xã đặc biệt khó khăn.

* Ngày 1-6, tại Hà Nội, Việt Nam và Nhật Bản đã ký công hàm về việc chính phủ Nhật viện trợ không hoàn lại

khoản kinh phí 3,737 tỷ yên giúp Việt Nam thực hiện dự án "nâng cấp cầu ở vùng đồng bằng sông Cửu Long". Theo đó, có 38 cầu với tổng chiều dài 2.185m ở 17 tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long sẽ được xây dựng mới. Đến nay, Nhật đã và đang hỗ trợ xây dựng 29 cầu ở 16 tỉnh vùng núi phía bắc Việt Nam.

* Công ty bảo hiểm Anh Prudential từ chối không trả thân nhân ca sĩ Lê Dung tiền bồi thường bảo hiểm sau khi chị qua đời hồi tháng 1 vừa qua vì một cơn tai biến mạch máu não. Lý do là khi khai bảo hiểm, Lê Dung đã không khai là từng được đưa vào bệnh viện vì bị bệnh này. Theo luật sư của gia đình Lê Dung thì nhân viên của công ty đã không cất nghĩa rõ ràng khi thân chủ điền mẫu khai lúc lấy bảo hiểm.

* Hãng dầu Pháp Total-Fina- Elf đã rút ra khỏi công ty làm nhựa trải đường Total Bitumen Vietnam trong đó hãng có 70 % cổ phần. Đây là một liên doanh có vốn đầu tư 198,5 triệu đôla gồm Total, Petro Vietnam và một công ty khác, được thành lập cuối năm 1999 tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là lần thứ hai Total rút khỏi một liên doanh với Petro Vietnam. Lần trước là trong chuyện nhà máy lọc dầu, Total không đồng ý với quyết định của VN đặt nhà máy này ở Dung Quất.

* Công ty Kiểm toán Andersen Việt Nam Ltd là công ty 100% vốn nước ngoài (Mỹ) đầu tiên vừa được bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép hoạt động kiểm toán cho các công ty tư nhân và công ty niêm yết tại Việt Nam, giúp các nhà đầu tư nước ngoài đánh giá khả năng đầu tư vào Việt Nam.

* Theo một số nguồn tin, chính quyền Bush sẽ bổ nhiệm ông Raymond Burghardt, thay thế đại sứ Pete Peterson rời Việt Nam vào giữa tháng bảy. Và thứ trưởng bộ ngoại giao Nguyễn Tâm Chiến sẽ thay thế đại sứ Lê Văn Bàng tại Hoa Thịnh Đốn (xem DĐ số trước).

* Các chuyên gia của Tổ chức bảo tồn sinh thái Birdlife quốc tế đã phát hiện lại loài Vạc hoa sau hơn 25 năm kể từ lần phát hiện đầu tiên ở Việt Nam, đây là loài chim đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu. Vạc hoa (còn tên khoa học là Gorsachius magnificus) đã được phát hiện tại vùng rừng núi đá vôi Lũng Lè thuộc xã Bản Thi và Xuân Lạc, tỉnh Bắc Cạn.

* Bộ Công nghiệp đã trình Thủ tướng Chính phủ kiến nghị từ 1.8.2001, không nhập khẩu 25 chi tiết, phụ tùng xe gắn máy. Danh mục này được đưa ra trên cơ sở các doanh nghiệp trong nước đã sản xuất được và hiện đã cung cấp cho các cơ sở lắp ráp xe. Nếu đề nghị này được thực hiện, toàn bộ xe máy sẽ được nội địa hóa khoảng 36,8%.

* Theo tin từ bộ Giáo dục và Đào tạo, **hơn 2,1 triệu lượt thí sinh đã đăng ký dự thi vào các trường đại học, cao đẳng**. So với năm 2000, số thí sinh đăng ký dự thi năm nay tăng 12%. Nhìn chung, số lượt thí sinh đăng ký dự thi vào các trường sư phạm, các trường đại học khối kỹ thuật có xu hướng tăng. Tỷ lệ giữa chỉ tiêu tuyển sinh của mỗi trường so với số thí sinh dự thi có khi lên tới 1/30, phổ biến là 1/10.

* Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn thứ năm của Việt Nam, với tổng kim ngạch mậu dịch song phương lên tới 2,5 tỷ USD năm 2000, tăng 82 lần so với năm 1991. Việt Nam xuất sang Trung Quốc hơn 100 mặt hàng, chủ yếu là nhiên liệu, nông sản, rau quả, gia cầm... Trung Quốc xuất sang Việt

Nam hơn 200 loại sản phẩm. Trung Quốc đầu tư vào 34 dự án ở Việt Nam. Năm 2000, số khách Việt Nam sang Trung Quốc lên tới hơn 20 000 người.

* Ngày 19-6, bệnh viện K Trung ương (Hà Nội) đã thực hiện thành công việc bóc tách khối u và tạo hình mặt cho một người bệnh 51 tuổi. Ca mổ kéo dài hơn ba giờ, **khối u được bóc tách lên tới 12kg**. Bệnh viện đã miễn phí hoàn toàn cho trường hợp này.

* Từ cuối tháng 4-2001, có tin Cục Nghệ thuật biểu diễn sẽ cấp giấy phép hành nghề cho 10 ca sĩ hải ngoại. Đợt đầu tiên có bảy ca sĩ : Hương Lan, Tuấn Ngọc, Trịnh Nam Sơn, Thái Châu, Hoài Linh, Phương Trinh, Elvis Phương và hai nghệ sĩ cải lương đã làm đơn xin cấp thẻ và nếu được Bộ Văn hoá-Thông tin cho phép, Cục Nghệ thuật biểu diễn sẽ cấp thẻ cho họ.

* Nhân dịp triển lãm "Hà Nội, chu kỳ của những hoà thân" (xem trang 2), ông Jean-Paul Huchon, chủ tịch vùng Ile-de-France đã trao cho ông Hoàng Văn Nghiên, chủ tịch thành phố Hà Nội, bản chụp khoảng 100 **sơ đồ kiến trúc Hà Nội nửa đầu thế kỷ 20**. Những sơ đồ này sẽ phục vụ các công trình xây dựng, tân trang các khu vực cổ Hà Nội.

Đọc báo trong nước

Đóng thuế từ đâu trả xuống?

- Bác Sư ạ, tôi vẫn không hiểu được cách tính thu nhập mới để nộp thuế thu nhập bắt đầu từ 1.7 là như thế nào? - Báo người ta đăng rành rành, thu nhập là lương, tiền làm thêm giờ, tiền thưởng các loại.

- Tức là những thứ ta ký trong sổ lương cơ quan. Thế còn những thứ không ký như các loại phong bì, quà biếu nhỏ xinh nhẹ nhàng?

- Cái đó đâu tới lượt bọn mình. Người ta nói đến "cơ chế phong bì" là dành cho những người có trách nhiệm, quan hệ công tác nhiều, tham gia vào nhiều công trình, dự án, còn làm công ăn lương như cánh ta còn lâu mới leo lên đến mức 3 triệu để mà làm nghĩa vụ đóng thuế. Ông khỏi phải lo việc này.

- Nhưng tôi lo cho các vị ấy quá, trước đây chẳng ai biết thu nhập ra sao, nay phải nộp thuế thì mọi người sẽ biết hết.

- Biết hết thì có sao, kinh tế thị trường, làm nhiều, hiệu quả cao thì thu nhập phải cao, lại đóng thuế đầy đủ, uy tín càng cao.

- Nhưng mà, em cứ xin phép được hỏi, những ai phải đóng?

- Ai có thu nhập từ 3 triệu trở lên phải đóng.

- Có chắc thế không.

- Ông này hỏi buồn cười nhỉ, luật pháp mà lại không chắc hay sao.

- Là vì em cứ suy ra từ những việc khác. Bác có biết chuyện "tấm từ đâu trả xuống không?". Từ đâu, cỗ, vai hay từ...lưng?

Lý Sinh Sư (Lao động 15.6.2001)

Thư ngỏ... (tiếp theo trang 1)

hang chục tỉ tiền xoá đói giảm nghèo và xây dựng hạ tầng cơ sở của miền núi mình lại giao cho một lũ ăn cắp, một lũ cướp ngày, thử hỏi làm gì mà không loạn. Dân đã được an cư lạc nghiệp, sống trong tự do hạnh phúc, thử hỏi liệu kẻ nào xúi giục kích động nổi ?

(...)

Ngay giữa Thủ đô, hết vụ chợ Đồng Xuân cháy, đến vụ Khánh Trắng, Phúc Bô lại đến vụ đất đai ở đè Yên Phụ, vụ thủy cung Thăng Long và bao nhiêu vụ tày trời khác, đ/c Bí thư thành ủy Phạm Thế Duyệt không những đã không bị kỷ luật lại còn được thăng lên làm uỷ viên thường vụ Bộ Chính trị, ngang nhiên ký quyết định khai trừ hết người nợ đến người kia, kể cả những người khiếu nại tố cáo tội lỗi của mình, ngang nhiên ký 19 điều cấm, tước hẳn quyền công dân của hơn 2 triệu đảng viên. Những người này không biết tự trọng đã đành, nguy nhất là kỷ cương phép nước không còn ra sao. Khi hiến pháp, luật pháp đã bị chà đạp một cách trắng trợn đến mức đó thử hỏi làm sao xã hội lại không loạn ?

Thưa đồng chí,

Chúng tôi trân trọng kiến nghị : với cương vị cao cả và quyền lực mạnh mẽ nhất của mình, đ/c hãy kiên quyết đổi mới thể chế chính trị của ta. Chỉ có đổi mới *thể chế chính trị* mới có thể giữ vững được *chế độ chính trị*.

Hiện nay, chế độ chính trị của chúng ta không phải là XHCN, điều đó đã rõ như ban ngày. Nhưng nó cũng chẳng phải là phong kiến, cũng chẳng phải là tư bản, nó là một thứ pha tạp không biết gọi tên là gì cho đúng. Đây chính là chỗ yếu của chúng ta khiếu cho những người làm lý luận quốc doanh cứ ẩn nấp để ngụy biện. Ai cũng ra rả tung những câu được gọi là kinh điển của Lenin “ có lý luận cách mạng mới có phong trào cách mạng ” mà có bao giờ chịu lý luận cho nghiêm chỉnh. Mà lý luận nghiêm chỉnh sao được khi người ta không nghiên cứu thực tiễn một cách nghiêm chỉnh. (...) Vừa qua, thủ tướng Chu Dung Cơ, một cây lý luận, một cây cải cách có bản lĩnh lớn của Trung Quốc cũng phải thú nhận rằng nếu bảo tôi phải chứng minh sự ưu việt của CNXH thì tôi không làm nổi. Còn uỷ viên thường vụ bộ chính trị Lý Thuy Hoàn, chủ tịch Chính hiệp Trung Quốc (tương đương như chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) trong một buổi nói chuyện với Đảng bộ Thượng Hải đã phải nói trắng ra rằng : “ *Thử hỏi các đ/c ngồi đây ai đã đọc chủ nghĩa Mác và những ai đã hiểu CN Mác. Phải nói thẳng rằng chúng ta chẳng ai hiểu CN Mác, chúng ta chỉ lừa dối nhau thôi* ” . Những điều đó không chỉ đúng với Trung Quốc mà cũng đúng với Việt Nam chúng ta – chỉ có điều cùng một gầu một duoc như nhau nhưng họ thì dám nói thật với nhau, còn ta thì không dám.

(...)

Cứ ra sức bảo nhau “ *đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống* ” , thực hiện liên dám năm mới thấy là sai, thậm chí có những nghị quyết đến vài chục năm mới phát hiện ra là sai. Họ có biết đâu rằng phải *đưa cuộc sống vào nghị quyết* thì nghị quyết mới có giá trị thực tiễn và khi trả lại đòi sống mới có tác dụng tốt. Mà ngay khi đã có một nghị quyết đúng và tốt rồi thì với thể chế chính trị hiện tại và với một bộ máy công kẽm

chồng chéo, chúng ta cũng không tài nào thực hiện được để đạt hiệu quả mong muốn. Mệnh lệnh cao nhất của Thủ tướng, người đứng đầu ngành hành pháp mà còn không thực thi được thì nghị quyết nào có thể trông chờ ở sự tự giác tuân theo ?

Chuyện gần đây nhất ai cũng thấy là chính phủ Phan Văn Khải quyết tâm thực thi Luật doanh nghiệp mà Quốc hội ta đã thông qua. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển là một việc làm vừa phù hợp với qui luật, vừa thích hợp với thực trạng kinh tế của đất nước và thế giới. Thế mà riêng một việc thực hiện bỏ các “ giấy phép con ” cũng trầy trật hàng năm không xong. Ban thanh tra của tỉnh, ban kiểm tra của huyện, đội quản lý thị trường của phường xã, chưa kể các tổ công an kinh tế lúc nào cũng có thể “ thăm hỏi sức khoẻ ” các doanh nghiệp. Không “ lót tay ” thì rất rầy rà mà “ lót tay ” cho đủ thì còn gì là lời lãi để tiếp tục kinh doanh. Một hiện tượng kỳ quái là *hàng giả* thì tràn ngập thị trường, còn *hàng thật* thì bị gãy khó dễ có khi bị ách lại. Phân hoá học của doanh nghiệp 19-8 ở Hải Phòng đã được Viện Khoa học hình sự của Bộ Công an giám định là phân thật, đúng như mẫu đã đăng ký, bộ phận kiểm định của Sở Công nghệ Hải Phòng cũng xác nhận như thế. Nhưng công an quận Kiến An, một cấp thấp hơn cả Tỉnh và Bộ dứt khoát không cho hàng xuất khẩu doanh nghiệp. Thế nghĩa là thế nào ? Chúng ta trải qua bao nhiêu đấu tranh mới giành được chính quyền và xây dựng bộ máy nhà nước của chúng ta. Thế mà TRÊN bảo, DƯỚI không nghe. Đúng như nhân dân đã từng nhận xét và đúc kết : *dưới lòng quyền, trên bất lực*.

Chúng tôi đã nhiều lần quan sát đ/c điều khiển các buổi họp của Quốc hội. Nhìn nét mặt đầy ưu tư của đ/c, chúng tôi cảm thông được nỗi băn khoăn và khổ tâm của đ/c. Lãnh đạo và quản lý bộ máy quyền lực cao nhất của đất nước (theo văn bản Hiến pháp qui định) thế mà đ/c không thể thực thi đúng quyền lực của mình. Đ/c hiểu rõ chỉ thị 31/CP do đ/c Võ Văn Kiệt ký là vi phạm Hiến pháp ; 19 điều cấm đảng viên do đ/c Phạm Thế Duyệt ký là vi phạm Hiến pháp, và nhiều thứ văn bản trái Luật, trái Hiến pháp khác, đ/c vẫn phải làm ngo. Vì tiền lệ thế nào thì hậu lệ vẫn cứ phải thế thôi. Đ/c Lê Quang Đạo chỉ sau khi rời chức vụ Chủ tịch Quốc hội mới dám nói lên một sự thật : Quốc hội chỉ là bộ máy giơ tay. Đ/c Trần Độ sau khi rời chức vụ Phó chủ tịch Quốc hội cũng mới dám nói lên một sự thật : chúng ta đang thực hiện chế độ Đảng trị, quyền lực của Đảng trên cả Quốc hội, trên cả Hiến pháp và Pháp luật. Chúng tôi cũng hiểu rất rõ ràng trong thâm tâm những người cộng sản Việt Nam chân chính, chẳng ai muốn thực hiện chế độ Đảng trị, độc tài, chuyên chế. Các đ/c đều thương yêu nhân dân, chẳng ai muốn đè đầu cưỡi cổ nhân dân. Nhưng cũng phải khách quan mà nhận định rằng các đ/c Lê Duẩn, Lê Đức Thọ đã rất sai lầm, phần nào hoa mắt lên vì chiến thắng, phần khác chịu ảnh hưởng nặng nề tư tưởng Stalinít, Maoít một cách không tự giác, nên nhiều lúc sai lầm một cách cũng rất không tự giác. Tư tưởng của các đ/c ấy cũng pha tạp tư tưởng phong kiến Tống nho của triều Nguyễn rất nặng. (...)

Kêu gọi người ta góp ý kiến xây dựng, ý kiến nào đồng tình với mình thì hô hởi bảo nhau đăng lên đủ các thứ báo quốc doanh, ý kiến nào khác với mình thì cho ngay công an đến hạch hỏi khám xét nhà cửa (trường hợp đ/c Lê Hồng Hà) hoặc triều lên Sở Công an để chất vấn (trường hợp đ/c Hoàng Minh Chính). Thủ hỏi đến Đại hội X thì còn ai muốn góp ý kiến nữa.

Cũng có người bức bối nói : cứ làm ăn lãnh đạo kiểu này thì làm gì có Đại hội X.

Hãy cứ nhớ lại chuyện vua chúa ngày xưa, độc quyền độc đoán đến như thế mà vẫn còn phải căng tai ra mà nghe ý kiến của các gián quan, ngự sử để giữ cho mình được tinh táo mà biết cách cai trị muôn dân. Nếu chỉ vì có ý kiến đối lập, đối nghịch mà đã sụp đổ, thiết tưởng chế độ phong kiến và cả chế độ tư bản đã sụp đổ từ lâu rồi, làm gì có chuyện tồn tại hàng mấy ngàn năm (phong kiến) hoặc mấy trăm năm liền (tư bản).

Từ thực tế lịch sử và hiện tại mà suy ra càng bịt mồm bịt miệng nhau thì sụp đổ càng nhanh. (...) Ở đất Việt này, khi nhân dân đã nổi giận thì vua và thực dân đế quốc còn không tồn tại nổi, không hiểu các đ/c ấy định tồn tại đến bao giờ ? Chắc các đ/c ấy còn chưa tỉnh ngộ vì quá tin vào một đặc điểm tâm lý của nhân dân ta : cứ bao giờ sắp chết mới nổi giận. Xưa thì thế chứ nay chắc không phải thế. Chớ quên rằng ta đang sống ở đâu thiên niên kỷ mới, ở thời đại của *computer* và *internet*.

Thưa đồng chí,

Lời người đã khuất mà *sai* thì không nên theo, nhưng nếu đúng thì phải bùn nhau thực hiện. Theo chúng tôi, để thực hiện những lời dạy *đúng* của tổ tiên ông bà xưa, gần nhất là những lời dạy *đúng* của Cụ Hồ, và cũng là để đáp ứng đúng nguyện vọng của các thế hệ anh hùng liệt sĩ đấu tranh liên tục trong 117 năm trường (1858-1975), và nguyện vọng của nhân dân ta hiện nay, chúng ta nên thảo luận rộng rãi và nếu cần nên tổ chức Trung cầu ý Dân về mấy vấn đề lớn sau đây :

1. Xóa bỏ Điều 4 trong Hiến pháp hiện nay. Đây không phải là điều mới lạ, sáng tạo gì của Đảng ta. Chẳng qua là sao chép từ Điều 6 của Hiến pháp Liên Xô từ năm 1980, nghĩa là 11 năm sau khi Bác Hồ qua đời. Điều 4 đã đặt ĐCS vào vị thế siêu quyền lực, siêu pháp luật, không chịu bất cứ sự giám sát nào kể cả cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước là Quốc hội. Nói khác đi, Đảng không chịu sự kiểm soát của nhân dân mà đang ngồi trên đầu trên cổ nhân dân (các viện sĩ Liên bang Nga nói Đảng Cộng sản Liên Xô sụp đổ vì đã xa rời nhân dân là không đúng, nó đổ vì đã dính quá chặt vào đầu vào cổ nhân dân nên khi nhân dân không chịu nổi nữa thì hất nó ra khỏi đầu khỏi cổ mình, thế thôi). Chính Điều 6 ở Hiến pháp Liên Xô và Điều 4 ở Hiến pháp Việt Nam đã tạo điều kiện pháp lý cho những đảng viên tồi tệ có thể lộng hành, lộng quyền một cách không giới hạn. Không thể chống được bọn cửa quyền, tham nhũng cũng chính là do Điều 4 này.

Nhiều đảng viên (trong đó có cả những đảng viên chân chính và thông minh) cứ lo bở Điều 4 sẽ mất vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ nhầm. Họ quên rằng hồi 45-46 dù không có Điều 4 mấy chục triệu nhân dân vẫn đi theo sự lãnh đạo của Cụ Hồ và 5000 đảng viên. Họ cũng quên lời Cụ Hồ khi thấy có những đảng viên muốn làm “ quan cách mạng ”, lên mặt lãnh đạo, đã nhắc nhở : đảng cộng sản không thể tự vỗ ngực tự xưng mình là người lãnh đạo và bắt nhân dân thừa nhận sự lãnh đạo của mình. Bỏ điều 4 thì mất bọn cửa quyền tham nhũng chứ không thể mất Đảng. Tóm lại : bỏ thì còn, để thì mất. Liên Xô và Đông Âu đã là cái gương tài liếp, tùy Đảng và nhân dân lựa chọn.

2. Thiêu di hài của Bác Hồ. Giữ lại di hài của Bác Hồ, ta đã phạm hai sai lầm :

a. Sai với truyền thống đúng của dân tộc. Ta có truyền thống hóa táng (thời Lý, Trần), địa táng tức là đào sâu chôn chặt (thời Lê, Nguyễn), không có truyền thống chôn nổi. Người đã khuất nằm không yên hoặc do động mồ động mả thì người sống không thể sống yên ổn, đó là đời sống tâm linh Việt Nam. Nhiều người thành tâm tin rằng do Cụ Hồ nằm không yên nên Đất Nước không yên, xã hội không “ ổn định ”.

b. Sai với Di chúc của Bác. Bác chọn truyền thống Lý Trần, ta nhập dài điện táng Hoàn Vũ cũng là theo truyền thống đó, lại rất hợp với khoa học hiện đại. Mật khác không nghiêm chỉnh tuân theo lời Di chúc đúng của người đã khuất thì gia đình, dòng họ và với ta là Đất Nước luôn luôn bị “ sái ”, không ngóc đầu ngó cổ lên được.

Nếu các đ/c không tin thế giới tâm linh thì cũng vui lòng tin vào cái thực tế này :

– Giữ lại di hài của Bác để mỗi năm tiêu tốn khoảng 100 tỷ đồng là điều đòi sống kinh tế Việt Nam không chấp nhận. Không những thế còn sai với ý nguyện tốt bậc của Bác Hồ : “ Tôi chỉ có một mong muốn, mong muốn tốt bức là : *Nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng đủ cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành* ”, đồng thời cũng sai với chủ trương “ xoá đói giảm nghèo ” của Đảng hiện nay. Bình quân mỗi hộ nông dân bây giờ chỉ cần được vay 5 triệu là hết đói nghèo. Một tỷ là 1000 triệu. Một trăm tỷ là một trăm nghìn triệu. Thủ chia ra thì biết ngay mỗi năm ta xoá được đói nghèo cho bao nhiêu hộ nông dân và 5 năm liền thì xoá được đói nghèo cho bao nhiêu hộ ? No ấm thì sống yên ổn, đói nghèo sinh loạn lạc, đó là lẽ thường tình trong đời. Các đ/c thử hỏi ý kiến nhân dân xem, mọi người thích no ấm hay đói nghèo. Nếu quả thật nhân dân cam phận, chịu đựng được đói nghèo, tất nhiên không có chuyện gì đáng bàn nữa.

(...)

3. Tự do ngôn luận thật sự. Theo Hiến pháp 46 thì nhân dân phải được hưởng mọi quyền tự do dân chủ. Và nhân dân có những thời kỳ đã thực sự được hưởng quyền Tự Do Dân Chủ ấy nên đã có đủ sức mạnh tinh thần và văn hóa để thắng những đế quốc lớn ở thế kỷ XX. Nếu nhân dân không cầm vũ khí để bảo vệ Độc Lập Tự Do của mình mà chỉ là một lũ người đánh thuê thì cũng thua lâu rồi. Chẳng có lực lượng nào có thể ép nhân dân mình cầm súng để đi vào chỗ chết. Nhưng chết vì *độc lập tự do*, người ta sẵn sàng chấp nhận. Phải nói trắng ra rằng ngay vào những giai đoạn quyết liệt nhất mà có những đảng viên cấp cơ sở cũng như cao cấp đã chạy chọt cho con mình khỏi phải đi chiến đấu thì họ đã phản bội lý tưởng Độc Lập Tự Do rồi. Gọi cho đúng tên, đó là bọn phản bội dân tộc. Thực tế lịch sử cũng như hiện tại đã chứng minh rằng cứ có *tự do dân chủ thực sự* là chúng ta phát triển và có sức mạnh. Nhiều đ/c cứ lý luận chê bai dân chủ tư sản và đề cao dân chủ xã hội chủ nghĩa. Họ cho dân chủ tư sản là thứ dân chủ vờ vẹt, giả hiệu. Vâng, chúng ta cứ thử vờ vẹt giả hiệu như thế để cố mà phát triển cho bằng anh chị em trong khu vực. (...) Chúng tôi cảm phục sự thẳng thắn của đ/c Lý Thận Chi – cựu trợ lý của đ/c Đặng Tiểu Bình – đã viết trong dịp kỷ niệm quốc khánh Trung Quốc năm 1999 : trong 50 năm qua Trung Quốc chưa hề có dân chủ. Đã đến lúc chúng ta cũng nên học tập đ/c Trường Chinh, hô to : “ *Tự do hay là chết !* ”. Trong tình cảnh hội nhập quốc tế mà ta cứ trói chân trói tay nhau, khâu mồm

khoá miệng nhau lại thì quả là sê “ chết ” thực sự, chỉ có điều : ai là kẻ cam tâm chịu chết ? Đó là vấn đề. Nhân dân ư ? Không, nhân dân Việt Nam sẽ đòi đòi bất tử !

Tóm lại, trả lại Tự Do Dân Chủ thực sự cho nhân dân thì còn. Ngược lại thì mất. Không phải bàn nhiều. Chắc chắn dân tộc Việt mình không bao giờ chấp nhận **dân chủ vờ để rồi nô lệ thật**.

Thưa đồng chí,

(...)

Rõ ràng chế độ minh hiện nay đâu có phải là chế độ XHCN. Nó là chế độ tư bản chăng ? Càng không phải ! Vậy thì nó là cái gì ? Chẳng lẽ toàn là những người hiểu biết mà ta lại vui lòng chấp nhận một thứ “ dở hơi dở chuột ” này mãi hay sao ?

Chúng ta vốn ghét chế độ tư bản nhưng lại chơi toàn những trò tư bản chủ nghĩa. Mà ai được chơi ? Không phải nhân dân mà là toàn *Con Cháu Các Cụ Cả*. Chắc đ/c cũng biết người ta ngán cái 5C này như thế nào rồi. Thà rằng chúng ta quay lại chế độ phong kiến theo truyền thống có lẽ lại hay hơn chăng ?

Hàng ngàn năm nay, nhân dân ta vốn sống trong chế độ phong kiến đã quen rồi. Chỉ cần có một *ông vua sáng* và những *tôi hiền*, có lòng thương dân và biết cách cai trị. Dân được no ấm, an cư lạc nghiệp, thế là xã hội bình ổn. Xem như các đời Lý Nhân Tông, Lý Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Lê Thánh Tông ... :

Đời vua Thái tổ, Thái tông

Thúc lúa đầy đồng, trâu ch้าง buồn ăn

Chẳng thấy sử sách nào ghi những thời này có khởi nghĩa nông dân. No ấm rồi, an cư lạc nghiệp rồi, ai mà “ kích động ” nổi họ đi làm loạn, làm giặc. Vua quan triều Nguyễn mà cai trị từ tế liệu Cao Bá Quát lại kích động nổi nhân dân Mỹ Lương (Hưng Yên) “ nổi loạn ” ? Mấy triều Minh Mệnh, Tự Đức đúng là giữ kỷ lục về số cuộc khởi nghĩa nông dân : hơn 400 cuộc (nguồn : *Đại Nam thực lục chính biên*). Các Đảng Cộng sản ta vốn sở trường về “ kích động ”, thôi không kể các nước G7, hãy thử kích động nhân dân mấy nước Singapore, Thái Lan, Malaixia, ... xem kết quả thế nào ?

Nghĩa là các đ/c đã tự nhận có sứ mệnh phải độc quyền lãnh đạo, độc quyền cai trị. Các đ/c được lịch sử giao phó sứ mệnh chẳng khác gì vua chúa ngày xưa tự xưng mình là Con Trời (thiên tử) phải *lĩnh mệnh trời* để cai trị dân. Cứ coi là thế đi, thì cũng phải biết cai trị một cách tử tế chứ. Nói thẳng ra nếu vua quan nhà Nguyễn, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ mà cai trị tử tế thì đâu đến lượt các đồng chí.

(...)

Nhà bác học Lê Quý Đôn từng nói : “ *quan nhiều thì dân khổ* ”. Vậy, muốn cho dân khỏi khổ thì hãy bớt quan đi. Chẳng hiểu các đ/c thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ra sao mà 25 năm qua, cứ mỗi lần hô hào tinh giản biên chế thì biên chế lại càng phình ra, “ *quan* ” lớn, “ *quan* ” nhỏ lại đông thêm (chữ “ *quan* ” này chính do báo chí ta dùng chứ không phải chúng tôi). Lâu nay, từ “ *cán bộ* ” dễ thương như thế bỗng nhiên biến hết thành “ *quan chức* ”).

Thôi thì các đ/c đảng viên cộng sản đã thích làm “ *quan* ” thì đ/c cũng làm “ *vua* ” đi cho đồng bộ. Một đồng chí cùng với 150 đại thần và với một số tiểu thần hết sức hạn chế về số

lượng có phải giàn đị hơn không ? Cần gì phải có Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc với đủ các thứ đảng uỷ, đảng đoàn, chi bộ, đoàn thể linh tinh cho thêm tốn kém.

(...)

Xưa kia, đâu tỉnh chỉ có một *tổng đốc*, đâu huyện chỉ có một *tri huyện*, đâu xã chỉ có một *lý trưởng* mà thuế dân đã nuôi không xuể. Thế mà bây giờ chỗ nào cũng mấy chục ông “ *lý trưởng* ”, mấy chục ông “ *tri huyện* ”, mấy chục ông “ *tổng đốc* ” hói dân nào cung phụng nổi.

(...)

Ngày xưa, cả triều đình ngót trăm đại thần chỉ có Lục bộ với 6 quan thượng thư có trách nhiệm rõ ràng trước nhà vua. Nay ta có tới mấy chục bộ. Vừa bộ của Đảng, vừa bộ của Nhà nước, “ *lục bộ* ” nọ chồng lên “ *lục bộ* ” kia mà chẳng vị nào chịu trách nhiệm. Việc cải cách giáo dục thất bại, Bộ trưởng Giáo dục vô can, Trưởng ban Khoa giáo của Trung ương Đảng cũng chẳng hề hấn gì. Kết quả là đổ lên đầu dân, mọi chuyện sai lầm thất bại là do “ *dân trí* ” thấp mà ra. Vậy, thử hỏi “ *dân trí* ” thấp hay “ *đảng trí* ” thấp ?

(...)

Chúng tôi cho rằng chỉ một “ *vua* ” cộng với 150 đại thần (nếu thấy quá đông thì rút bớt) với một “ *tổng đốc* ”, một “ *tri huyện* ”, một “ *lý trưởng* ” là mọi việc xong hết. Nhân dân tình nguyện đóng góp thêm, đánh cho đồng chí 10 thanh kiếm thượng phong để đ/c thực sự giao quyền “ *tiền trǎm hậu táu* ” cho các quan thanh tra. Quan thanh tra không làm tròn nhiệm vụ thì cũng cứ thẳng tay trảm luôn. Đ/c cứ thực hiện “ *sứ mệnh lịch sử* ” một cách nghiêm minh, xoá đói giảm nghèo một cách thực sự, luật pháp thi hành không trừ ai. Quan lại không dám tham nhũng, nhân dân khắp thôn cùng xóm vắng đều no ấm, không còn tiếng hờn giận oán sầu. Xã hội tốt như thế mà vẫn còn động loạn thì như bà con nông dân thường nói, xin cứ mang đầu chúng tôi đi mà chặt, nửa lời không thèm kêu oan.

Các đ/c cứ việc độc quyền độc đoán, không sao cả, miễn là nhân dân no ấm. Tất nhiên các đ/c có cái khó hơn các vua chúa xưa là không được để cho đất nước tụt hậu. Minh vẫn tự hào là một đất nước văn hiến, cứ thua mãi anh chị em trong khu vực là nhục. Ở tư thế kẻ chiến thắng ra khỏi chiến tranh 25 năm mà tình hình đất nước lại như thế này thì lỗi tại ai ?

(...)

Tóm lại, đ/c và “ *triều đình* ” của đ/c cứ lãnh đạo thế nào cho nhân dân no ấm, đất nước phát triển bằng chị bằng em trong khu vực thì chẳng xảy ra chuyện gì hết. Còn nếu để cho nhân dân nghèo đói, đất nước tụt hậu nhục nhã thì tất nhiên nhân dân lại phải khởi nghĩa “ *đuổi* ” các đ/c đi như đã từng làm đối với các triều đình suy thoái thời mạt Lý, mạt Trần, mạt Lê. Hắn có nhiều người sẽ kêu lên : làm gì đến nỗi thế ! Vâng ! Nếu cứ để “ *triều đình* ” và bộ máy nhà nước tràn ngập bọn “ *quan lại* ” cơ hội cừa quyền, tham nhũng thì xin vui lòng... hãy đợi đấy !

Thưa đồng chí,

Phe XHCN chúng ta vốn có truyền thống “ *đi từ nghiêm túc đến buồn cười* ”, nay lại phải “ *đi từ buồn cười đến nghiêm túc* ”. Có thể đ/c và nhiều người cho rằng chúng tôi đang bàn việc Đảng việc dân một cách thiếu nghiêm túc. Không ! Chuyện *độc đoán* hay *dân chủ* là chuyện hoàn toàn nghiêm túc. Phải nghiêm túc chỉ ra rằng Đảng ta đang hết sức độc

đoán và thực hiện một thể chế chính trị không thích hợp với thời đại. Đại hội từ cơ sở đến toàn quốc, các đ/c dự kiến bầu cử nhau, nhân dân tham gia vào chỗ nào. Mai kia các đ/c lại dự kiến cử người sang Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và dù các thứ người vào các chức vụ trong bộ máy nhà nước, đại đa số là đảng viên, nhân dân có quyền gì vào đó. Chúng ta tiếp tục dân chủ một cách hình thức, chúng ta sẽ sụp đổ. Đó là điều chắc chắn

Nghị quyết Đại hội IX vừa rồi đưa lại hai chữ dân chủ vào mục tiêu nhưng đưa không đúng vị trí, cũng vẫn là đối phó một cách hình thức. Hầu hết các đại biểu, trong đó có các nhà lý luận hết sức né tránh không dám bàn về vấn đề dân chủ một cách thực sự, thực lòng. Nếu đ/c thực lòng muốn dân chủ hoá đất nước, hẳn đ/c phải thấy tình hình hiện nay là đáng lo ngại và đ/c phải nghĩ đến việc thay đổi thể chế chính trị. Chúng ta phải có một Quốc hội tử tế, nhân dân phải được hưởng thực sự mọi quyền tự do đã ghi trong hiến pháp. (...) và đ/c cũng nên có kế hoạch giáo dục và chỉ thị cho đảng viên các cấp của mình thôi đi cái trò vỗ ngực tự nhận mình đang được lính “sứ mệnh lịch sử” để lãnh đạo nhân dân này. Người đảng viên cộng sản sao lại có thể coi mình mang sứ mệnh lãnh đạo như vua chúa ngày xưa lĩnh mện trời để cai trị dân. Đó là một kiểu suy nghĩ lỗi thời, không thể chấp nhận được.

(...)

Nếu quả thật đ/c thấy lập một triều đình phong kiến trong thời đại hiện nay là hoàn toàn lỗi thời, lố bịch thì không còn đường nào khác là con đường dân chủ hoá đất nước. Chúng tôi thấy không nhất thiết phải “độc nguyên” hoặc “đa nguyên”. Cứ “đồng nguyên” như ông bà ta thời Lý Trần là hay hơn cả. Với truyền thống “đồng nguyên” và tinh thần “đồng thuận”, đ/c có trách nhiệm tập hợp tất cả những người có tâm huyết và có trí tuệ ưu tú thực sự để bàn bạc việc phát triển đất nước. Không nên dựa vào những người lý luận giáo điều hoặc đang ngoan cố bảo vệ những tín điều lạc lõng với cuộc sống.

Cách đây khoảng 6000 năm, người cầm đầu đất nước đã có ý thức rất rõ ràng trách nhiệm của mình nên đã nói :

“ Các ngươi có điều tốt, ta không dám che lấp, bản thân ta có tội, ta không dám tự tha ... Các ngươi ở muôn phương có tội, đó là tội của ta, bản thân ta có tội, ta không thể đổ cho các ngươi.”

(Nhĩ hữu thiện, dư phát cảm tế, dư nhất nhân hữu tội, bất cảm tự xá... Nhĩ vạn phương hữu tội, tội tại dư nhất nhân, dư nhất nhân hữu tội, vô dĩ nhĩ vạn phương). (Thang cáo - Thượng Thư)

Nếu tất cả những người đứng đầu đất nước hoặc đứng đầu từng cơ quan nhà nước đều ý thức được như vậy thì làm thế nào đất nước lại không phát triển ; bọn cơ hội cửa quyền, tham nhũng lại không tiêu vong ? Nếu tất cả đều không nghĩ được như vậy thì làm thế nào mà đất nước lại không nghèo nàn, loạn lạc, tụt hậu; làm thế nào bè lũ cơ hội, cửa quyền, tham nhũng không sinh sôi nẩy nở ?

(...)

Chúng tôi tạm dừng ở đây và xin kính chúc đồng chí thành công trong sự nghiệp dân chủ hoá đất nước.

Kính chào thân ái và quyết thắng
Trần Khuê - Nguyễn Thị Thanh Xuân

(tiếp theo các số 105, 106, 107, 108 và hết)

Ở trên, chúng tôi đã nói tới chủ nghĩa tư bản đầu thập kỷ 70, khi nó đạt tới tuyệt đỉnh quyền lực và vinh quang : một nền kinh tế tiêu dùng đại chúng dựa trên tận dụng nhân lực và tăng trưởng thu nhập (thực sự) đều đặn, được gia cố bằng một hệ thống bảo hiểm xã hội được tài trợ bằng công quỹ ngày càng tăng cao. Như tờ *Financial Times* đã viết một cách tự hào : nó đã đẻ ra “một hệ thống sản sinh ra tài nguyên [...] từ nay được mọi người thừa nhận là hữu hiệu nhất, chưa từng có trong lịch sử nhân loại”. Sự thành đạt làm cho người ta trở thành hào phóng : các nhà tuyên giáo của chủ nghĩa tư bản (và chủ nghĩa xã hội) cải lương thấy không cần phải lấp liếm những khuyết điểm của nó nữa (khuyết điểm chủ yếu là sự bất bình đẳng trong phân phái, nhất là ở quy mô toàn cầu), nhưng họ tin chắc rằng nhờ sự tăng trưởng về kinh tế và sự ổn định về chính trị, số đông nhân loại còn sống ở những khu vực chưa đi vào con đường “phát triển” và “hiện đại hóa”, cuối cùng cũng sẽ được hưởng những thành quả mà cho đến nay vẫn còn dành riêng cho những nước được ưu đãi.

Kinh tế thời mạt ki

1968, cuộc nổi dậy khắp nơi của sinh viên vang lên như một hồi chuông cảnh tỉnh (lẽ ra phải như thế). Sự kiện “tháng năm 1968” nằm ngoài phạm vi kinh tế và chính trị, nó chỉ huy động một thiểu số riêng biệt, chủ yếu ở ngoài lề giới tác nhân “có trách nhiệm” của xã hội tiêu thụ : “Ý nghĩa văn hóa của nó vượt xa ý nghĩa chính trị, và khác hẳn những phong trào tương tự ở các nước thế giới thứ ba và ở các nước độc tài, ý nghĩa chính trị của phong trào 5-1968 ở các nước tây phương phải nói là khá mờ ảo. Tuy nhiên, ít nhất nó có giá trị cảnh báo, nó có thể ví như một tấm hình memento mori (*) cho cả một thế hệ không mấy tin tưởng rằng các vấn đề của xã hội tây phương đã được giải quyết dứt điểm rồi” (tr. 377).

Hobsbawm nhận xét, nhà sử học cũng không khác gì mọi người : một cuộc trải nghiệm, chỉ khi nào đã kết thúc rồi, họ mới nhận thức được bản chất của nó. Cho nên, ở các nước phương tây, mãi tới đầu thập kỷ 70, nghĩa là khi Thời kì Hoàng Kim của chủ nghĩa tư bản cải lương kết thúc, người ta mới nhận diện được “Ba mươi năm quang vinh”. Cuộc khủng hoảng xã hội biểu lộ qua cuộc bùng nổ của sinh viên năm 1968 là dấu hiệu chứng tỏ rằng cái thế quân bình “phép lạ” của Thời kì Hoàng Kim không còn có thể kéo dài được nữa. Sự quân bình này dựa trên một loạt tham số không dễ điều tiết với nhau : về mặt kinh tế, là phải điều hành giữa tăng trưởng năng suất và tăng trưởng thu nhập sao cho giữ được ổn định lợi nhuận ; về mặt xã hội, tranh thủ được sự đồng thuận giữa các “đối tác” để bảo đảm sự vận hành suôn sẻ của “Nhà nước ban phát” và tận hưởng lợi ích của nó ; về mặt chính trị, là sự bá chủ của một siêu cường (Hoa Kỳ) giữ (dù đôi khi không muốn) vai trò bảo đảm và ổn định công việc làm ăn của thế giới... Thế mà, “vào cuối thập kỷ 60, tất cả các tham số đó đã biểu lộ dấu hiệu bị xói mòn và rạn nứt” (tr 376) : vị trí lãnh đạo của Hoa Kỳ suy sụp trong sự sa lầy ở Việt Nam ; thế lực kinh tế Mĩ cũng suy giảm đi vì thiếu hụt quá mức ; khối lượng tiền tệ thế giới tăng quá nhiều ; lạm phát, quá kích (sur-chauffe) ; năng suất tăng chậm, đòi hỏi tăng lương gia tăng... Hệ thống tài chính quốc tế Bretton-Woods sụp đổ năm 1971,

Thời đại của những thái cực

Nguyễn Quang

nguyên liệu tăng giá (thật ra là điều chỉnh giá) năm 1972-73, hai cú sốc dầu mỏ năm 1973 và 1979⁽¹⁾... tất cả những yếu tố đó đã đưa thế giới bước vào một thời kì khủng hoảng mới. “Trong những năm 1980 và đầu những năm 1990, một lần nữa thế giới tư bản chủ nghĩa lại loạng choạng dưới những gánh nặng tương tự như trong giai đoạn giữa hai cuộc thế chiến, những gánh nặng mà thời kì Hoàng kim tưởng như đã xua đuổi đi rồi : thất nghiệp đai trù, suy thoái chu kỳ nặng nề, tương phản ngày càng lộ liêu giữa người nghèo khổ và người giàu có, giữa những khoản thu hạn chế của Nhà nước và chi tiêu công quỹ vô hạn định” (tr.30). Nhưng khác với năm 1929, lần này cuộc khủng hoảng diễn ra trên quy mô toàn cầu, nghĩa là nó không ngừng ở biên giới “chủ nghĩa xã hội hiện tồn” : “Với những nền kinh tế uể oải, yếu ớt, các nước xã hội chủ nghĩa đã phải đi từ đoạn tuyệt này tới đoạn tuyệt khác, nhiều khi rất cơ bản, đối với quá khứ, và như chúng ta biết, quá trình ấy cứ tiếp diễn cho tới ngày sụp đổ. Sự sụp đổ ấy đã kết thúc Thế kỉ ngắn, cũng như cuộc Thế chiến thứ nhất đã khai mạc nó” (tr.30).

Trong phần đầu của loạt bài này, chúng tôi đã phân tích những nguyên nhân thuần túy kinh tế dẫn tới sự nổ sụm (implosion) của chủ nghĩa xã hội hiện tồn, nay xin miễn trả lại. Vẫn biết “sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội xôviết và những hậu quả ghê gớm của nó, những hậu quả hiện nay một phần còn chưa lường hết được, nhưng chủ yếu là tiêu cực, là biến cố bi thảm nhất của giai đoạn bế mạc thế kỉ này” (tr. 29), nhưng nếu ta chia sẻ quan điểm của Hobsbawm theo đó, tác động dài hạn của Thế kỉ XX đối với lịch sử nhân loại sẽ phát xuất, không phải từ sự đụng đầu giữa “chủ nghĩa tư bản” và “chủ nghĩa xã hội”, mà từ những biến đổi sâu sắc, không thể đảo ngược, đã diễn ra trong mấy chục năm “vinh quang” của Thời kì Hoàng Kim, thì cũng cần xét xem mấy thập niên khủng hoảng tiếp theo đó đã mang lại những thay đổi như thế nào.

Với sự tái hiện của nạn thất nghiệp cục bộ, nếu không nói là đại trà, những ai (như Hobsbawm) từng sống qua cuộc khủng hoảng 1929 đều lo ngại sẽ có một cuộc bùng nổ xã hội... đã không xảy ra. Không xảy ra tất nhiên là nhờ những cơ chế bảo hộ mà Nhà nước ban phát đã xây dựng (trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm bệnh tật, hưu bổng...), song điều nghịch lí là nhằm đúng lúc hệ thống bảo hộ này đang chứng minh hiệu quả của nó, thì nó lại bị những người mà tác giả gọi là “những nhà thiên học thế tục của thị trường” công kích dữ dội. Những nhà kinh tế học hậu duệ của Von Hayek không ngừng tố cáo rằng chủ nghĩa tư bản cài lương đã đi vào “con đường nô dịch”. Sau những màn dạo đầu ở những nước độc tài như Chile dưới thời Pinochet, họ đã nhờ tình trạng kinh tế trì trệ của thời mạt kỉ và cuộc khủng hoảng của Nhà nước ban phát để nhảy lên sân khấu với nguyên si bài bản của tư duy liberal

thế kỉ XIX⁽²⁾. “Sau những thất bại hiển hiện của các chính sách kinh tế và xã hội của Thời kì Hoàng Kim, chấm dứt một thời kì dài chính quyền nằm trong tay đảng trung phái và dân chủ xã hội ôn hòa [ở phương tây]. Khoảng năm 1980, những chính phủ hữu phái về tư tưởng, liên hệ mật thiết với một dạng thức cực đoan của sự vị kỉ kinh tế và sự thả dàn, đã lên cầm quyền ở một số nước khác nhau, trong đó đáng kể nhất là chính quyền Ronald Reagan ở Hoa Kì và chính quyền Margaret Thatcher ở Anh. Chủ nghĩa tư bản của hai thập kỉ 50-60 với chế độ bảo hộ xã hội được Nhà nước ban phát che chở, từ năm 1973 trở đi hết thành công về kinh tế, trong con mắt của phái hữu mới, chẳng qua là một thứ biến tướng của chủ nghĩa xã hội” (tr. 331). Thực ra các nhà tân liberal cực đoan cũng chẳng thành công hơn ai về kinh tế⁽³⁾, song “tư duy duy nhất” của chủ nghĩa tân liberal vẫn chế ngự suốt giai đoạn mạt kỉ để tới khi hệ thống xôviết sụp đổ, thì nó cất lên tiếng gáy tự mãn. Một sự tự mãn không cơ sở, như sẽ thấy dưới đây, mà Hobsbawm đã phê phán nghiêm khắc : “Đối với những người như chúng tôi đã trải qua cuộc đại khủng hoảng, thì thật là khó hiểu khi thấy những chủ trương chính thống về thị trường thuần túy đã lụn bại rõ ràng, đến cuối thập kỉ 80 và trong thập kỉ 90, lại có thể được đem ra thi hành trong một giai đoạn khủng hoảng mà một lần nữa, chúng không thể am hiểu và biết cách xử lí (...). Đối nghịch với không tưởng xôviết, cái phản không tưởng [của chủ nghĩa liberal cực đoan] cũng đã thất bại hiển nhiên. Nền tảng của nó là niềm tin thiên học vào một nền kinh tế trong đó thị trường sẽ phân bố tài nguyên theo nguyên tắc cạnh tranh không hạn chế, không hề có một rào cản nào cả (...). Khi người ta thực hiện những đường lối kinh tế thả dàn như vậy nhằm thay thế, trong một thời gian ngắn, chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa cũ bằng những “liệu pháp sốc” của các cố vấn Tây phương, thì kết quả kinh tế thật khủng khiếp, còn về mặt xã hội và chính trị cũng tệ hại không kém” (tt. 146 & 724).

Hai thái cực đều đã dẫn tới thất bại nhân tiền – chủ nghĩa xã hội xôviết và chủ nghĩa liberal cực đoan – mà quay trở lại những giải pháp trung gian của Thời kì Hoàng Kim cũng chỉ là một sự hoài cổ không căn cứ. Bởi vì một nhân tố rất mới và cơ bản đã xuất hiện : **quá trình quốc tế hóa kinh tế**. Trong hai thập kỉ 50 và 60, trụ sở “trung tâm” của sự tăng trưởng nằm ở Tây-Bắc Âu và Bắc Mĩ : các nước này trao đổi với nhau 3/4 tổng số xuất khẩu hàng hoá công nghiệp của họ. Sang thập kỉ 70, các nhà quan sát bắt đầu lưu ý tới một sự “phân công quốc tế lao động” mới, mà thực chất là thể hiện lời tiên đoán của Marx về sự triển khai của cuộc cách mạng công nghiệp trên toàn cầu. “Thế giới công nghiệp hóa bắt đầu xuất khẩu đa phần các sản phẩm công nghiệp của nó sang phần còn lại của thế giới, nhưng có ý nghĩa hơn nữa, là tới phiên thứ ba cũng bắt đầu xuất khẩu quy mô hàng hoá công nghiệp của mình sang các nước công nghiệp phát triển. Vì những sản phẩm xuất khẩu cơ bản cổ truyền (trừ dầu mỏ) bị lép vế, những nước thế giới thứ ba đã bắt đầu công nghiệp hóa, lúc đầu không đồng đều, sau đó tăng tốc⁽⁴⁾ (...). Những nền công nghiệp mới không chỉ nhắm thị trường tiêu thụ địa phương cũng mở rộng nhanh chóng, mà nhắm cả thị trường thế giới : xuất khẩu hàng hoá [thuộc thế hệ 1 của sản xuất công nghiệp, như vải vóc] và tham gia quá trình chế tạo xuyên quốc gia [hiện tượng này được gọi là délocalisation, chuyển dịch địa điểm sản

xuất” (tr. 370). Như vậy là ban đầu, quá trình “toute castration” đối với các doanh nghiệp là chuyển một phần hay toàn bộ bộ máy sản xuất hay cung ứng từ thế giới công nghiệp cũ sang thế giới thứ ba. Tiếp theo đó, chuyển dịch ngay cả những công nghiệp mũi nhọn (tin học, công nghiệp xe hơi, công nghiệp hàng không, những ngành đã trở thành sở trường của Đài Loan và Nam Hàn) hay những công việc cao cấp (ví dụ như những người Ấn Độ làm chuyên viên kế toán ngay tại Ấn Độ cho những doanh nghiệp đặt trụ sở ở Châu Âu hay Bắc Mĩ, qua trung gian của mạng lưới điện não). Sở dĩ phương thức sản xuất thật sự toàn cầu trở thành hiện thực được và hoạt động hiệu quả⁽⁵⁾ là nhờ cuộc cách mạng trong lãnh vực vận tải và giao thông đã triệt tiêu khoảng cách không gian và thời gian.

Ở một phần dưới, chúng ta sẽ sơ bộ xét tới những hậu quả của toàn cầu hoá, nhưng ngay đây, cần lưu ý tới tác động xã hội khủng khiếp của nó trên giới lao động của các nước phát triển là nơi do mức bảo hộ xã hội cao (và cái giá phải trả của hệ thống bảo hộ xã hội), nên không ai có thể nghĩ tới chuyện cạnh tranh trong một số ngành nghề với nhân công bị bóc lột tự do ở thế giới thứ ba. Một số nước công nghiệp cũ như nước Anh đã phản ứng (đi sản của bà Thatcher) bằng chính sách *dumping* (phá giá) xã hội, nhưng rõ ràng đó không thể là một giải pháp lâu bền. Hobsbawm nhấn mạnh, khía cạnh đáng quan ngại của nền kinh tế toàn cầu trong giai đoạn mạt kỉ này, là “sự thắng thế của nó, cũng như sự thắng thế của hệ tư tưởng thị trường không rào cản đã làm suy yếu, nếu không nói là đã hoàn toàn triệt tiêu, phần lớn những công cụ khả dĩ quản lí các tác động xã hội do những đảo lộn về kinh tế gây ra. Kinh tế thế giới là cỗ máy nổ ngày càng mạnh và không được kiểm soát. Có thể kiểm soát nó được không? và nếu có, thì ai là người kiểm soát?” (tr. 733).

Thánh chiến Djihad kinh chống McWorld

Câu hỏi mà tác giả đặt ra chẳng có nghĩa lí gì đối với một người sống ở thế kỉ XIX, tức là một thế kỉ đặt dưới sự chế ngự của khái niệm Nhà nước - Dân tộc, “định chế trung tâm của đời sống chính trị từ Thời đại Cách mạng, một mặt vì Nhà nước - Dân tộc nắm trọn công quyền và pháp luật, mặt khác là vì trong nhiều lãnh vực, hoạt động chính trị thực sự diễn ra trong khuôn khổ Nhà nước - Dân tộc (...) [Cho đến nửa sau của Thế kỉ XX], những tham số của cuộc sống người công dân ở trong các Nhà nước hiện đại được quy định hâu như toàn bộ (không kể trong trường hợp các cuộc xung đột liên quốc gia) bởi sự hoạt động hay thụ động của Nhà nước. Ngay khi các mảnh lực thế giới, chẳng hạn như các cuộc bùng nổ (boom) sản xuất hay suy thoái kinh tế, tác động vào đời sống của người công dân, chúng cũng tác động qua lăng kính của chính trị và của các định chế của từng Nhà nước” (tr. 738).

Câu hỏi ấy có vẻ kì cục đối với cả người dân sống ở các nước dân chủ phương Tây ngay khi “Đế chế của Ác thần” [tức là khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu] vừa sụp đổ, khi mà sự toàn thắng của nền dân chủ liberal (Hobsbawm nói mỉa : đó là hai khái niệm “mà những nhà quan sát không mấy tinh tế thường có xu hướng đánh đồng làm một”, tr. 737) như hứa hẹn “sự kết thúc của Lịch sử”⁽⁶⁾ theo đúng biện chứng của Hegel. Thế nhưng Lịch sử vẫn không chịu kết thúc, và ở buổi bình minh của Thế kỉ XXI, thành tích của những người chiến thắng trong cuộc Chiến tranh Lạnh – chế độ dân chủ và chủ nghĩa tư bản

– nghe ra như có một dư vị đắng cay : “Những năm 1980 đi qua, hiển nhiên là cuộc khủng hoảng thế giới không chỉ có tính chất tổng thể về mặt kinh tế mà thôi, nó còn tổng thể trên bình diện chính trị. Sự sụp đổ của các chính thể cộng sản từ bán đảo Istrie [tây bắc Nam Tư] đến Vladivostok, không những đã tạo sinh ra cả một khu vực bất trắc, báp bênh, hỗn loạn và nội chiến, nó còn phá huỷ cả hệ thống quốc tế có chức năng ổn định quan hệ quốc tế trong suốt bốn chục năm trước. Nó cũng làm lộ rõ tính chất nhất thời của những hệ thống nội trị về thực chất đã được xây dựng trên nền tảng của sự ổn định đó. Những áp lực của nền kinh tế trong con khói khẩn đã huỷ hoại những hệ thống chính trị của nền dân chủ liberal, dưới dạng đại nghị hay dạng tổng thống chế, từ Thế chiến thứ nhì đến nay đã vận hành trơn tru (...). Đến cả các đơn vị cơ bản của chính sinh hoạt chính trị – các Nhà nước - Dân tộc có cương thổ, chủ quyền và độc lập, kể cả những quốc gia lâu đời nhất, ổn định nhất – cũng bị giằng xé bởi sức mạnh của nền kinh tế siêu quốc gia [supranational] hay xuyên quốc gia [transnational], hay bởi các lực lượng nội quốc gia [infranational] của những vùng li khai hay của các tộc người thiểu số” (tr 30).

Cuộc toàn cầu hoá và chủ nghĩa truyền thống (fundamentalisme), hai lực lượng mà Hobsbawm đã nói tới, có những động năng đối kháng nhau, chúng tác động mạnh ngang nhau và nghịch chiều, làm nổ tung Nhà nước - Dân tộc và phá huỷ các định chế dân chủ của nó.

Đó cũng là luận đề mà B. R. Barber triển khai trong luận văn mang tựa đề cố ý khiêu khích *Djihad versus McWorld* với tiêu đề rõ nghĩa hơn : Toàn cầu hoá và chủ nghĩa toàn thống chống lại dân chủ⁽⁷⁾. Đại khái, *Djihad* là Thánh chiến của đạo Hồi, cũng như Thập tự chiến là Thánh chiến của đạo Kitô, nhưng cũng như cụm từ *chủ nghĩa toàn thủ* (*intégrisme*), xin hiểu theo nghĩa mà chúng tôi đã đề nghị cho cụm từ *chủ nghĩa truyền thống* (*fondamentalisme*) : phản ứng chống lại hiện đại (cụm từ *chủ nghĩa toàn thủ* có một nội dung hẹp hơn là “tôn giáo chính trị hoá”). Còn tên từ *Mc World*, nó bao gồm cả cái công ty thế giới “World Company” biểu tượng của nền kinh tế xuyên quốc gia mà còn có cả đầu ngữ Mc (của McDonald) biểu tượng của thứ văn hoá hàng hoá toàn cầu mà nó muốn gả bán cho chúng ta.

Djihad hay *Mc World* tự nó cũng chẳng có gì mới. Nhưng luận đề theo đó hai lực lượng đối kháng này – Djihad được nuôi dưỡng bằng những nỗi căm thù cục bộ, McWorld bằng tâm cõi toàn cầu của thị trường – lại hiệp đồng với nhau một cách biện chứng để chống phá dân chủ, quả là một luận đề khá nghịch lí, đáng được nói rõ hơn.

Như đã nói, *Djihad* là chủ nghĩa truyền thống, nghĩa là sự phủ nhận tính hiện đại bằng cách dựa vào những giá trị truyền thống hay tôn giáo, thậm chí bịa đặt (chẳng hạn như dựa vào một quá khứ tưởng tượng một cộng đồng huyền hoặc). Lấy tất cả những giá trị ấy làm thước đo, “bản sắc được định nghĩa bằng cách đối lập nó với “tha nhân”, với người ngoài, và chính trị thu hẹp thành sự loại trừ, sự uất hận. [Djihad] động viên cộng đồng bằng cách thu tiêu tinh thần khoan hoà, tương hỗ và tạo ra một thế giới trong đó quyền công dân nhường chỗ cho sự lệ thuộc của mỗi thành viên vào cộng đồng, các mục tiêu tập thể là do những lãnh tụ có hào quang, uy tín áp đặt,

thay vì được quyết định thông qua thảo luận dân chủ. Djihad nói đến quyền tự quyết, nhưng hy sinh các quyền tự do của nhân dân trên bàn thờ của nền độc lập chung” (Barber, tr. 224). Qua những nét phác thảo ấy, người ta có thể nhận ra các thứ giáo sĩ ayatollah (Iran), mollah (Afghanistan), rabbin (Israel)... và một lô một lũ Le Pen (Pháp), Haider (Áo), Soljenitsyne (Nga), Milosevic (Nam Tư), Pat Buchanan (Mĩ)... đang đua nhau công kích tính phổ quát của dân chủ và... chủ nghĩa siêu quốc (cosmopolitisme) của McWorld. Djihad còn có những dạng nhẹ hơn, “ bảo vệ sự liên dối và truyền thống chống lại cả xu hướng đa nguyên và pháp lý trừu tượng về Nhà nước - Dân tộc lẩn cái chủ nghĩa để quốc thương mãi mới của McWorld, [song] không nhất thiết đối nghịch với những điều kiện làm nên tảng cho dân chủ, vì xét cho cùng, dân chủ đã ra đời trước cả Nhà nước - Dân tộc [chẳng hạn như chế độ dân chủ ở thành Athènes Cổ đại Hi Lạp]” (Barber, tr 236). Người ta liên tưởng tới những cộng đồng sùng tín ở vùng New England bên Mĩ, tới các tổng ở Thuỵ Sĩ, tới mấy thôn làng ở cao nguyên Larzac Pháp..., nghĩa là những thực thể chống Nhà nước, chống hiện đại, song do quy mô nhỏ và sự thuần nhất tương đối, chúng có thể thực hiện một hình thức dân chủ tham gia (démocratie participative) ở cấp độ cục bộ. Khổ nỗi, “ dân chủ làng xã ” không phải là dân chủ (điều này, người Việt Nam hiểu rõ lắm), bởi vì “ óc làng xã ” tuy có truyền thống cộng đồng nhưng nặng tính tôn ti đẳng trật, nặng tinh thần tuân thủ (conformisme), khép kín đối với người ngoài, không chấp nhận sự đa dạng. “ Do họ xác định “ căn cước ” (identité) bằng những gì đã được “ truyền thụ ” (huyết thống, chủng tộc, tôn giáo) nên [các cộng đồng truyền thống] đối nghịch với quan niệm là người ta có thể tự do chọn lựa căn cước của mình cũng như có thể tự do chọn lựa các mối quan hệ xã hội. Cơ cấu tôn ti đẳng trật và sự lệ thuộc vào những lãnh tụ có hào quang, uy tín làm cho họ khó chấp nhận sự bình đẳng và chống lại sự năng động xã hội. Phương thức quan hệ của họ mang tính cá nhân, không dựa trên khế ước, nên họ dễ có thành kiến, vặt vãnh và tham nhũng ” (Barber, tr. 239)⁽⁸⁾.

Đó là những nét (tiêu cực) chủ yếu của chủ nghĩa truyền thống, bao gồm các giáo sĩ đạo Hồi chống hiện đại cũng như các “ chiến sĩ ái quốc ” chống thành lập liên bang thống nhất Châu Âu⁽⁹⁾ và cả những nông dân chống toàn cầu hoá. Hobsbawm nhận xét khá bi quan : “ Đây không phải lần đầu có sự hỗn hợp giữa một cái gì rõ ràng về trí tuệ và một sự xúc động sâu sắc, thậm chí cùng quẫn, của quẫn chúng, được thể hiện mạnh mẽ như vậy về chính trị, ở một thời điểm khủng hoảng, bất an và đang diễn ra sự suy sụp của những Nhà nước và những định chế ở nhiều vùng rộng lớn trên toàn cầu. Giữa hai thế chiến, những phong trào tương tự đã để ra chủ nghĩa phatxit. Tương tự như thế, các phong trào phản kháng tôn giáo và chính trị ở thế giới thứ ba, sự khao khát khẳng định bản sắc (căn cước), khao khát thiết lập một trật tự xã hội vững chãi trong một thế giới đang rạn vỡ (lời kêu gọi “ cộng đồng ” thường đi đôi với kêu gọi “ trật tự công cộng ”) là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng những lực lượng chính trị [có thể sẽ] lật đổ các chính thể cũ để thiết lập những chính thể mới. Tuy nhiên, những chính thể mới này chẳng thể nào mang lại giải pháp cho thiên kiết mới cũng như chủ nghĩa phatxit đã không thể nào mang lại giải pháp cho Thời kì đại họa của thế kỉ trước ” (tr. 728).

Ở thái cực kia, McWorld có thể được coi là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản liberal, là sự triển khai cái logic của chủ nghĩa tư bản tới ranh giới của sự phi lí, của “ thiên hướng trao đổi của cái với của cái, của cái với dịch vụ, đồ vật với đồ vật ” (Adam Smith), đến mức muôn xây dựng một hệ thống công nghiệp mà về mặt thực tiễn cũng như về mặt lí luận, có nghĩa là “ loài người, trong mọi sinh hoạt kinh tế – nếu không nói là cả trong sinh hoạt chính trị, trí tuệ và tâm linh – đều được chỉ đạo bởi cái thiên hướng đặc thù ấy mà thôi ” (bình luận của Karl Polanyi, 1945). McWorld với quyền lực vạn năng hiện nay của nó, đã ra đời ngay trong Thời kì Hoàng Kim, khi thế giới đã biến thành một đơn vị thao tác duy nhất, khi mà quy mô các tác vụ kinh tế “ lớn hơn cả những đơn vị tác vụ cũ như là ‘ kinh tế quốc gia ’ ”. Hobssawm mô tả quá trình ấy như thế này : “ Nhất là từ những năm 1960, bắt đầu hình thành một nền kinh tế mà tính chất xuyên quốc gia ngày càng đậm nét, tức là một hệ thống hoạt động kinh tế trong đó các lãnh thổ và biên giới quốc gia không còn là khung cảnh cơ bản nữa, mà còn trở thành những nhân tố gây ra phức tạp. Hầu như đã hình thành một “ nền kinh tế toàn cầu ” không còn cảm thấy có đường ranh giới cụ thể nữa, mà còn quy định hay đúng hơn, còn hạn định hoạt động của chính các nền kinh tế quốc gia, kể cả những quốc gia lớn mạnh nhất. Sang tới đầu thập kỉ 1970, nền kinh tế xuyên quốc gia này trở thành một thế lực toàn cầu thực thụ. Từ 1973 trở đi, nó tiếp tục lớn lên, và trong mấy thập kỉ khủng hoảng, tốc độ tăng trưởng của nó còn nâng cao hơn nữa ” (tr. 366). Muốn hình dung ra thế lực của nền kinh tế xuyên quốc gia, đây là vài con số : đầu thập niên 80, các công ty đa quốc gia Mĩ (hay là Anh) chiếm hơn 75 % (hay 80 %) tổng giá trị xuất khẩu. Song “ trong một ý nghĩa nào đó, những con số ấy chẳng có nghĩa lí gì, bởi vì chức năng chủ yếu của những công ty này là “ quốc tế hoá các thị trường, vượt qua các đường biên giới quốc gia ”, nghĩa là làm cho các thị trường trở thành độc lập với Nhà nước và lãnh thổ quốc gia. Một bộ phận lớn những hạng mục mà thống kê của các nước còn xếp vào cột nhập khẩu hay xuất khẩu rốt cuộc chỉ là sự giao thương nội bộ của các đại công ty xuyên quốc gia ” (tr. 369). Hobbsawm có lí khi ông cho rằng một phần lớn các vấn đề đặt ra trong những năm khủng hoảng là do sự xuất hiện của nền kinh tế xuyên quốc gia : thật vậy, dù cho các công ty đa quốc còn giữ quan hệ mật thiết với quốc gia xuất xứ, ngày nay không còn có thể khẳng định rằng quyền lợi của chúng là đồng nhất với quyền lợi của một chính phủ hay một quốc gia nào. “ Logic kinh tế buộc mỗi công ty đều lừa quốc tế phải toàn tính chiến lược và chính sách của mình đối với quốc gia xuất xứ y như hết đối với Arabia Saudi hay Venezuela : tính toán được-mất, tính toán về so sánh quyền lực giữa công ty và chính quyền ” (tr. 369). Đối với người dân thường cũng như giới lao động, xu hướng của sự trao chuyển tài chính và của các doanh nghiệp muốn vượt khỏi tầm kiểm soát của Nhà nước - Dân tộc cổ truyền biểu hiện rõ nét nhất là trong những cuộc khủng hoảng tiền tệ (khi các Ngân hàng quốc gia trung ương tỏ ra hoàn toàn bất lực trong việc điều tiết dòng chảy của tư bản) hay khủng hoảng về nhân dụng (khi các doanh nghiệp biến phương thức “ sa thải vì lí do kinh tế ” thành một công cụ quản lí hoặc để đấu cơ trên thị trường chứng khoán⁽¹⁰⁾). Sự “ gom guốc kinh tế ” hiển nhiên ấy chỉ là phản ánh sự suy yếu của các Nhà nước - Dân tộc trước cuộc toàn cầu hoá : “ Những hạn chế mà McWorld đặt ra cho chủ quyền quốc

gia là kết quả của những lực lượng kinh tế mà mục tiêu tự giác là thực hiện toàn cầu hoá (...). Mọi nhân tố kinh tế nằm ngoài thị trường cũng như mọi dịch vụ công cộng ngày nay đều dễ bị kinh tế hàng hoá xuyên quốc gia xâm nhập. Thị trường gồm ghiếc biên giới cũng như thiên nhiên gồm ghiếc chân không. Trong môi trường tràn lan vô hạn của thị trường, quyền lợi là tư nhân, mậu dịch là tự do, tiền tệ nào cũng có thể chuyển đổi, ngân hàng là mở cửa, hợp đồng là phải thi hành (đó là chức năng kinh tế duy nhất được coi là chính đáng của Nhà nước), chủ quyền thuộc về qui luật của sản xuất và tiêu thụ, chiếm thế thượng phong đối với quyền lập pháp và tư pháp⁽¹¹⁾" (Barber, tr. 34). Trong bản tuyên ngôn năm 1990 (phụ lục cuốn sách của Kenichi Ohmae⁽¹²⁾), một đỉnh cao của sự kiêu ngạo hay lì lợm, ba nhà "tư vấn" (tức là ba đại biểu của McWorld) đã công bố cả một "Tuyên ngôn về sự liên thuộc đối với thế giới năm 2005" trong đó họ không ngần ngại kêu gọi các Nhà nước - Dân tộc hãy tự giải thể. Cương lĩnh của họ : " * để cho mọi cá nhân có thể truy nã, với phí tổn thấp nhất, những của cải và dịch vụ tốt nhất có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên thế giới ; * điều phối hoạt động của các công ty với hoạt động của các chính quyền nhằm giảm thiểu những xung đột xuất phát từ những lợi ích hẹp hòi ; * tránh mọi thay đổi đột ngột trong cơ cấu kinh tế và xã hội cơ bản " (trích dẫn theo Barber, tr. 147).

McWorld rất xứng đáng với cái tên gọi của mình khi nó muốn thực hiện dự án "toàn cầu" mà Polanyi đã tiên đoán từ năm 1945 (sách đã dẫn) về một nền văn hoá tiêu thụ phổ quát : " Thị trường chung đòi hỏi phải có tiền tệ và ngôn ngữ chung. Chúng tạo ra những cách ứng xử giống y như nhau mà ta có thể gặp ở khắp các đại đô thị (...) Bản thân sự tiêu thụ cũng tạo ra những cung cách ứng xử đồng nhất ở mọi nơi trên trái đất (...) McWorld là một sản phẩm của văn hoá đại chúng dưới tác động của sự bành trướng thương mại. Quy chiếu của nó là Mĩ, bản thân hình thức của nó là một tác phẩm riêng. Sản phẩm của nó là những của cải vật chất đồng thời tự chúng cũng là những hình ảnh, gam hàng hoá của nó cũng đồng thời là một thứ mĩ học. Đó là văn hoá biến thành hàng hoá, y phục trở thành ý thức hệ (...). Âm nhạc, điện ảnh, kịch nghệ, sách và công viên có chủ đề – những giáo đường mới của một nền văn minh hàng hoá trong đó các trung tâm thương mại trở thành quảng trường công cộng – tất cả đều được thiết kế để phổ biến một hình ảnh, tạo ra một sự mãn cảm chung cho toàn thế giới, kết cấu bằng những 'siêu sao', những bài hát, và những nhãn hiệu, những logo, nhạc hiệu và khẩu hiệu quảng cáo. Đã hết thời mà người ta bắt buộc nữa, bây giờ là thời đại của sự cảm dỗ " (Barber, tr. 38-39). Dự án văn hoá của McWorld không hề giữ kín, Coca Cola chẳng hạn đã không ngần ngại phô trương bằng cách "mượn tạm" bài ca phản kháng *We are the World* (Chúng ta là Thế giới). Cái thứ "World" ấy, ngày ngày mỗi người chúng ta có thể trông thấy nó lan tràn trên đường phố đến mức nào. Cuốn sách của Barber liệt kê ra hàng loạt ví dụ. Chỉ xin đơn cử một ví dụ, vì nó thê thảm nhất : những tay "xạ thủ" người Serbia chân đi giày Adidas, vừa nghe Madonna qua máy "bộ hành" (walkman) vừa nhắm bắn thường dân ở Sarajevo (tr. 23).

Một trong những khẩu hiệu sáng giá nhất của McWorld (đây là nói khai hiệu khuyến mãi) là "tự do" : " sản phẩm tự do ", "chọn lựa tự do ", tự do chọn lựa những sản phẩm tự do..., cái thứ tự do rất dễ chứng minh là phản dân chủ : " Cũng

như xưa kia các chính thể toàn trị đã tìm cách nhân danh tự do để thuần lí hoá sự thống trị của mình – " chuyên chính vô sản" có mục đích mở ra một thời đại tự do nhất lịch sử – thì ngày nay các thị trường thuần lí hoá sự thống trị của mình trên mọi lãnh vực của đời sống bằng luận điểm là người tiêu thụ có đầy đủ tự do chọn lựa hàng hoá (...). [Thế mà] các thị trường của McWorld loại bỏ mọi phán đoán về giá trị cũng như khái niệm ý chí tập thể (...). Thực tế là khả năng chọn lựa của cá nhân người tiêu thụ càng mở rộng bao nhiêu thì khả năng chọn lựa trong các vấn đề của xã hội càng bị thu hẹp bấy nhiêu. Cho nên người Mĩ có quyền tự do chọn lựa giữa hàng chục nhãn xe hơi [quyền tự do đó phải chăng đã chôn vùi] tự do chọn lựa giữa phương tiện chuyên chở công cộng và phương tiện chuyên chở cá thể, [còn chủ trương " xe hơi trên hết " đã chẳng] trở thành đặc trưng của đời sống đô thị mặc dầu điều này chưa hề được một cấp chính quyền dân chủ nào chọn lựa và quyết định ? " (tr. 222). Chắc cũng chẳng cần chứng minh gì thêm. Chỉ cần bổ sung bằng một ý thói : sinh hoạt dân chủ đòi hỏi phải có thời gian, phải có thảo luận, trong khi "nền văn hoá quảng cáo" của McWorld là thứ mì ăn liền, ăn tức thời. " Áu trĩ là nỗi trạng quý báu của McWorld, đó là nỗi trạng "Tôi muốn, tôi muốn !" và " Cho tôi đi, cho tôi đi ! ", điệp khúc trở đi trở lại trong những bài ru con dành cho người tiêu thụ " (tr. 84).

Giữa hai gọng kìm Djihad và McWorld, nền dân chủ của Thế kỉ XXI ở vào thế kẹt. Do bản chất của nó, vốn dĩ " nền dân chủ đại biểu rất hiếm khi là phương thức lãnh đạo quốc gia một cách thuyết phục " (Hobsbawm, tr 190) : không kể tính chính đáng (phải được tín nhiệm trở lại sau mỗi nhiệm kì, nghĩa là không "vĩnh viễn" được nhân dân trao phó) và sự đồng thuận chung (mà sự đồng thuận cứ gặp lúc khó khăn là dễ tan biến), chỉ riêng sự phân quyền (nghĩa là các quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp kiểm soát lẫn nhau) cũng đủ làm cho hệ thống chính quyền dân chủ có chức năng "hỗn phanh", mà nó lại phải đóng vai trò động cơ trong những giai đoạn khẩn cấp. Những năm khủng hoảng đã làm hao mòn sự đồng thuận chính trị đến mức " chính trị trở thành nghệ thuật đánh trống lảng, các nhà chính trị không dám nói với cử tri những điều cử tri không muốn nghe " (tr 743). Còn khối cử tri, tức là tổng thể xã hội, thì phải thừa nhận rằng nó đang trở thành cái mà Marx đã tiên tri : nền văn hoá tiêu thụ đang biến nó thành " một xã hội mà những giá trị chủ đạo là giá trị của chủ nghĩa cá nhân phi xã hội tuyệt đối (...) hợp thành bởi những cá nhân đơn lẻ, vị kỉ đi tìm sự thoả mãn (lợi nhuận, khoái cảm hay gì đi nữa) cho riêng mình " (tr.37). Marx vẫn thường coi chủ nghĩa tư bản là một hình thái cách mạng liên tục và thường trực mạnh mẽ nhất, lâu dài sẽ có khả năng chính nó sẽ huỷ diệt xã hội tư bản chủ nghĩa. Triết gia Gilles Châtelet đã luận bàn về cơn ác mộng của " homo economicus [thằng người kinh tế], nửa công dân nửa Robinson Crusoe, ích kỉ và thuần lí, đơn độc như một nguyên tử trong dịch vụ và tiêu thụ, ra sức tối ưu hoá một " best of " những của cải và dịch vụ, và homo communicans [thằng người truyền thông], nửa công dân nửa máy ổn nhiệt [thermostat], cuộn mình trong một cái bong bóng vật vờ trong không gian đậm đà cyber, nơi đây không còn xung đột hay đựng độ xã hội lỗi thời, tự hào mình là phần tử tích cực và tồn tại đơn thuần như một con sán điêu khiển học [kénia cybernétique] đút input ở đầu vào, xổ output ở đầu ra " ⁽¹⁴⁾. Nhận định của Eric J. Hobsbawm tuy không

tuyệt vọng đến thế song cũng bí quan lạ lùng : “ *Đối với nhà thơ T. S. Eliot*, “ thế giới này kết thúc như vậy đó, không nổ toang mà trong một tiếng rên ”. *Thế kỉ ngắn XX đã kết thúc với cả hai* ” (tr 32).

Nguyễn Quang

[biên dịch của Kiến Văn]

(*) Memento mori (*Hãy nhớ tới cái chết của mì*) là tấm hình người chết (hoặc hình bộ xương Tử thần) mà người Kitô giáo thời Trung cổ thường mang trong mình, để tự nhắc nhở rằng con người có sinh ắt có tử, rằng cái chết đang chờ đợi mình.

(1) Nhân dịp này, xin định chính một vài sai sót trong những bài trước : cũ sốc dâu lửa thứ nhất xảy ra năm 1973, cũ thứ nhì 1979 ; Irak xâm lăng Koweit năm 1990. Số 108, tiểu đề dâu tiên (trang 11), xin đọc là : *một lịch sử phái sinh* (une histoire dérivée).

(2) Ở Pháp có đảng *Démocratie Libérale* của ông Alain Madelin, hai từ *Démocratie* (dân chủ) và *Liberal* phải hiểu theo nghĩa đó, mặc dù các Chicago Boys sang làm cố vấn kinh tế cho Pinochet ở Chile đã chứng minh rằng đó là hai khái niệm khó đi đôi với nhau.

(3) Sự thất bại của Thatcher đã trở thành hiển nhiên khi triều đại của bà kết thúc năm 1990. Chính sách tư hữu hoá toàn diện đã làm tiêu tùng khu vực công cộng (năng lượng, bưu điện, giao thông vận tải) : đi xe lửa từ Southampton về London dưới thời Thatcher lâu hơn cả hồi thế kỷ XIX, đó là không kể nạn xe lửa đâm nhau mà báo chí đã nói nhiều. Tư hữu hoá như vậy, mà rốt cuộc người Anh phải đóng thuế nặng hơn dưới thời Công đảng trước đó.

(4) Thí dụ như trường hợp Nam Hàn : cuối thập niên 50, nông nghiệp chiếm 80 % dân số trong lứa tuổi lao động và 3/4 thu nhập quốc gia. Năm 1962, Nam Hàn bắt đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Cuối thập niên 80, nông nghiệp chỉ còn chiếm 10 % tổng sản phẩm quốc nội và Hàn Quốc đứng hàng thứ 8 về mặt kinh tế trong các nước không cộng sản.

(5) Bạn đọc sinh sống ở Paris đi chợ ở khu phố tàu thử làm con tinh nhỏ : giá chuyển chở hàng không tối đa không được quá bao nhiêu để mang tương cà mắm muối sang bán ở Pháp mà có lời ?

(6) Francis Fukuyama, *The End of History and the Last Man*, bản dịch Pháp văn : *La fin de l'Histoire* (Flammarion, 1992).

(7) Benjamin R. Barber : *Djihad versus McWorld / Mondialisation et intégrisme contre la démocratie*, Desclée de Brouwer, 1997.

(8) Bạn đọc cũng thấy là cung cách này còn rất phổ biến ở các nước thế giới thứ ba, cũng vì thế mà chậm phát triển.

(9) “ Chiến sĩ ái quốc ” là những người Mĩ khởi nghĩa chống Anh trong cuộc Chiến tranh độc lập cuối thế kỷ XVIII. Ngày nay, nó ám chỉ một phong trào bí mật chủ trương dùng vũ lực lật đổ Nhà nước liên bang. Timothy McVeigh, người chủ mưu vụ tàn sát ở Oklahoma City, vừa bị xử tử hình, nằm trong phong trào này.

(10) Xin nêu vài thí dụ : Renault ở Bỉ, Marks & Spencer và Bata ở Pháp..., đó là không kể ở thế giới thứ ba, nhiều nơi công nhân bị bóc lột như dưới chế độ nô lệ.

(11) Vụ án Yahoo (trạm bán hiện vật nazi) trước toà án Pháp thể hiện xu hướng của các công ty xuyên quốc gia là muốn đứng lên trên pháp luật quốc gia.

(12) K. Okmae : *The Borderless World : Power and Strategy in the Interlinked Economy* (1990), bản dịch tiếng Pháp : *De l'Etat-nation aux Etats-régions*, Dunod, 1996.

(13) Những người chống toàn cầu hoá cũng đã đáp lễ bằng khẩu hiệu *Thế giới không phải là món hàng*.

(14) G. Chatelet : *L'homme pour qui la résignation était ringarde / Relire Marx pour ne pas vivre comme les poux*, 1998.

Vết lăn trầm...

Bảo tàng thuật lại đêm kỷ niệm Trịnh Công Sơn, đối với tôi thật khó quá, vì đêm ấy tôi cũng như bao nhiêu người khác chỉ biết ngồi say mê nghe, quên cả cái nóng bức đầu mùa trong một căn phòng không cửa sổ, để thả hồn mình về một thời gian như đã qua mà còn đó. Những tiếng hát như làn gió thổi bay đi cát bụi phủ lên những vết lăn trầm...

Ban tổ chức đã chọn một căn phòng không lớn lắm nên chỉ có 200 chỗ, đầy chất, phải nói khó với chủ nhà mượn thêm 20 ghế nữa mà vẫn phải từ chối nhiều người từ nhiều hôm trước. Được biết số tiền dư ra sau chi phí sẽ được ban tổ chức trao thành giải thưởng cho một sinh viên âm nhạc tại Việt Nam.

Qua thuyết văn rất duyên dáng và sâu sắc của GS Cao Huy Thuần, những lời thuyết văn có giá trị của một bài nghiên cứu về TCS, thính giả được nghe 22 bài hát, những bài nổi tiếng nhất của anh, chia thành nhiều chủ đề xuyên qua lịch sử. Lịch sử của một con người mang nặng lịch sử đất nước và để lại vết lăn trầm trong tâm hồn cả một thế hệ.

Đêm hát càng về khuya càng hay, vì càng ngày người trình diễn và khán giả càng nhập định vào thế giới TCS ? Hay cũng có lẽ vì lúc đầu các nghệ sĩ chưa ai quen âm thanh của căn phòng, như tiếng saxo của Trần Vĩnh, người ngồi xa nghe rất hay, nhưng có người ngồi gần lại than hoi bị chói tai.

Thanh Hải, Lê Thu, Hồng Ngọc, Trần Vĩnh, mỗi người có một phong cách biểu diễn, một cảm nhận khác nhau về TCS, nhưng đều là những tay nghệ sĩ chưa ai quen âm thanh của căn phòng, như tiếng saxo của Trần Vĩnh, người ngồi xa nghe rất hay, nhưng có người ngồi gần lại than hoi bị chói tai.

Giọng Thanh Hải độ này khoẻ hơn, lần đầu tiên tôi được nghe Thanh Hải hát những bài ca phản chiến : *Một buổi sáng mùa xuân, người con gái Việt Nam da vàng...* trước đây tôi chỉ được nghe anh hát những bài siêu hình của TCS : *Một cõi đi về, Ru đời đi nhé, Tôi ơi đừng tuyệt vọng...* lần này lại được nghe, và vẫn đánh giá về địa hạt này, anh là số một.

Nhưng tôi đặc biệt thích Hồng Ngọc hát *Vết lăn trầm...* có lẽ giọng còn quá tươi mát cho Blues, nhưng hơi thở và luyến láy biểu hiện được một bài hát về tiết tấu rất blues mà lời ca lại sâu thẳm tâm sự một nghệ sĩ rất Việt Nam. Hồng Ngọc với *Vết lăn trầm* của TCS có một vẻ đa dạng gần như mâu thuẫn, giống như sự đa dạng của TCS.

Đến đây tôi chợt nhớ một lần cách đây không lâu, ngồi ăn cùng bàn với một đồng nghiệp sang Pháp công cán. Rất trẻ, thông minh, bất thiệp, ăn mặc đẹp hơn cả dân ‘parisien’, anh còn đẹp trai như phò mã... chúng tôi nói đủ thứ chuyện, lây la sang chuyện Hồng Nhung hát Trịnh Công Sơn. Anh bảo : *bạn em đấy, có ấy thông minh lắm*, tôi bảo : *ừ, nghe hát như thế đủ biết là người thông minh*.

... vết lăn trầm... không chỉ hàn lên phiến đá.

HÀN THUY'

TRỊNH CÔNG SƠN : MỘT SẢN PHẨM ... ?

Phạm văn Đỉnh

DĐ : Sau bài của Đặng Tiến : Đời và Nhạc Trịnh Công Sơn, *Diễn đàn*, số đặc biệt tưởng niệm TCS (nº 107), chúng tôi nhận được một số phản ứng khen và chê của độc giả, tất cả đều toát lên sự quý mến con người và tài năng TCS mà chúng ta đều chia sẻ. Xin đăng một bài viết trong hướng phê bình, và nhắc lại chủ trương của chúng tôi : Tin rằng độc giả của mình đọc báo với thái độ phê phán, DĐ có gắng bảo đảm sự trung thực, tính hoà nhã cũng như chất lượng của các trang báo. Ngoài ra các tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về ngòi bút của mình.

Chúng tôi cho rằng một số báo tưởng niệm không cần thiết chỉ gồm những bài ngợi ca hay tiếc nuối. TCS như là một nhân vật lịch sử của văn hoá Việt Nam, tất nhiên ‘phải’ chấp nhận điều đó. Còn thì có lẽ chúng ta cũng đoán được phản ứng của chính anh về những điều mọi người ở mọi phía nói về mình : thôi kệ...

Xin xem trả lời của Đặng Tiến trong trang 20.

Bài của Đặng Tiến, với cái tên thật to tát (1), để kể đời và giải mã một thiên tài huyền thoại, như tác giả đã đê cương ngay từ đầu : *Mục đích của bài này là giải thích sự hình thành của thiên tài Trịnh Công Sơn, giải mã hiện tượng Trịnh Công Sơn và tìm hiểu vị trí Trịnh Công Sơn trên những trâm luân của đất nước, chủ yếu là khúc quanh 1975, và cũng để cung cấp cho các nhà nghiên cứu về sau một số tư liệu rải rác đây đó, e mai đây khó kiểm, khi than khóc và tung hô đã lảng xuống.*

Từ Nam Chi đến Đặng Tiến, nhiều bài của anh làm tôi thầm khâm phục và thích thú, vì anh uyên bác và văn vữ, nhờ anh tôi được biết thêm một số nhà thơ, nhà văn, mà do môi trường sinh sống, tôi chưa hề nghe tới, tôi muốn nhắc tới một Võ Phiến (tuỳ bút) hay những Cao Tân (thơ), dù nhiều khi sau này, đôi khi tôi phải mỉm cười vì anh quá uyên bác và văn vữ, hơn cần thiết.

Cho nên trên số báo *Diễn đàn* 05/01, tôi đọc *Đời và Nhạc Trịnh Công Sơn* trước tiên, vì Đặng Tiến (ĐT), vì Trịnh Công Sơn (TCS). Bài rất dài, đối với số trang DĐ, đối với bài vở khác dành cho chủ đề Tưởng niệm TCS, chiếm 11 trang pdf trên mạng lưới toàn cầu. Tôi đọc trọn tru đến trang thứ bảy, thỉnh thoảng lướt lật được vài sự việc mà tôi chưa biết, và tôi chịu lầm với cái nhìn ĐT nhìn TCS không nhìn phụ nữ Việt Nam *Đan áo cho ai đó, hay để tưởng nhớ, chờ đợi ai đó. Ca khúc TCS rất nhiều phu nữ, nhưng không thấy họ đan áo. Mà chỉ ngồi... chơi, khi nghiêng vai, khi nghiêng đầu, khi nghiêng sầu. Ngồi chơi chán rồi thì Đứng lên gọi mưa vào Hạ.*

Nhưng khi đọc đến đoạn anh ngạo *Em ở Nông trường, em ra Biên giới* mà TCS sáng tác sau 1975, trong những năm tang

tóc ở biên giới Tây Nam và cực Bắc, thì tôi sững sốt, vì anh cũng dư biết trong tình cảnh và tình cảm nào mà TCS đã viết bài đó, TCS đã từng kể cho bạn bè nghe bằng lời, và đã viết thành văn trong bài mà anh đã dẫn : *Phác thảo chân dung tôi* (2). Tôi may phép chép lại, dù hơi dài, nhưng cũng là một dịp để bạn đọc chưa biết, làm quen với văn TCS, một lối văn mà không cần nốt nhạc nào chuyên chở, tự nó cũng đủ âm vang điệu nhạc, gợi hình gói cảm.

Đêm Nhị Xuân không còn thấy rõ màu đất đỏ và những bãi mía, bãi dứa cùng lán trại cũng khoác một màu áo khác. Mưa xuống. Hội trường đã chiến như một cái rá lợc nước thả xuống những giọt dài. Chúng tôi (Phạm Trọng Cầu, Trần Long An và tôi...) cùng anh em Thanh niên xung phong nam nữ hát với nhau dưới một bầu trời trang trí lạ mắt như thế. Đêm cứ dài ra và những tiếng hát cứ dài ra. Nước ở con kênh dâng lên. Mặc kệ. Cứ đứng, cứ ngồi, cứ hát. Gần khuynh có cô gái Thanh niên xung phong nhanh nhẹn vui tươi mang cho chúng tôi những bát cháo gà trước khi chia tay. Những khuôn mặt ấy, tôi đã quen đã nhìn thấy nhiều lần. Một giờ khuynh, lên xe già từ Nhị Xuân, lòng còn âm vang tiếng cười, tiếng hát. Những bàn tay siết chặt, những cái vỗ tay trong đêm không nhìn thấy. Quá giờ giới nghiêm, xe nằm lại giữa đường, không được vào thành phố. Ngủ lại chờ sáng. Về lại thành phố, trở lại công việc thường ngày. Nhưng ở Nhị Xuân, có hai mươi người con gái Thanh niên Xung phong đi về phía khác. Mấy tháng sau, tôi được tin tất cả hai mươi khuôn mặt tôi đã nhìn, đã gặp trong đêm hôm nào ở Nhị Xuân cùng nhau ca hát, đã hy sinh ở biên giới Tây-Nam. Những tiếng hát, giọng cười còn đó. Những cây mía, cây dứa của các bạn trồng vẫn còn đó, vẫn lớn lên. Tôi bồi hồi nhìn ra quang trời rộng và thấy lại trong trí nhớ những con người trẻ trung ấy. Trong những trái tim ấy có cái gì khác chúng ta không. Trong giấc ngủ ban đêm, trên những vầng trán khoẻ mạnh ấy, đã có những cơn mơ nào. Chúng ta nói quá nhiều sự tròn đầy và chúng ta quên đi sự mất mát. Chúng ta vẽ ra lầm nợ cười mà quên đi những nỗi ngâm ngùi riêng tư. Những người bạn nhỏ ấy đã ra đi thật vĩnh viễn, nhưng nỗi nhớ về họ chưa được hát đủ. Như một nỗi đau. Còn thiếu sót biết bao nhiêu điều chưa nói hết lúc ở nông trường và còn chưa nói được một mảng may mắn ra biên giới. Làm một điều gì chưa đến nơi đến chốn với một người không còn nữa, có phải cũng đã phạm tội với cuộc đời rồi hay không. Nhưng hãy tha thứ cho những dòng chữ ống muộn, những sắp xếp tinh khôn, những cảm giác đồng do xuôi chèo thuận lái.

Bài *Em ở Nông trường, em ra Biên giới* có thể hay, có thể dở, và còn tuỳ cảm nhận của mỗi người, ở đây tôi không bàn tới. Tôi chỉ mong anh đọc lại những dòng cuối trên đây của Sơn mà đừng miả mai nữa, vì Tâm không phải đã nghiêm thành Cám, mà đã ngã thành Bụi. Vả lại, TCS đâu hè ca một chiến thắng, ngợi một chiến công, vì tất cả cũng là chiến tranh, TCS chỉ có thể thốt lên một nỗi đau : hai mươi người con gái hai mươi tuổi, mới cười mới nói đó mà đã vĩnh viễn ra đi...

*

Tới đây, cuối trang bảy, ĐT không bình thơ, bình nhạc nữa, mà chuyển sang mục luận bàn chánh trị, với mục đê một, hai, ba, bốn, năm, không phải như nhịp điệu *Tình khúc O-hai*, mà TCS đã đến hát cho chúng ta nghe năm nào, một ngày cuối xuân chưa xa xôi lắm giữa lòng Paris, lúc mà có kẻ cưng lén kén lùng tùng, mài mâu khua thuẫn, hăm he đậm đá. Mà như một bài luận án, một bản tố tụng “*trình lên*” bên kia bờ biển, phía *Thị trấn giữa đàng*? ĐT tỏ ra phủ phục Phạm Duy lắm,

một người hiên ngang khí phách, mà Kháng chiến không *thu phục* được. Sau Hiệp nghị Genève (1954), tôi sang Pháp đi học, không có điều kiện thích hợp hay đam mê tương xứng để theo dõi Phạm Duy (PD), tuy thỉnh thoảng, trong những buổi hát ca cuối tuần, tôi cũng có bắt gặp PD qua đài bài đê cảm, cho nên sự hiểu biết của tôi về PD không xa hơn *Tôi yêu tiếng nước tôi* mấy. Sau 75, tôi cũng có lắng nghe vài bài rất đồ sộ, có phong độ trường ca, giao hưởng, nhưng không tìm thấy ở đó, cả trên những *Con đường cái quan* mà PD rất đặc ý, cái âm sắc mà tôi hằng cảm mến. Còn đâu hương khói *Nuong chiêu*, xôn xao thôn nữ *gánh gánh, gánh lúa về*, cái uyển hoặc của *nửa đêm nghe tiếng chim rừng líu lo*. Thời đó, Đài Phát thanh Pháp-Á của thực dân Pháp và Quốc trưởng Bảo Đại không tìm đâu được một bài “quốc gia” ra hồn, nên thường lấy các bài của Chiến khu, đổi một hai câu, ba bốn chữ thì “dùng” được, không nằm kề bên nhau chờ *giặc* đến để phục kích, mà *nằm kề bên nhau chờ trăng* lên nhưng không biết để làm gì, hoặc đổi *quân Pháp* thành *quân cướp* (cũng đúng thôi), nhưng những *hai ngàn quân cướp* vùi thân ở trận Sông Lô thì cũng hơi nhiều thật ! Rõ ràng Phạm Duy Cần đã trở thành Phạm Duy trong những năm kháng chiến, vì trước đó, có ai biết PD là ai đâu, chỉ le te một số ít người tinh tế có thể biết một anh chàng đánh đàn, hát dạo trong gánh cải lương Đức Huy-Charlot Miêu (3), hoặc giỏi lắm là vài gia đình khá giả ở Sài Gòn mới có máy vô tuyến để nghe ca sĩ PD trên đài Radio-Indochine, mới bắt đầu phát sóng chương trình văn nghệ bằng Việt ngữ, nghĩa là, nếu có người biết PD là biết như một *ca sĩ*, vì thời ấy (1944) PD mới bắt đầu chập chững viết nhạc. *Rồi cách mạng bùng lên* (1945), *rồi kháng chiến trường kỳ, quê hương đầy bóng giặc* (4) (1946), chàng PD, như bao nhiêu thanh niên khác cùng lửa cùng thuyền, rút phím so dây, nhảy vào chung cuộc, ra Bắc vào Nam, và vào sanh ra tử, như một chuyện tự nhiên, một điều tất yếu, tay đàn và cổ lúc (?) cũng tay súng, chàng bắt đầu một cuộc giang hồ hát rong mới, với khán giả mới, với quần chúng mới, với những cuộc tình mới... Và chàng(5) đàn, hát, sáng tác, say mê, thích thú, có lầm lúc *Xuất quân Oai hùng ca*, tươi mát *Nhạc tuổi xanh* nhưng thường thường là nỉ non *em yêu tôi hay yêu đàn*, (*tình tang*), óng mượt, lượt là, loi là, cả trong khi ca ngợi chiến thắng Sông Lô. PD đã tìm cho mình được một phong sắc riêng gọi là “dân ca mới”, nhờ có vốn liếng cải lương, quan họ, ru ca, trong những cuộc hành quân, những chuyến rong ca nhiều miền trên đất nước. Và nhờ sự lãnh đạo sáng khéo, đầy thiện cảm của tướng Nguyễn Sơn, mà theo lời PD kể (6), là một tướng lãnh văn võ song toàn, một nhà cách mạng Việt Nam có một thời sang Tàu lánh nạn, rồi tham gia Cách mạng Trung Hoa, là một trong 18 tướng còn lại của Vạn lý Trường chinh, đã nhiều năm công tác kề cận giới văn nghệ sĩ Hồng binh (7). Như vậy PD đã thành hình rõ nét trong những năm 1945-50, nghĩa là nếu nói kiểu ĐT : PD là sản phẩm của Cách mạng-Kháng chiến, tức là của Việt nam Dân chủ Cộng hoà, và khơi cho cùng, tức là của Cộng sản Việt Nam. Nói như thế chắc chắn không ngoa hơn khi ĐT nhứt định TCS là sản phẩm của Việt Nam Cộng Hoà.

Sau đó, PD “dinh tê” về thành. Vì vợ trẻ con thơ, vì chiến tranh đã mở rộng quy mô, vì văn nghệ phải rõ nét “công nông”, vì... Vì gì đi nữa, người đi, kẻ ở, người vô, ai cũng là chuyện thường tình, của cuộc đời, của cuộc chiến, vì nhiều lý do chính đáng và không chính đáng, của bản thân và ngoài bản thân, của lúc đó, nhưng đừng bày biện thêm những lý do nghĩ thêm sau này, “a posteriori”, và/hay do những sự cố

chưa diễn ra. Sinh hoạt, sinh sống ở Sài Gòn, PD dần dần được các chánh quyền thời Tây rồi Mỹ sử dụng rồi xưng tụng. Xưng tụng để sử dụng trong các đợt “tâm lý chiến” của bộ Thông tin, Chiêu hồi, hay các Trung tâm Âm nhạc, Điện ảnh (8), cho nên không lấy làm lạ, nhưng rất tiếc, khi thấy PD và nhóm du ca du côn gì đó tổ chức khuấy nhiễu buổi ra mắt đầu tiên của TCS trước mấy ngàn công chúng trên khoảng đất trống cạnh sau trường Văn Khoa (1965), bằng cách đồng rống rộn lên *Sức mây mà buôn để mong tan phá cái không khí đang trầm lặng sau những bài hát nói về bom đạn và những vết thương trên thân thể quê hương* (2).

Không có chiến tranh thì không có tiếng ca hòa bình, không có bom đạn Mỹ và lính Cộng hòa thì không có *khúc ca da vàng*, không có bao nhiêu người bỏ xứ đi thì không có tuyệt tác *Em còn nhớ hay em đã quên*, nhưng nói TCS là *sản phẩm* của chế độ, lại là một chế độ nhứt định, thì quả là quá bạo đại ngôn, ngôn đại : *tout ce qui est excessif est insignifiant*. Chế độ nào mà sản xuất được thiên tài thì cũng... tài thật. Mách hộ giüm cho ai với !

*

So sánh chế độ kinh tế chính trị áp dụng ở miền Nam trong một thời gian dài sau 75 như một cái NEP ở Liên-Xô vào khoảng 1920 quả là nói “tươi sươi”. Những năm tháng ngắn sống cầm chay ấy, Tp. HCM không có Nép có gạo gì cả, chỉ có những khoai súng sắn sượng, hay một mó bo bo sơ đá ; các gia đình lặn hụp được, một phần lớn là nhờ những đứa con xa xứ luân phiên bom nước, tiếp hơi. Tâm đắc lắm với những *Tiếng kêu thương* của Nguyễn Hồi Thủ thốt lên mỗi khi nhận được thư nhà, không chứa chan gì ngoài chi chít mấy tên thuốc, láng nhẵng giá cả chợ trời (9).

Thời buổi đó, TCS và một số nhạc sĩ khác bị “đánh” dài dài trên mấy trang báo. *Nhân Dân* không lầm khi khiển trách TCS *mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*, không phải vì “*hàng thâm*” TCS (chữ và ngoặc kép của ĐT) và đồng bọn có nhiều trò chơi quý quái trên một đất nước xác xơ, như ĐT phao, mà trái lại, vì không có chuyện gì vui lâm mới bày trò lựa chọn, như một thách thức siêu thực, thậm chí còn có trò *mỗi ngày tôi chọn ngồi thật yên*, và tự nhủ *em ra đi nơi này vẫn thế* để mà bám lấy cái lung quê hương cứu rỗi, khước từ mọi mồi mọc, chỉ vì *đất nước cần một trái tim* (10).

TCS chỉ có trái tim để đối chơi với mọi người, mọi tình huống, và rốt cuộc cũng mở được con tim của nhiều người, kể cả của mấy vị lãnh đạo lão thành mà người ta tưởng đã lão con tim từ bao năm tháng. Rồi theo cái khe TCS, và nhiều khe tương tự, các dòng suối nhỏ lách lỏn chui qua, tạo thành một dòng đồi rang rộng, mà nhiều khúc đã chảy nhanh dọc sông, có khi cũng lăn tăn đến tận bến kia bờ đại dương. May mắn sau này, bên Tây bên Mỹ, người ta cũng tìm đến với những tác phẩm phát đi từ phía bến kia bờ, tưởng như xa xăm ấy. Cái đó, không biết có ai nghĩ là do một chính sách (?) tạm thời, một thủ đoạn khôn ngoan như ĐT nghĩ khi so sánh với NEP, hay là nó thoát đi từ thế chảy của một dòng nước xuôi lòng, rộng dân chảy mạnh như sức sống của một dân tộc, mà không có quyền lực nào dám xây một cái đập chắn ngang, và lại để làm gì chứ, tuy không loại trừ trường hợp đây đó có những tên lén gân tuốt gươm chém nước .

Và trong bối cảnh đó, bài vở của ĐT cũng có ngõ để về với độc giả quốc nội. Cũng may chưa có ai hô hoán lên rằng chế độ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa đã *thu phục* hay *thu hoạch*

Nam Chi ĐT (chữ của ĐT), khi thấy các cơ quan chính quy trân trọng in ấn bài bản của nhà phê bình văn học tên tuổi cho độc giả nghiên cứu, cho sinh viên học (11,12).

Cho nên không biết ai *thu phục* ai, nhưng chắc chắn là bao nhiêu triệu con tim đã *thu hoạch* được TCS, để nói giùm mình, để *thở* *giùm tôi* trong cuộc đời không mấy suông sẻ này. Cho nên, *người người lớp lớp*, không ai bảo ai, không ai vắng lịm ai, một ngày đầu tháng tư năm hai ngàn lẻ một, kéo nhau xuống đường, trẩy hoa, thút thít tiễn TCS như một người bạn tâm tình, như chính một phần của bản thân họ vĩnh viễn bay đi. Tôi chợt nghĩ đến một đám tang khác, cách đây vừa hơn 50 năm, trong một thời huống khác, với một thời thúc khác, cả Sài Gòn cũng đã kéo nhau xuống đường tiễn một đứa con tiêu biểu cho một thế đứng và nhiều thế hệ : người học trò có tên Ông. Tuy khác, khác lầm, nhưng có cái gì giống, giống lầm, hình như đó là tấm lòng, tấm lòng chân thật của một thành phố còn tìm tên, của một đất nước vẫn đang tìm hình.

*

Kể đời một thiên tài vừa mới mất, để cho hậu thế nghiên cứu (!), không dễ, nhưng quên ngay từ đâu một người anh cả của Sơn không may mất sớm : tôi thấy như có diêm gì không lành. Giải mã một thiên tài quả là khó, chớ chi nhận xét những cái gần như hiển nhiên thì một tên thóm thém văn, thơ, đọc qua liếc vội, trên mớ sách báo Việt kiều, cũng có thể “khám phá” được. Trong những buổi gặp vui cuối tuần với bè bạn, tôi thường “phán” nửa chơi, nửa thiệt, thiệt nhiều hơn chơi : Sơn viết tiếng Việt hay như vậy là nhờ ... không biết tiếng Việt. Và gần đây hơn, từ thế hệ lớn lên trong Tây, trong Mỹ, đã có lộ ra mấy dáng văn phong rất ư đột phá.

Thiên tài không chỉ là người không ai bắt chước được, mà còn là người không ai giải mã được. Hoa chàng là một thiên tài. Thế kỷ này mới bắt đầu, chờ hết thế kỷ xem sao.

Cho nên đối với riêng tôi, bài của ĐT không đem lại được gì đáng kể. Bài viết không biết có ẩn vọng gì, vì không rõ đâu nhợ cuối dây, nhưng tôi ngờ nó không vô tư và cũng không vô tội (13). Đối với độc giả đã mến chuộng ĐT từ lâu, đó là một bài thừa, ít nhút là thừa non phân nửa cuối, một bài không đúng lúc, không đúng chỗ, không biết có ích, có bổ cho ai không ? Chớ tôi sợ nó hẵn lâu dài trên những con tim ngay, thật, không tung hô theo lính, không than khóc theo chiều.

Viết một bài một vạn chữ ráo hoảnh, liền khi Sơn vừa nhắm mắt, anh “khóc bạn” ba dòng chót, sau khi không quên phán kết bản tố khổ : không phải là vô tội ! Anh trích dẫn *Sóng về đâu*, mà hình như anh không nghe tiếng van trong sóng :

*Biển sóng, biển sóng đừng xô tôi
Đừng xô tôi ngã giữa tim người.*

Có được an cựu không, Sơn ơi!

*Biển sóng, biển sóng đừng xô tôi
Đừng xô tôi ngã giữa tim người.*

*

Tôi không phải nhà văn, nhà bình, tôi chỉ xin là nhà thương, thương người đã nói kéo tôi đi tiếp dài quê hương, mà trạm 75 không có quyền lực làm một biên giới tâm hồn, khi mà

*Tôi như mọi người, mong ngày sẽ tới
Nhưng khi về lại, thu mình gốc tôi
Trong tôi rụng đầy bao nhiêu nụ cười*

Có nói được gì những tiếng bi ai.

(Bay đi thăm lặng)

Thương Sơn như một nỗi đau hạnh phúc.

Và sống với nỗi đau đó trong những năm tháng ngày còn lại như một vinh hạnh.

Phạm văn Đỉnh

Midi-Pyrénées, 10/06/2001.

- (1) Đặng Tiến, 2001: *Đời và Nhạc Trịnh Công Sơn*, Diễn Đàm Forum, Paris, 107, tr. 26-31
- (2) Trịnh Công Sơn, 1987 : *Phác thảo chân dung tôi*, trong *Nhạc và Đời*, tr. 457-475, Lê Giang và Lư Nhất Vũ chủ biên, nxb Tổng Hợp Hậu Giang (1989), 700 tr. .
- (3) Phạm Duy, 1990 : *Hồi ký, Thời thơ áu - vào đời*, ch. 17- 28 , PDC Musical Productions, Midway City, 379 tr. + phụ bản.
- (4) Giang Nam : *Quê Hương* (thơ), Phạm Trọng Cầu, phổ nhạc.
- (5) Những năm 40, trong câu văn, câu chữ, người ta thường còn dùng đại từ *chàng, nàng* để thế tên nhân vật, nên khi nói tới một tài tử đi dàn hát trong gánh cải lương như PD, dùng chàng để chỉ chàng là không có ý gì lạ.
- (6) Phạm Duy, 1989 : *Hồi ký, Thời Cách mạng Kháng chiến*, ch. 12, 14, 26, PDC Musical productions, Midway City, 2nd ed..(1990), 340 tr.+ phụ bản.
- (7) Tường Nguyễn Sơn cũng là người chủ hôn cho đôi uyên ương Phạm Duy-Thái Hằng.
- (8) Phạm Duy, 1991: *Hồi ký, Thời phân chia Quốc-Cộng*, ch. 15, 16, PDC Musical Productions, Midway City, 401 tr. + phụ bản.
- (9) Nguyễn Hồi Thủ, 1982: *Tiếng kêu thương*, nxb Chân mây cuối trời, Paris.
- (10) Thuở khốn đốn đó, Đinh Cường có gợi qua trong : Đinh Cường, 2001 : *Tình bạn, hồi sinh con hồn mê*, Họp Lưu, 59, tr. 29-43 : Thời ấy, “người ta” không coi nhạc TCS như một “*thể phẩm*” xài đỡ, trong buổi quá độ, như ĐT đánh giá sự “lưu dung” sau này của chế độ đối với TCS, mà, đặc biệt ở Huế, người ta tiêu thụ như một *phố phẩm*, nếu không nói là nhìn nhạc TCS như một *uế phẩm*.
- (11) Đặng Tiến, 1996 : *Bác Hân*, trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hân*, tập 1 : *Con người và trước tác*, tr. 300-302, nxb Giáo Dục, Hà Nội (1998), 1164 tr..
- (12) Nam Chi, 1985 : *Trường hợp Xuân Diệu*, trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*, nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, và in lại trong *Xuân Diệu, vở tác giả và tác phẩm*, tr. 192-199, Lưu Khánh Tho tuyển chọn và giới thiệu, tái bản lần thứ nhất, nxb Giáo Dục, Hà Nội (1999), 464 tr..
- (13) Vô tư, vô tội, thơ ngây, v.v., tiếng Pháp thường dùng cùng một từ để chỉ các cá từ đó, như trong pho tượng Malraux-ĐT: chưa chắc gì *innocent* .

Đặng Tiến trả lời :

Tác giả đọc bài tôi từ một góc độ chính trị khác, và từ tâm nhìn khác, thì dĩ nhiên là đi đến những nhận định khác, thậm chí trái ngược. Việc ấy thường tình.

Tôi trân trọng những ý kiến anh Phạm Văn Đỉnh, dù rằng anh đã phải sử dụng nhiều thủ pháp không cần thiết. Nhưng cái này giải thích cái kia, điều ấy cũng là quy luật, và đã có truyền thống lâu đời.

Nó chứng tỏ việc tôi làm là đúng lúc và cần thiết.

Phật Giáo Việt Nam qua phong dao tục ngữ

Cao Huy Thuần

Có một người bạn thân vừa gửi biểu tôi bản thảo một cuốn sách mà tôi mong muốn được chóng in ra, bởi vì đó là một cuốn sách quý. Cuốn sách nhan đề *Phật Giáo Việt Nam qua phong dao tục ngữ*.

Đây là cuốn sách sao lục và bình chú 408 câu phong dao tục ngữ mà tác giả nghĩ là có liên hệ đến Phật Giáo. Tôi viết : “nghĩ là có liên hệ” bởi vì tất cả khó khăn là nằm ở đấy, ở công việc sao lục. Sao lục từ đâu ? Sao lục trên tiêu chuẩn nào ?

Từ đâu ? Cho dù sau này có nhiều người viết về phong dao tục ngữ, thương vàng hạ cám, quyển sách của Ôn Như Nguyễn văn Ngọc vẫn là thứ thượng. Trong cái địa hạt rất dễ phía là địa hạt này, càng thận trọng càng liêm khiết. Bởi vậy, tác giả đã căn cứ trên Ôn Như và ba xuất xứ khác, tất cả đều đúng đắn.

Sao lục trên tiêu chuẩn nào ? Trên ba tiêu chuẩn : lựa câu nào có lời và ý liên quan đến Phật Giáo ; câu nào chỉ có lời liên hệ ; câu nào chỉ có ý liên hệ. Tiêu chuẩn thứ nhất là hiển nhiên. Tiêu chuẩn thứ hai hợp lý không kém. Tiêu chuẩn thứ ba hợp lý nhưng khó phân minh, dễ tranh luận.

*Một năm một tuổi như đuổi xuân đi
Cái già xông xộc nó thì theo sau*

Ấy là Phật Giáo ? Đúng. Ấy là nhận xét thông thường ? Không sai.

*Ai ơi đừng chóng chớ chán
Có công mài sắt có ngày nên kim*

Ấy là Phật Giáo ? Có thể lầm chứ. Ấy là luân lý phổ thông ? Thì cũng được.

Hơn thế nữa :

*Cũng tại hoá công khiến kẻ đồng người hắc
Tuy là xa lắc còn nhắc nhau hoài
Chẳng qua mạng nợ ghét tài
Xui anh bảng lảng duyên hãi mới loi*

Là Phật Giáo ? Là Nho ? Là tài mạng tương đố ? Là “trăm năm trong cõi người ta” ?

*Ra khơi xem cá ông voi
Vào hang bắt muỗi xem loài tiêu minh
Cũng tâm cũng tính cũng tình
Cũng vùng vẫy đủ cũng sinh nuôi vừa
Muôn vận trong một hóa cơ
Chớ đem nóng nổi mà ngờ cao xa*

Là Phật ? Là Nho ? Là Lão ? Là ba mà một, một mà ba ? Làm sao mà lựa ? Lấy nhiều, biết thế nào là đủ ? Lấy ít, e chẳng khỏi bất công. Tác giả quyết định : lấy ít thôi. Thế là phải.

Đứng đắn như vậy, tác giả vẫn viết trong bài tựa : “Với lại Phật tử viết về Phật Giáo thì không phải vô tư. Có điều người nhà nào nói việc nhà ấy thì có cái có thể rõ hơn”. Đó là mục đích và tinh thần của phần bình chú, phần tinh hoa của cuốn sách. Đó cũng là đạo đức ngay thẳng của người viết. Bình chú về đạo Phật giản dị, rõ ràng như vậy, không ai qua mặt được tác giả. Tác giả có nêu vấn đề thư tịch trong bài tựa để giải thích tại sao không có thư mục về Phật Giáo. Tôi nghĩ giải thích làm gì cho mất công, kể chuyện Trạng Quỳnh vui hơn, mà đúng hơn. Trạng Quỳnh nói đồng với thiên hạ : khi nào trời nắng tốt ông sẽ đem sách ra phơi cho khỏi mốc. Chúa Trịnh nghe thế, nghĩ : tay này giỏi thế kia, chắc sách phơi đầy sân. Trời nắng, chúa ngự đến nhà, xem Trạng phơi sách. Sách chẳng thấy, chỉ thấy Trạng tòng ngông phơi nắng giữa sân. Trạng bảo : thì sách nằm cả trong bụng chứ đâu, chẳng vén bụng làm sao mà phơi ! Bình giáp tàng hung trung, bình giáp chứa đầy trong bụng, thư mục làm gì cho phiền phức.

Vài hàng nhận xét có tính cách thường ốc như thế này là đủ. Tôi muốn đi ngay vào phần tinh hoa của cuốn sách để nói những điều tôi đã học được. Tôi đã học được vô số chuyện, chỉ lựa vài chuyện kể ra sau đây.



Tôi học được trước tiên về những vấn đề căn bản của triết lý Phật Giáo, tưởng hiểu rồi mà hóa ra chưa hiểu đúng. Chẳng hạn về chữ khổ. Tôi cứ băn khoăn mãi về điều này : làm sao dạy đạo Phật cho con tôi, ở lứa tuổi mười lăm mười bảy, khi phải bắt đầu ở cái chỗ bắt đầu, nghĩa là ở chữ khổ ? Với tôi, chân lý đó hiển nhiên. Với chúng nó, sự thực đó tương đối. Tôi tò mò muốn biết ca dao nghĩ thế nào. Có giống như tôi không, nghĩa là ít nhất mỗi ngày năm lần tôi kêu khổ. “Khổ quá, vợ để cái lợ tiêu chở nào tìm không ra !” “Nhà mới lau xong, ai tha bùn vào thế này, khổ ơi là khổ !”. Các cụ ở lứa tuổi mẹ tôi thường buộc miệng với hai chữ “cơ khổ” : “Cơ khổ, cháu nó mới về, định qua thăm bác, nhưng nắng quá !” “Cơ khổ, thày Kim Sơn nghe con về, đợi nón đến thăm con liền !” Chẳng khổ gì cũng kêu khổ, huống hồ là khổ ! Thế thì chẳng phải miệng ta niệm Phật ít nhất năm lần mỗi ngày đó sao, bởi vì niệm khổ nào có khác gì niệm Phật ? Mà cả nhân loại niệm Phật đầy chữ, nào có riêng ai ! Ông văn hào số một của Pháp, Gustave Flaubert, than : “La joie m’attriste quand elle est passée”. Nỗi vui làm tôi buồn khi nó đi qua. Thế là ông niệm Phật rồi ! Mà lại niệm rất hay, rất đúng !

Cái biển khổ mà Phật Giáo nói trong chân lý thứ nhất, ca dao Việt Nam phác ra một hình ảnh cực kỳ sống động, linh hoạt :

*Gánh cực mà đỡ lên non
Cong lưng mà chạy cực còn đuổi theo*

Đó chỉ là mới một thằng cực đuối theo. Khổ, có cả trăm thằng mà ca dao kể ra khá đủ : khổ vì thân xác, khổ vì nghèo, khổ vì đói, khổ vì vất vả, khổ vì già, khổ vì chết, khổ vì biệt ly, khổ vì lo lắng, và có hai thằng khổ này nữa mà ca dao rất sành điệu : khổ vì yêu đương, khổ vì tương tư :

Nhớ ai bối hối bối hối
Như đứng đống lửa như ngồi đống than

Áy, tôi biết con tôi sắp phản đối : khổ thế là sướng đấy, câu cho được khổ ! Thì lúc tôi bằng tuổi chúng nó, tôi cũng nói thế thôi : lửa mấy anh cũng xin đứng, than mấy anh cũng xin ngồi. Nghe ông thi sĩ nào đó ca ngợi “thú đau thương”, tôi thèm quá ! Làm sao nói với tuổi thanh niên, hồn xuân phơi phới về cái chuyện tréo cẳng ngỗng rằng cuộc đời là khổ ? Tác giả quyển sách dạy tôi một cái nhìn về khổ rất hùng tráng, rất thanh niên, rất hồn xuân phơi phới. Thân thể con tôi, thân thể con người là đẹp, là quý. Con mắt không quý à ? Không quý làm sao thấy đạo noi mai nở mùa xuân ? Thương yêu không quý à ? Không quý, làm sao biết cái nghĩa của cho, cái nghĩa của nhận ? Cái thân con người rất khó có, và may phước lâm mới có, vì nó chứa đựng tất cả khả năng để đi lên, để hướng thượng, để toàn hảo. Nó là “cái gốc của mọi sự do bẩn mà cũn là cái gốc của mọi sự trong sạch”, Phật nói như vậy. Thế thì nếu con tôi thấy cuộc đời có nhiều cái mà nó cho là vui, là hanh phúc, đừng nói nó sai. Bên trên thác loạn, cuộc đời rất đẹp. Cho nên nếu nó đứng trong lửa mà thấy vui, ngồi trên than mà thấy khoái, tôi phải biết hoan hỷ với nó. Chỉ mong nó đừng bao giờ vui ngu, vui thì được, ngu thì không. Chỉ mong nó cố gắng hiểu cho được điều này : trong vui có khổ, trong khổ có vui, cuộc đời là như vậy. Và bởi vì trong khổ đã có mầm vui, hãy lấy khổ làm bàn đạp mà vượt lên, mà chiến thắng. Đây là quan niệm sống mà tôi và con tôi, trẻ và già, có thể gặp nhau. Quan niệm sống đó đích thực là của Phật, quyển sách xác nhận với tôi như vậy. Vui thay, tục ngữ cũng khẳng khái một lời :

Có thân thì khổ, có khổ mới nên thân

Điều thứ hai mà tôi học được rõ hơn từ quyển sách là những đặc điểm của Phật Giáo Việt Nam. Trước hết là thiên. Ai cũng biết thiên đã phát triển cực thịnh ở nước ta từ thuở Lý Trần, vậy thì tinh hoa đó có được phản ánh trong tục ngữ phong dao hay không ? Thú thực, hồi lớp ba học *Quốc văn giáo khoa thư*, tôi rất khổ sở với bài *Đêm qua ra đứng bờ ao*. Chẳng hiểu gì cả ! Ai ra đứng bờ ao ? Một người đàn bà ? Một người đàn ông ? Tâm sự gì mà bi đát vậy, “trông cá cá lặn trông sao sao mờ” ? Đêm hôm, nhìn sông nước, sao lại có con nhện giăng to ? Chỉ đến câu cuối, tôi mới mường tượng ra được nỗi nhớ nhung của một người đối với một người và lòng dạ chung thuỷ giữa đây với đó :

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào khê nước chảy lòng cồn tro tro

Nhưng “Tào khê nước chảy” thì nước ở đâu, chảy đến nơi nào ? Bài thơ lại rơi vào bí hiểm. Bây giờ tôi mới biết : Tào Khê là con suối chảy qua chỗ Lục tổ Huệ Năng ở. Hoá ra con suối chảy trong ca dao là con suối Thiên !

Lại về Thiên : bây giờ tôi cũng biết thêm rằng nhiều câu trong ca dao xuất ý từ thiền hay lấy hẳn văn tự của Thiên. Chẳng hạn câu mở đầu rất chữ nghĩa sau đây của một cô gái chân chất muốn tìm bạn chân chất để kết nghĩa đá vàng :

Tứu phùng tri kỷ tam bối thiểu
Thoại bất đâu cơ bán cú da
Miễn cho anh nói thiệt thà
Đâu cho Hồ Việt một nhà lạ chi

Dốt chữ Hán bao nhiêu cũng đoán mò được câu thứ nhất : uống rượu mà gặp tri kỷ thì ba chén còn thiếu. “Khuyến quán cảnh tận nhất bối tửu”, một chén rượu trong thơ Đường đâu có ít gì ! Nhưng ba chén rượu ở đây chỉ mới là một giọt. Câu sau xuất thân : nói chuyện mà không trúng ý thì nửa lời cũng nhiều. Nửa lời là thấy trật đường rầy rồi. Thì lẹ lẹ anh đi đường anh tôi đường tôi. Tưởng thế là đã quá hay, ai ngờ câu sau vốn là văn tự của thiên tông mà cô gái đã chuyển ý để nâng tính thiệt thà lên tiêu chuẩn số một trong việc lựa bạn trăm năm. Nói chuyện mà không trúng ý thì nửa lời cũng nhiều, còn nói chuyện mà trúng ý thì sao ?

Thoại nhược đâu cơ bán cú da

Nguyên văn của Thiên tông là như vậy : nói chuyện mà trúng ý thì nửa lời cũng nhiều. Thì đừng nói gì nữa hết. Thì son cùng thủy tận, đi đâu anh cũng có em.

Son cùng thuỷ tận... Chẳng lẽ đây cũng là văn tự Thiên tông nữa sao ? Nghe thì toàn là chữ Hán. Mà Việt hoá đến độ cây lúa cây ngô cũng hiểu. Nhưng lúa ngô có biết chẳng cái điêu mà tôi chẳng biết, biết chẳng đây là một câu tuyệt cú của thiên :

Son cùng thuỷ tận nghi vô lộ
Mịch đắc mai hoa biệt nhất thôn

Đi cho đến tận cùng non nước, đi cho đến chỗ thắc mắc không còn đường hướng nào nữa, hãy đi như thế rồi thấy... Tôi rùng mình. Có lẽ mấy thế kỷ về trước, tâm hồn Việt Nam đã bắt chót câu thơ và đã rùng mình. Hãy đi như thế, đi cho đến chỗ thắc mắc không còn đường hướng nào nữa, thì thấy được một thôn xóm hoa mai. Đừng nói thêm gì nữa, dù nửa chữ.

Vân Thiên. Tôi còn biết thêm, nhờ cuốn sách, rằng tôi đã hiểu sai hoặc hiểu chưa đúng hẳn vài câu mà tôi tưởng nghĩa lý đã rành rành. Hai chữ “vô tâm” chẳng hạn. Đối với đời, đối với người, tôi cố học, cố hành, cố sống “vô tâm”. Như gió thoảng qua nhà trống, thong dong, không vuông mắc. Vô tâm như vậy thì chẳng còn người, chẳng còn ta, từ bờ này qua bờ kia chẳng cần thuyền bè cầu cống gì hết. Tôi còn đem hai chữ vô tâm để diễn dịch những chuyện xa lắc xa lơ nghe như chẳng dính dáng gì đến thiền. Chẳng hạn chuyện Tào Tháo. Hồi trẻ, Tào Tháo chơi với Viên Thiệu. Một đêm, hai người lén vào nhà một cặp vợ chồng mới cưới. Đột nhiên Tháo kêu tướng lên : “Có trộm !”. Thiệu hoảng quá, chui đại vào bụi gai. Tháo xông vào nhà nắm cổ cô dâu. Đùa xong, Tháo chạy. Thiệu chui vào bụi gai thì được mà chui ra thì không được vì gai dày quá. Thấy thế, Tháo thét lên : “Kẻ trộm đây rồi !”. Thiệu hoảng quá, nhảy phóc một cái thoát khỏi bụi gai.

Có thể đây chỉ là minh họa của cái lẽ cùng biến tắc thông chữ chẳng có gì khác. Nhưng tôi e rằng tác giả Tam Quốc cho anh Tào Tháo học lóm hai chữ vô tâm của thiền : đừng để tâm vào chuyện gai thì gai góc chẳng có, gai góc chẳng có thì gai đâu mà rạch da !

Dụng tâm mạc nhược vô tâm hảo

Tôi nghe hoài câu đó mà cứ tưởng vô tâm là thế, là dùng tâm thì không tốt bằng vô tâm. Hoá ra như thế này đúng hơn : trong cách sử dụng cái tâm của mình thì không có cách gì tốt bằng không cho cái tâm xoi bói những sự phải trái tốt xấu của người.

Nói về Thiên, tôi còn muốn nói dài dài... Nhưng tạm ngưng để bước qua điều thứ ba tôi học được từ quyển sách. Đạo Phật trong phong dao tục ngữ không thiên về triết lý, không đặt nặng trí tuệ. Ngay cả thiền, số lượng sao lục cũng không nhiều, tính chất bác học còn nằm trong nguyên văn chữ Hán. Đạo Phật của tục ngữ phong dao là đạo Phật của đạo đức, là đạo đức Phật Giáo – đạo đức chứ không phải luân lý, bởi vì đó là nếp sống, là phong cách, không phải là những điều răn kh Khan, cứng nhắc. Và chính bởi vì đó là đạo đức, và bởi vì Phật Giáo đi quá sâu vào nếp sống dân gian, nên nó hoà lẫn vào luân lý bình dân, quyện nhau làm một, khó phân biệt đâu là luân lý đâu là Phật Giáo. Chính vì vậy mà công việc sao lục quả là khó khăn, ai muốn bắt bẻ, rất dễ bối bèo ra bọ.

Đạo đức đó trước hết là hạnh từ bi, từ bi được hiểu như đạo đức, không phải như một triết lý rất cao siêu của Phật Giáo. Trong đầu óc dân gian, đạo Phật đồng nghĩa với từ bi, đức hạnh số một được tôn sùng. Chu Mạnh Trinh đã chắp tay tán thán như vậy sau khi vãn cảnh chùa Hương :

*Lần tràng hạt niệm nam mô Phật
Của từ bi công đức xiết là bao*

Từ bi hiện thân noi đứa bé nằm bò hoang trước sân chùa và nơi người sư nữ đã nhận đứa bé làm mẹ :

*Con ai đem bỏ chùa này
Nam mô đức Phật con thầy thầy nuôi*

Từ bi nằm gọn trong chữ Bụt hiền lành, mộc mạc. “*Hiền như Bụt*”, “*lành như Bụt*”. Bụt thì chỉ biết hiền, hiền đến độ dân gian phải viện đến ông trời để trùng phạt vì Bụt chỉ thương mà không phạt. Phật, chỉ có ta phạt ta. Bụt chỉ khuyên bảo, vì thương mà khuyên bảo, mà lại khuyên bảo nhỏ nhẹ, thầm thì, như nói đâu từ trong đáy lòng, không phải phán quyết từ tít cao xa : “*Tham thì thâm, Bụt đã bảo thâm rằng chờ có tham*”. Cho nên làm điều quá quắt, thất đức, không gì hơn là “*bé tay Bụt ngày rằm*”.

Tất nhiên từ bi không phải chỉ là hiền, và hiền quá thì hoá lòn, “*gần chùa gọi Bụt bằng anh, thấy Bụt hiền lành cõng Bụt đi chơi*”. Bụt hiền, bởi vì đạo đức của Bụt không dữ : đó là đạo đức của người, đạo đức của hành vi, đạo đức của nhân quả. Bụt không trùng phạt, nhưng nhân lành thì quả lành, nhân dữ thì quả xấu, ai cũng hiểu, ai cũng nhận. Và bởi vì ai cũng nhận nên tác giả Bụt cũng chẳng cần phải giữ bản quyền tác giả làm chi, nói đó là đạo đức của Bụt cũng được, nói đó là luân lý phổ thông cũng ừ, miễn rằng đó là Việt Nam, đó là đạo đức của dân tộc từ thuở dân tộc là dân tộc. Nhân quả, nghiệp, tội phuoc, kiếp này kiếp sau thấm vào tục ngữ phong dao như nước thấm vào ruộng lúa. Từ bi, đối với dân gian nằm ở trong đó : “*thương người như thể thương thân*” bởi vì “*cứu nhất nhân đắc vạn phúc*”. Cũng vậy, “*thí một chén nước phước chất bằng non*”. Ngược lại... Ngược lại áy à ? Thì khiếp lắm, Bụt cũng chịu thua, không cứu nổi :

*Quả báo ăn cháo gãy răng
Ăn cơm gãy dũa xỉa răng gãy chày*

Từ bi, nhân quả, nghiệp báo... tất cả đạo đức đó, dưới mắt dân gian, thâu tóm vào một chữ : chữ “tu”. Tu là đạo đức. Cho nên tu giả, tu lếu thì bị phong dao tục ngữ kết án nặng nề lắm.

Tu giả :

Nam mô một bồ dao gãm

*Một trăm dao mác, một vác dao bầu, một xâu thịt chó
Tu lếu :*

Ba cô đội gao lên chùa...

Cần gì cô bỏ bùa ! Ông treo bùa sẵn nơi cổ ông, nó chờ cô đấy.

Trào phúng là chuyện của muôn đời, muôn nơi, chẳng phải là đặc sản của thời đại nào, văn hóa nào. Nhưng trào phúng hay thì có cái đạo đức của nó, trào phúng dở thì rơi vào thô bỉ. Đối với thứ tiểu lâm thô bỉ, quá đà, phong dao đã có câu trả lời sẵn :

*Đất Bụt lại ném chim trời
Chim trời bay mất đất rơi xuống đâu*

Đối với thứ trào phúng có đạo đức, hãy lắng tai nghe mà cảm ơn. Và hãy nhận định rằng đạo Phật mà dân gian ấp ú trong phong dao là đạo Phật của giới, tu là giới, có giới thì có sự kính trọng, không có giới thì ca dao nói thẳng : “*ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối*”.

Từ chữ tu được hiểu theo nghĩa đạo đức như vậy, phong dao ưa đổi kháng đạo đức của tu với đạo đức của tình. Lạ thật, phong dao không châm chích nam giới đi tu mà ưa chĩa mũi dùi vào nữ giới đi tu :

*Cá bống đi tu
Cá thu nô khóc
Cá lóc nô râu
Phải chi ngoài biển có cầu
Anh ra đến đó giải sâu cho em*

Phải chăng vì Nho Giáo có cái nhìn khắt khe hơn về phụ nữ ? Phải chăng dưới ảnh hưởng của Nho, phụ nữ có cái đạo đức gia đình lớn hơn ? Yếu thì phải nương tựa, nghĩa là phải có đôi có lứa, lẻ loi là không hợp với sách trời ?

*Ngó lên trời thấy cặp cu đang đá
Ngó ra biển thấy cặp cá đang đua...*

Hay là vì trọng nam khinh nữ ? Nữ giới đi tu thì đáng ngờ hơn đáng tin ? Mà đáng ngờ là tại đâu ? Tại lòng dạ nữ giới hay tại tính háo sắc tham lam nơi quý vị đàn ông ?

*Ai lên Hương Tích chùa Tiên
Gặp cô sứ bác anh khuyên đời lời
Đem thân làm cái kiếp người
Tu sao cho trọn nốt đời mà tu*

Chính ở đây đạo Phật là làn gió mát cho nữ giới. Trong cái thiên lệch khắt khe của Nho, Phật Giáo đã giải phóng cho phụ nữ, mang đến cho nữ giới khả năng lựa chọn giữa hai đời sống, hai đạo đức, tùy thuận nhân duyên. Mà phải nói rằng đạo đức tu hành của nữ giới rất thơm, thiên lệch đến mấy, ca dao cũng phải truy nhận :

*Thiép vê lụa chuối thiép mua
Lụa hương thiép tháp lụa chùa thiép tu*

Nhé nhàng, kín đáo, mà chắc nịch, không lay chuyển. Đó là đạo đức bình dị, hiền hòa của chuông của mõ, mõ thức tĩnh, chuông giải thoát, đạo đức dịu dàng của chị nhán với em trong thanh tịnh của chiêu hوم :

*Mõ chiêu em giống chị nghe
Chuông chiêu chị giống có vẻ bên em*

Tu không phải là đi trốn, dù trốn kín tìm không ra. Là vượt

lên. Vượt lên cái nhỏ vì thấy cái lớn. Là chiến thắng. Thắng cái thấp vì thấy cái cao. Vượt lên, chiến thắng trong từng phút từng giây. Đó là đạo đức mà dân gian đòi hỏi nơi người tu hành : đạo đức trước cảm dỗ. Nhưng chữ tu, trong dân gian, còn có ý nghĩa tín ngưỡng. Chính chữ tu này đã nhập vào chữ hiếu của đạo lý cổ truyền để đưa chữ hiếu vào chuông mõ Vu Lan, nâng cha mẹ lên hàng Phật sống :

Em tu hành anh chỉ chở cho em tu

Kìa hai vị Phật sanh

Cha già mẹ yếu em đành bở đi tu

Chữ hiếu đã nâng lên đến mức ấy thì đâu là nhà đâu là chùa ? Thứ ba là tu chùa, thứ hai là tu chợ... Quyển sách khẳng định một nét độc đáo trong Phật Giáo Việt Nam : phong dao tục ngữ đề cao cách tu tại gia. “ *Thứ nhất là tu tại gia...* ” Và khẳng định : tu tại gia là thực hiện huấn dụ của Phật ngay trong đời sống. Vừa là đạo đức, vừa là tín ngưỡng, “ tu ” biến chùa thành nhà, biến nhà thành chùa, ai tu cũng được, nhất là nữ giới.

Từ chuyện nam nữ này, tôi học được điều thứ tư trong cuốn sách, điều mà ai cũng biết, nhưng được nhắc nhở thì vẫn thích như thường : đạo Phật trong phong dao rất vui, rất trẻ, bởi vì chùa là miếng đất hoa mầu của văn hóa lễ hội. Lễ hội tung bừng trong phong dao, nổi tiếng nhất là lễ hội chùa Thầy :

Nhớ ngày mồng bảy tháng ba

Trở vào hội Láng trở ra hội Thầy

Hội lớn, hội nhỏ, chùa làm vui làng xóm, gánh vác chức năng giải trí trong một xã hội nông thôn quanh năm quần quật. “ *Làng ta mở hội vui mừng, Chuông kêu trống đánh vang lừng đón bén* ” : chuông mõ là thoát tục, chuông trống là vui chơi, là tín ngưỡng lồng vào vui sống. Và vui chơi trong một xã hội Khổng Giáo gò bó, lễ nghĩa là một nhu cầu, một đòi hỏi của hồn nhiên trước câu thúc, đè nén. Do đó, lễ hội là những dịp vui để trai gái gặp nhau, trai tìm vợ gái tìm chồng, những chuyện rất bình thường mà cửa chùa trang nghiêm tạo cơ hội bên cạnh cửa Khổng sảnh Trình khắc nghiệt như cây roi :

Hội chùa Thầy có hang Cắc Cớ

Trai chưa vợ nhớ hội chùa Thầy

Đừng nói đây là chuyện trăng gió lảng nhăng : đạo mà đi vào được cuộc sống vui như vậy thì đó mới là đạo của đời.

Đạo với đời : tôi muốn chấm dứt ở đây với hai ý nghĩ nhỏ, vật.

Ý thứ nhất liên quan đến đẳng cấp thống trị : sức mẩy mà Phật Giáo đồng hoá với đẳng cấp thống trị ! Quá thân mật, quá gần gũi, quá hoà đồng với dân gian, ngôn ngữ Phật Giáo nằm trên đầu luối của phong dao tục ngữ để nói những chuyện hàng ngày. Muốn nói của hiếm người đồng ? “ *Bụt nhiều oán át* ”. Tham lam bẩn xỉn ? “ *Cửa người bồ tát cửa ta lạt buộc* ”. Người nào loạn tâm loạn ý, lẩn việc này với việc kia, người ấy đang “ *kinh một đằng tim một đằng* ”. Đám đông vu oan giả họa thì “ *chúng khẩu đồng từ ông sư cũng chết* ”. Hảo tâm thì quý quá, nhưng coi chừng, “ *bố thí giờ thin ăn giờ ty* ”. Thậm chí dểu giả cũng nam mô, “ *nam mô một bồ lấy bốn* ” ; hấp ta hấp tấp cũng nam mô, “ *nam mô A Di Đà Phật, dỗ mặt vào nôi chùa sôi đã ném* ”. Cho đến anh nông dân, khi vui cái vui được mùa, cũng kéo ông thầy chùa cùng vui : “ *được mùa thầy chùa no bụng* ”. Thế thì mất mùa thầy chùa đói meo !

Anh với tôi cùng vui cùng buồn, chẳng ai thống ai chẳng ai trị ai, anh châm chọc, tôi hoan hỷ, bụng tôi chứa cả anh vào trong đó, anh biết thế nên khi anh đùa, anh có tôi, mà khi anh khổ, anh cũng kêu tôi.

Ý thứ hai là một bâng khuâng vớ vẩn. Phong dao là những câu thơ mộc mạc, hồn nhiên. Trong đạo Phật, bản tính của con người cũng hồn nhiên, mộc mạc như thế, càng hồn nhiên càng gần với đạo. Bởi vậy, đâu là đạo đâu là thơ, khi đạo đã thấm vào tâm hồn của người làm thơ lẫn người đọc thơ, nghĩa là hầu hết mọi người ? “ *Đindh tiền tặc dạ nhất chi mai* ” là thơ hay đạo ? Có chữ nào là đạo đâu ? Mà có chữ nào chẳng là đạo ! Tôi hiểu cái khó khăn của người sao lục khi đi vào thế giới hồn nhiên của ca dao. Nếu tôi là tác giả, không chừng tôi vơ vữa cả năm ! Và không chừng tôi sẽ đi xa hơn nữa cả trong việc bình chú, bởi vì tôi sẽ đem cả những vở vắn của tôi vào những vở vắn hồn nhiên của câu thơ. Có gì vớ vẩn hơn câu ca dao này :

Đêm nằm nghe vạc trờ canh

Nghe sú gõ mõ nghe anh dỗ nàng

Đó ai nghe được cái gì khi lòng không lắng để tự nhiên mà nghe. Cùng thức giấc cá khi trời chưa sáng, bao nhiêu người có nghe thấy gì đâu ngoài những lo toan chưa giải quyết xong của ngày hôm qua, những phiền toái sắp phải đụng đầu trong ngày sắp đến, nợ nần, hò hẹn, cái hóa đơn phải khai, câu diễn văn phải đọc. Người thức giấc trong câu ca dao hẳn phải là một người đã tỉnh. Rất tỉnh. Rất lắng. Lắng như nước đã lọc. Lắng như vậy mới nghe được những chuyện bình thường đến với anh một cách hồn nhiên. Chính tôi mới là người không bình thường, bởi vì tôi đang thử nghe cái nghe của người đó. Tôi nghe một bước chân đi qua : bước chân của thời gian, của vô thường. Tôi nghe một bước chân đi ra : bước chân của mõ. Tôi nghe một bước chân đi vào : bước chân của tình ái. Giản dị thế thôi là cuộc đời. Cuộc đời giản dị thế thôi ! Dỗ nhau là tự nhiên quá, hạnh phúc tốt vời. Nhưng cũng tự nhiên quá cái tiếng vạc kêu. Không chừng có cả tiếng vạc kêu trong tiếng dỗ nhau. Cho nên có bước chân đi vào. Có bước chân đi qua. Có bước chân đi ra...

CAO HUY THUÂN

Tìm đọc

HỌP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA

Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

♦ *nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước*

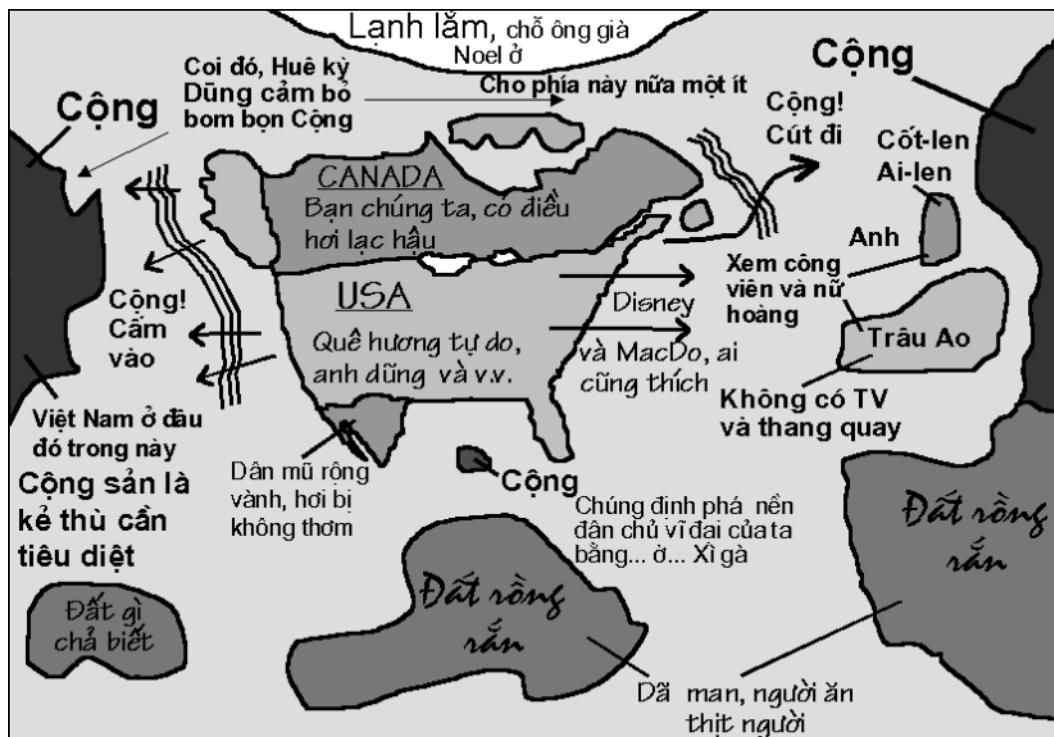
♦ *nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam*

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện

15 place Souham, F-75013 PARIS

Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Trèo
lên
quán
dzốc



Thế giới trong mắt người hùng Huê kỳ

Tám tôi nhà bên chiếc cầu đá nhỏ, bắc qua dòng suối nước bạc từ An sơn đổ xuống, thường ngồi trên thành cầu hai chân toòng teng, quay lưng về An sơn nhìn nước chảy mà suy gẫm chuyện đời. Dân làng lâu ngày đặt cho cái tên Tám-cầu-dá.

Từ chân cầu có con đường nhỏ leo lên ngoằn ngoèo, hai bên đường tuyết trắng rái rác như hoa. Nửa chừng có một quán nằm khuất dưới gốc đa già, từ dưới nhìn lên có để ý mới thấy một góc mái rêu phong. Dân làng gọi là quán dzốc, theo cái tiếng địa phương trại trại. Sao ở nơi An sơn tuyết phủ này mà lại có gốc đa ? Xin thưa trong cõi ta bà vô thường này cái gì cũng có thể. Mà thật ra nói “ta bà” là sai rồi, đó là phiên âm từ chữ phon “xi be”.

Hai vợ chồng chủ quán chắc tuổi sồn sồn không biết từ đâu lưu lạc lại. Anh chồng hiền lành nhưng trình độ i tờ, gọi quen là A Tờ, còn bà chủ người phương xa vẻ đẹp mỹ miều, nếu vẫn vẻ thì phải gọi là “người đẹp xứ tuyết”, nhưng dân làng quê ít người biết chữ, chẳng hiểu sao lúc vui đùa mọc mạc lại kêu là Bê Ca, riết rồi thành tên, có lẽ vì người đẹp tính tình đáo để, hay ca cảm. Tuy thế lúc hứng lên cũng vui chuyện ra gì.

Quán dzốc là chỗ dân làng hay tụ họp, uống rượu trắng đặc sản của An sơn, khi đã ngà ngà thì hay cùng nhau kể chuyện vui phương xa, thói quen ấy gọi là kể chuyện dzốc (*). Tám-cầu-dá cũng thường cưỡi lừa lên quán. Con lừa của một đạo sĩ một hôm đi qua, leo mãi lên cao nơi tuyết vạn niên, rồi không về, chắc đã thành tiên. Chỉ thấy mấy hôm sau con lừa lảo đảo xuống, trên núi cao không có gì ăn đói kêu y như mèo, Tám cầu đá bèn cột nó lại, cho ăn, và đặt tên nó là “i meo”.

Hôm qua Tám-cầu-dá cưỡi i meo lên quán dzốc.

Trong quán có bốn người khách, một người Âu, một người từ nước Mỹ, một người châu Phi, và một từ Á châu lại, không biết Tàu hay là Việt. Đang câu chuyện về khách du lịch năm nay bắt đầu đổ tới, mà thời tiết霸道 này sao mưa nắng bất thường, lân la tới chuyện bâu khí quyền đang nóng dần... bỗng nhiên A Tờ ngó ngắn hỏi :

- Xin quý khách cho biết ý kiến mình về tình trạng thiếu thực phẩm ở các nơi khác trên thế giới ?

Chẳng biết do ngôn ngữ bất đồng thế nào, người châu Phi hỏi lại : “ Thực phẩm ” là gì, hở ông ?

Người châu Âu nói : Tôi không hiểu chữ “ thiếu ”.

Người châu Á nói : Thế nào là “ cho biết ý kiến mình ” ?

Còn người Mỹ bảo : Tôi chẳng biết “ các nơi khác trên thế giới ” là cái gì.

Chẳng ai cười cả. Lần này Bê Ca không dãi một chầu rượu trắng như thường lệ.

Tám cầu đá

(*) Dzốc : nói dừa cho vui, gốc là cổ ngữ (việt) *dóc*, sau biến thành cổ ngữ *joke* (Am.). Theo : *Vũ trụ Bách Khoa từ điển* ; tập XIX, chương 85, tr.167 ; niên kỷ 1003 sau Đại Đồng.

Nhặt sỏi

Cái tiếng đồn Diễn Đàm là tờ báo ít lỗi chính tả nhất nước Nam không biết có phải từ quán dzốc mà ra không, mà sao số 108 vừa rồi quá nhiều sỏi, nhiều như dưới lòng cầu đá :

Ngay mục lục trang đầu một hòn sỏi to tướng : tr. 17 tên tác giả là **Hoàng Tuy** chứ không phải là *Hoàng Tuệ*.

Trang 11, tiểu tựa đầu thiếu hẳn hai chữ cuối, xin đọc :

“Thế giới thứ ba” : một lịch sử phái sinh

Trang 25, cột phải, dòng 19 : **Tưởng Thiền tông...** chứ không phải *Tường...*

Trang 28, cột phải, dòng 18 từ dưới lên : ... **Mưa oi !** thay vì ... *Mưa ơi !*

Còn trang 30 thì hết xảy, cột trái có 3 hòn sỏi liền : dòng 15 : **ngôn ngữ** thay vì *noón ngữ* ; dòng 31 : **thế giới** chứ không phải *thế giới*, dòng 10 từ dưới lên xin đọc : người cha kính yêu của **tôi** và bè bạn... (thiếu chữ ‘tôi’).

Người đánh máy xin tạ lỗi cùng độc giả và các tác giả.

Kể tiếp chuyện lão Chộp

Trần Đăng Khoa

Chuyện lão Chộp, một ông thơ cày làng An Đoài đã bắt sống viên phi công Mỹ Pete Peterson thì cả thế giới đều đã biết rồi. Tất nhiên, thiên hạ cũng chỉ mới biết tường tận chuyện đó trong vài năm trở lại đây thôi. Còn khi sự kiện ấy đang thực sự diễn ra thì lại không có mấy ai biết. Bởi khi đó đang chiến tranh. Bom đạn mù mịt. Nói như câu nói cửa miệng của dân mình lúc ấy thì *giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*. Cả nước thành mặt trận.

Cụ già bắn rơi máy bay. Trẻ con cũng thành dũng sĩ. Chỉ bước chân ra ngõ đã gặp anh hùng. Nhìn đâu cũng thấy anh hùng cả. Bởi vậy, việc lão Chộp bắt giặc lái Mỹ trở thành chuyện bình thường.

Bình thường nên chẳng có ai để ý đến nữa. Chính lão Chộp cũng đã quên khuấy chuyện đó. Mà quên từ lâu rồi. Chỉ đến khi viên phi công ấy, ngài thượng nghị sĩ Mỹ Pete Peterson trở lại Việt Nam làm đại sứ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ thì câu chuyện cũ lại bùng lên thành một sự kiện nóng hổi. Bao nhiêu phóng viên thông tấn báo chí trong nước và thế giới lần về làng An Đoài tìm gặp lão Chộp. Rồi chính Đại sứ Pete Peterson khi vừa đặt chân tới Hà Nội cũng đã đến thăm lão Chộp, thăm lại làng An Đoài. Và nói như lời ngài thì đó là mảnh đất mà ngài có nhiều kỷ niệm sâu sắc. Pete Peterson rất mừng khi lão Chộp vẫn còn sống. Cứ như lời ngài đại sứ thì cuộc chiến tranh đã qua quả là một quá khứ u buồn. Con người ta chẳng ai có thể thay đổi được quá khứ, nhưng hoàn toàn có thể thay đổi được tương lai. Ngài muốn cùng lão Chộp hướng về tương lai. Rồi ngài bảo lão Chộp : “*Lần trước, để tôi được An Đoài, tôi phải nhảy dù. Còn bây giờ thì tôi có thể đến thẳng An Đoài bằng xe ô-tô*”. Lão Chộp cũng mời ngài, nếu có thời gian rảnh rồi thì ngài cứ đến lão chơi. Tất nhiên nếu ngài có về An Đoài thì xin ngài cứ đi bằng xe ô-tô choàng hoàng, chứ đừng có nhảy dù như mấy chục năm trước. Còn nếu ngài vẫn cứ nhảy dù thì lão Chộp lại đành phải “chộp” ngài thôi. Tất nhiên, đó là điều bất đắc dĩ mà lão Chộp hoàn toàn không muốn như thế. Và rồi cũng từ đó, lần nào tôi về quê, lão Chộp cũng tới hỏi thăm sức khoẻ đại sứ Mỹ mà lão vẫn quen miệng gọi là ông Bu Sơn. Lão làm cứ như tôi có thể gặp đại sứ Mỹ dễ dàng lắm. Có lần lão còn nhờ tôi chuyển đến ngài đại sứ chút quà quê. Đó là nải chuối tiêu với chục trứng gà. Đối với người thôn quê thì đó là quà quý. Người ta vẫn thường dùng món quà ấy thăm người ốm hay đàn bà đẻ. Chỉ tiếc tôi không sao chuyển được giúp lão món quà đó.

Điều ấy lại làm lão rất ngạc nhiên :

Thế ra gặp ông Bu Sơn mà khó đến thế kia à ? Tôi tưởng bác cùng ở Hà Nội với ông ấy. Người cùng làng với nhau thì gặp nhau lúc nào chẳng được.

Tôi đã viết một thiên phóng sự kể khá kỹ về cuộc gặp gỡ giữa lão Chộp và ngài đại sứ Mỹ, rồi đưa chuyện lão vào cuốn *Chân dung và đối thoại*.

Có người tưởng tôi làm thế chỉ để cho cuốn sách thêm dày. Có người trách tôi sao lại để lão Chộp ngồi chồm chồm trong

cái chiếu dành riêng cho các nhà văn. Thực ra, tôi nghĩ mình không nhầm. Tôi trịnh trọng mời lão ngồi chung chiếu với các nhà văn vì lão là một nhà thơ dân gian. Nhưng trong cuốn sách, tôi chẳng nói chút gì về thơ lão mà chỉ bàn đến chuyện đánh giặc của lão thôi. Tài đánh giặc của lão Chộp đã nổi tiếng khắp nước. Còn thơ ca của lão Chộp thì chỉ nổi tiếng trong làng An Đoài. Cánh thơ cày thuộc thơ lão vanh vách. Họ bảo : “*Chúng tôi chỉ thấy mỗi thơ ông Chộp là hay. Cứ làm theo thơ ông Chộp là chúng tôi có tiền. Còn thơ các bác, nói khí vô phép, không thể nào... sực được*”. Lão Chộp có đến hàng trăm bài thơ, mà toàn thơ nói về cách làm ăn ở ruộng đồng, vườn tược :

*Bà con toàn thể xã ta
Đồng tâm phán khởi giống cà dài dê
Dái dê to mập dài ghê
Sang năm ta cứ dài dê ta giống...*

Lão Chộp có vẻ khoái những bài thơ như thế này lắm. Đường như đối với lão, chỉ có thơ ca mới có ý nghĩa, chứ còn chuyện đánh giặc chỉ là chuyện nhất thời. Lão gói tập thơ cẩn thận, vuông vức như một cái bánh chưng. Thế rồi vào một ngày cuối năm, lão đột ngột mang cái bánh chưng thơ ấy đến nhà tôi, gọi là để “*nhờ bác ném giúp, nếu thấy nhạt thì bác cứ thêm giấm ớt vào cho nó đậm đà*”.

Đấy là lần đầu tiên lão Chộp lên Hà Nội. Lão gọi là chuyến đi “đối già”. Cô cháu gái của lão lấy chồng bên Gia Lâm, giờ làm nghề bán vải, đã bỏ ra cả một buổi chợ để đưa lão đi chơi, thăm danh lam thắng cảnh. Nhưng chỉ đi được một lúc lão đã thấy chán, vì Hà Nội chỗ nào trông cũng giống chỗ nào.

Không ngờ thủ đô lại chật chội và ôn ào quá. Người chen người. Nhà chen nhà. Nhìn khắp mọi xó xỉnh, chẳng thấy hở ra một chút đất nào. Thế thì trông cây làm sao ? Lão Chộp thấy chán quá. Chưa hết buổi sáng đã chẳng còn chỗ nào nữa mà đi. Mãi đến lúc ấy lão Chộp mới chợt nhớ đến một người quen nữa là ngài đại sứ Mỹ, mà lão luôn coi ngài như một *thằng em*. Vì thực tình thì ngài kém lão đến ngót một con giáp. Hôm chia tay lão ở làng An Đoài, chính ngài cũng có nhã ý mời lão nếu có dịp nào về Hà Nội thì đến ngài chơi. Ủ, thế thì lão đến chơi. Đến xem *thằng em* sống thế nào.

Lão Chộp nhờ cô cháu gái đèo đến cửa Đại sứ quán Mỹ. Rồi lão quay lại bảo cháu :

- Thôi, mày về mà đi chợ đi. Tao vào uống rượu với Bu Sơn. Lúc nào cần thì tao bảo nó đưa về. Cháu không phải đón đâu.

Thế rồi lão đến thẳng toà nhà mà cô cháu gái bảo đó là Đại sứ quán Mỹ. Lão rất ngạc nhiên khi đến toà nhà của Mỹ, lão lại gặp người Việt. Một anh gác cổng người Việt ngăn lão lại :

- Cụ già đi đâu mà vào đây ?

- Tôi đến thăm ông Bu Sơn. Đây có phải là Đại sứ quán Mỹ không ?

Vâng. Đây là Đại sứ quán Mỹ !

- Thế thì đúng rồi ? - Lão Chộp cười. - May quá, tôi lại cứ tưởng là mình nhầm nh่า. Chú cho tôi gặp ông Bu Sơn !

- Ở đây không có ông Bu Sơn cụ ạ ?

- Quái ? Thế ra nó nói dối à ? Mà làm sao lại có chuyện thế được...

Thấy lão Chộp có vẻ ngạc nhiên, anh gác cổng hỏi: - Ông Bu Sơn là người Việt hay người Mỹ ?

- Người Mỹ!

- Thế thì không có rồi. Ở đây chỉ có mỗi ông Peterson là đại

sứ Mỹ, chứ không có ông Bu Sơn nào cả

- Đúng rồi, ông ấy là đại sứ Mỹ, nhưng ở làng, chúng tôi vẫn gọi là Bu Sơn...

- Thế cụ có giấy tờ gì không ?

- Tôi chẳng có giấy tờ gì cả. Mà làm sao lại cứ phải có giấy tờ. Tôi tưởng chỉ có xe máy, xích-lô mới phải có giấy đăng ký. Thế ra người cũng phải đăng ký à ?

- Không phải giấy đăng ký mà là giấy thông hành. Cụ có chứng minh thư hay bất cứ một loại giấy tờ gì để đi đường không ?

Tôi chỉ là nông dân. Nông dân thì cần giấy tờ làm gì ? Tôi chỉ có mỗi một cái giấy để ở đồng làng thì không thể mang theo được.

- Sao lại có giấy tờ nào để ở đồng làng ? - Anh gác cổng bắt đâu ngờ vực. - Đầu óc cụ có làm sao không đấy ?

- Tôi chẳng có làm sao cả. Ông Bu Sơn mời tôi đến chơi thì tôi đến chơi thôi. Ông ấy có bảo tôi mang theo giấy tờ đâu. Mà tôi cũng chỉ có mỗi cái giấy dài một mét sáu, sâu đến tận mép ba ở cánh đồng làng thôi. Loại giấy ấy thì đến bố tôi cũng chẳng thể nào vác theo được.

Nói rồi, lão Chopped cười hố hố. Cái lưỡi dỏ nhở nhở của lão cứ đập đập vào lỗ răng thủng. Anh gác cổng cũng không còn giữ được vẻ nghiêm nghị :

- Thế cụ với ông Peterson là như thế nào ?

- Nó là em tôi đấy ?

- Là em cụ ? - Anh gác cổng trợn tròn mắt. - Xin cụ nhớ cho rằng ông Peterson là người Mỹ...

- Thị nó là người Mỹ chứ sao ! Tôi nói thực, chả lại cứ không tin. Tôi là anh Bu Sơn thật mà. Chú tưởng tôi là gián điệp hử ? Tôi là anh Bu Sơn. Chú cứ vào bảo Bu Sơn, có thằng anh, là lão Chopped ở làng An Đoài đến chơi. Nếu Bu Sơn đi vắng thì tôi về...

Nghe đến tên lão Chopped, anh gác cổng dường như đã nhận ra người nông dân năm xưa đã bắt viên phi công Mỹ, Không ngờ ông lão vẫn còn rất tráng kiện, vẫn đùa nghịch tinh quái như một gã trai làng. Anh mời ông lão ngồi đợi, rồi đi vào gặp thư ký đại sứ Mỹ. Chỉ một thoáng sau, anh đã quay ra :

- Ngài Peterson rất mừng khi cụ đến chơi. Chỉ tiếc cụ đến đột ngột quá, lại không báo trước, nên xin cụ vui lòng chờ. Hết giờ làm việc, ngài Peterson sẽ tiếp cơm cụ. Còn bây giờ con xin mời cụ vào phòng khách đặc biệt của đại sứ...

Một người Mỹ nói rất thạo tiếng Việt dẫn lão Chopped vào một căn phòng khách sang trọng. Trong phòng có xa-lông. Có máy điều hoà. Một dãy tủ kính bày la liệt những chai rượu đủ các loại hàng. Chưa bao giờ lão Chopped nhìn thấy nhiều chai rượu đẹp và sang trọng đến thế. Ở quê, lão chuyên uống mỗi một loại rượu, là rượu nếp nút lá chuối khô. Lão bảo một anh nhân viên người Mỹ :

Chú có chai rượu ngon nào cho ta mua một chai ?

- Thưa cụ, cụ thích loại rượu nào ?

Anh nhân viên Mỹ hỏi lại lão Chopped bằng một giọng lơ lớ. Vài điều ấy lại làm cho lão Chopped rất dỗi ngạc nhiên :

- Ô, thế ra quê gốc chú ở Hà Tĩnh à ?

- Không, tôi không phải người Hà Tĩnh. Tôi là người Hoa Kỳ. - Anh nhân viên Mỹ phân bùa. - Tôi cũng đã hai lần qua quê cụ rồi. Quê cụ có bài hát *Quê ta từ đất dấy lên* (*). Tôi thấy

ở đây *dấy lên* rất nhiều lò gạch tự tạo. Cụ thích loại rượu nào ?

- Loại nào ngon nhất, đắt nhất, khoảng một triệu ấy. - Lão Chopped nói với đầy vẻ hân diện. - Chả nói giấu gì chú, sáng nay đi vội quá, ta chỉ kịp giặt túi có hơn triệu bạc thôi. Chú cứ tìm cho ta chai rượu trên một triệu...

Lão Chopped nói vậy cho oai. Chứ thực tình, toàn bộ tài sản trong nhà lão, có đem bán hết thì cũng không thể kiếm nổi một triệu bạc. Lão Chopped bảo tôi :

- Thực ra, trong túi tôi lúc ấy chỉ có nhõn một trăm ngàn đồng. Đó là tiền cò cháu gái đưa cho để *ông về đi xe ôm*. Nhưng mình cứ phải nói cứng lên như thế, để cho bọn Mỹ nó sợ. Nó cần phải biết rằng, nông dân Việt Nam không có xoàng đâu nhé. Cũng ăn chơi *trác táng* lắm đấy. Mỹ chẳng là cái định gì !

- Thế khi cụ thanh toán thì sao ?

Làm sao mà phải thanh toán ? - Ông Bu Sơn ông ấy trả cho hết. Tôi biết trước thế. Mà thế là phải. Minh là khách cơ mà. Chính ông ấy đã mời mình đến, chứ có phải kiến tha mình đến đâu. Có ai mời khách đến nhà ăn cỗ lại bắt khách trả tiền cỗ bao giờ.

Nói rồi lão Chopped lại cười:

- Tôi cứ tưởng rượu Mỹ ngon thế nào. Hoá ra chả ra cái quái gì. Chai rượu mấy trăm đô mà đáng ngắt như cứt bọ let. Loại rượu ấy so với rượu ta sao được. Tôi đổ hết đi, chỉ giữ mỗi cái vỏ chai. Quá là thứ rượu ấy chỉ có mỗi cái vỏ là có giá trị.

- Tôi hôm ấy, cụ gặp ông Peterson thế nào ?

- Mãi tới tối mịt ông Bu Sơn mới đến. Còn suốt buổi chiều ấy, tôi ngủ một giấc đấy, bác ạ. Khi tỉnh dậy lại không mở được cửa. Chìa khoá chỉ trùng trục một cái cục sắt. Rõ thát khoá cũng chẳng ra khoá. Thế mà nó lại bảo là khoá từ. Khoá từ chỉ áp nhẹ là cửa tự mở. Nhưng tôi không biết, tôi ấn mạnh quá nên từ bị triệt. Thế là cánh cửa cứ ngâm tít như tường nhà tù. Tôi nghĩ bụng, bỏ mẹ, không khéo nó diễn biến hoà bình rồi. Trước đây mình nhốt nó vào kho lúa. Bây giờ nó nhốt lại mình vào cái lô-cốt lạnh ngắt như l... ma. Tôi đấm cửa rầm rầm, bác ạ. Chỉ tí tẹo nữa, thì tôi đấm vỡ cái toà đại sứ Mỹ.

- Thế hôm ấy, cụ với ngài đại sứ Mỹ nói với nhau chuyện gì ?

- Ông ấy lại hỏi thăm bà con An Đoài. Rồi tỏ ý rất tiếc là do bận công việc quá nên chưa trở lại thăm bà con được. Ông ấy tặng tôi nhiêu ảnh lầm. Cả một quyển ảnh dày bịch in toàn hình ô-tô. Tôi ngờ không khéo bố này còn làm thêm nghề buôn ô-tô nữa bác ạ. Nhiều ô-tô lầm. Đủ các kiểu loại. Nhưng có lẽ biết tôi không có tiền mua ô-tô nên ông ấy lờ đi, chẳng nói gì đến ô-tô cả, vẫn chỉ muốn cùng tôi nhìn về tương lai. Tôi nghĩ bụng, cái bố này rõ thật buôn cười. Già khú cả một lũ với nhau rồi thì còn tương lai cái khỉ gió gì nữa. Tương lai của tôi với ông ấy là cái lô dài mét sáu, sâu mét ba ở đồng làng ấy. Xuống đấy rồi thì còn nhìn thấy cái khỉ gió gì nữa. Tương lai là chuyện của các bác. Mà xem ra bác cũng hết thời rồi. Có chẳng là trông chờ ở lớp con cháu bác thôi. Cầu mong cho chúng nó cứ đi làm đại sứ, cứ đi buôn ô-tô, hay cứ dong trâu ra đồng cày. Một thì nằm lán ra bãi cỏ mà ngủ, chừ đừng có săn nhau, quật nhau ở trên đồng, cũng đừng nhốt nhau vào kho lúa như tôi với ông Bu Son ngày xưa. Chơi cái trò ấy chán lầm. Mà cũng chẳng hay ho gì đâu, bác ạ !

Trần Đăng Khoa

(*)ý nói bài hát của nhạc sĩ Đỗ Nhuận

Biệt thự Hoàng Lan

truyện ngắn

Lê Nguyên Ngữ

Biệt thự Hoàng Lan. Suốt đời có lẽ chẳng bao giờ tôi quên được nơi ấy. Nó như cái mốc, từ đó rẽ tam túng tôi đi vào chặng đường đầy áp hoài niệm. Những hoài niệm lúc quay quắt mê cuồng, khi bâng khuâng nhớ tiếc.

Cách đây hai mươi năm, trong một lần buôn bã, cô đơn, tôi đã vớ phải mục “ Tìm bạn bốn phương ” đăng trên báo. Thế rồi qua thư đi, tin lại, tôi đã quen với một phụ nữ tuổi sắp tam tuần. Tên Lê Dung. Tôi đã không biết cụ thể nơi ở của nàng. Trong địa chỉ mượn thấy đề là “ Nhờ chuyển biệt thự Hoàng Lan ”. Tôi thấy thích cái tên này và tên Lê Dung. Cả hai mang chút gì vừa buồn vừa mong manh, nhẹ nhàng. Chỉ vậy thôi, còn Hoàng Lan ở đâu, Lê Dung ra sao, tôi hoàn toàn mù tịt ! Mà tôi cũng chẳng cần biết làm gì. Mục đích tìm bạn là thư từ lắp cho đầy khoảng trống vì “ nửa đường gãy gánh ” và công việc “ bán cháo phổi ” ngày nào cũng lắp đi lắp lại đến teo nát của mình.

Do bốc đồng sao đó, bỗng một chủ nhật tôi quyết định tìm về biệt thự Hoàng Lan, thăm Lê Dung. Thăm một lần rồi sáng sớm mai về lại thành phố cho kịp buổi dạy chiều. Người mà suốt hai năm qua, tôi chỉ hình dung theo những cánh thư, cuộc gặp chắc chắn sẽ vô cùng thú vị. Phương chi, một trong mấy lá thư gần đây nhất, nàng đã viết cho tôi : “ Anh Tường đã bao giờ ăn... trứng Rồng chưa ? Nếu chưa và muộn, về biệt thự Hoàng Lan, em sẽ mời anh nếm mùi thú... trứng không để gì tưởng tượng ra này ”. Trứng Rồng ? Trời ạ, ngay cả con Rồng thứ thật tôi cũng chưa bao giờ hân hạnh thấy được tướng tận hình dáng chứ nói chi đến... trứng của nó ! Chắc đó chỉ là thứ trứng của một loài Rồng... đất nào, như trứng Grông chẳng hạn, mà nàng bịa ra ? Với tôi, sự bịa đặt của phụ nữ là điều rất dễ chịu, luôn luôn cần phải khám phá, nên vội thu xếp lên đường về biệt thự Hoàng Lan theo những tin trứng Rồng nghe nửa thật nửa hư.

Chuyển xe đò thả tôi xuống ngã ba thị trấn muộn hơn ba tiếng so với dự định. Lại thêm bốn cây số xe ôm theo con lộ trải sỏi như chỉ dẫn trong thư của nàng. Cuối cùng anh xe ôm thả tôi xuống đúng trước nơi mình muốn đến. Biệt thự Hoàng Lan !

Sự vắng vẻ và bên ngoài phần nào hoang phế của ngôi biệt thự làm tôi vô cùng ái ngại. Đáng ra trước khi đến đây tôi nên cân nhắc thêm một chút cho cuộc phiêu lưu có hơi... dại gái của mình. Tìm bạn bốn phương theo thư từ vốn hay gặp chuyện “ trời ơi ”, không đàng hoàng như bạn bè thường bảo. Anh xe ôm lại cũng đã khuất cuối cua đường bụi đỏ, sau khi nở với tôi nụ cười có vẻ hơi bí hiểm. Không còn cách trở lui, tôi đành đứng lặng yên quan sát nơi đến của mình. Bên kia cổng rào sắt là một ngôi biệt thự kiến trúc kiểu châu Âu với những vòm mái gó-tíc. Ngôi nhà có vẻ lâu đời vì tường vôi loang lổ, mái ngói nồi xám đen chõ bạc phếch thời gian. Bên

kia cổng sắt, con đường rải sỏi dẫn vào biệt thự, cỏ hai bên liếm lan vào trông còn như một lối mòn nhỏ. Bấy giờ tôi mới để ý đến tấm biển nhỏ để hai chữ “ Hoàng Lan ” khuất sau mảng ngọn hoa leo màu tím. Trên cánh cổng đính một miếng thiếc “ coi chừng chó dữ ”, con chó đã tróc sơn, chỉ còn mảng rỉ sét đen ngòm. Cổng sắt đã chốt trong và bên ngoài cũng chẳng thấy chuông, điện gì. Trước mặt, nơi tôi đến gần như chõ không người ở đã lâu. Sau lưng, con đường sỏi tôi vào tuy có vẻ dịu dàng nhưng không kém phần hoang vắng dưới trời đã ngả chiều. Thật là tiến thoái lưỡng nan ! Giờ chẳng lẽ gọi ôm ôm lên ngoài cổng như người quen lâu ngày về. Ước lượng quãng đường nếu cắp sách chạy bộ trở lui, cũng kịp đến ngã ba xe ôm trước khi trời tối, tôi an tâm ngồi xuống tảng đá, mồi cho mình một điếu thuốc và ngắm ngôi biệt thự. Căn cứ vào kiểu dáng và mức độ cũ kỹ, biệt thự này tuổi thọ không dưới bốn mươi năm. Vào thời ấy để xây được nó, chủ nhân ắt phải người giàu có, tiền dư bạc để. Không chừng người có chức có quyền nữa là đằng khác. Nếu chức quyền tức chủ nhân thuộc chế độ Sài Gòn. Vậy Lê Dung con cháu gì của tầng lớp ấy ? Đây là điều suốt hai năm thư từ không thấy nàng hé ra chút gì cả. Giá mà mình biết trước thế này, sẽ chẳng mất công lặn lội đến tận đây...

Chợt bên hông nhà, hình như là một góc của sân sau hiện mấy chú gà tây vừa chạy vừa gật gù dẫn ra một bóng người. Tôi vội đứng dậy chạy lại trước cổng đằng hẳng lên. Người đàn bà cũng kịp thấy tôi và chậm rãi đi ra cổng. Đó là một bà già gầy tóp, quắt queo, khoảng ngoài sáu mươi tuổi.

- Chào bác ! Bác cho cháu hỏi. Cô Lê Dung có ở đây không hở bác ?

Người đàn bà nghe như thể tôi hỏi cái trụ cổng qua ánh mắt nhìn có vẻ ngỡ ngàng, vô hồn. Nhờ trời, bà cũng cúi xuống mở cổng sau cái cười nửa như chế giễu chính việc làm của mình. Tôi theo bà vào ngôi biệt thự. Nhìn cắp ống chân nâu mốc dưới lắn quần vải đen nhăn nhúm như hai cái rét-so, tôi đoán có lẽ bà là người quản gia hay giúp việc chi đó. Đưa tôi vào vòm hiên đợi mát rượi trước tiên sảnh biệt thự, bà loay hoay mở cửa. Tuyệt không hé răng một lời. Phải mấy phút sau, tay nắm cửa hột xoài bằng đồng mới vang lời theo bàn tay run rẩy của bà. Lại một lớp cửa kính nữa. Bà mở cửa ra vào và ra hiệu mời tôi. Căn phòng khách toả hơi mát lạnh pha chút ẩm mốc của lâu ngày không thoát được.

Khác với vẻ xù xì, loang lổ của bên ngoài, trong phòng ngôi nhà, nhất là phòng khách trông khá tráng lệ. Một bộ ghế sa lông nệm kiểu cổ to quá khổ, trên tường phiên bản bức tranh khá lớn vẽ công viên mùa thu. Một tủ rượu mà đa phần là vỏ chai của những hãng rượu nổi tiếng trên thế giới. Chính giữa nhà treo một bộ đèn chùm phalê... Chỉ vậy thôi nhưng được bài trí hài hòa trong phòng khách khá rộng nên trông có vẻ rất trang nhã.

Người đàn bà mời tôi ngồi thoáng chốc đã khuất vào hành lang dẫn ra phía sau. Vẫn chẳng một lời. Cũng may vào được đến đây và có người tiếp mình. Tôi lơ đãng nhìn quanh phòng khách nhưng trong trí lại cố hình dung ra người con gái mình lẩn lội đến thăm, song chưa một lần biết mặt. Lê Dung, hai bảy tuổi, độc thân, sống nội tâm, mong muốn làm quen suốt đời với bạn nam, tuổi trên bốn mươi, không vướng bạn già đình... Rồi qua gần hai mươi lá thư của nàng tôi chẳng biết thêm gì ngoài gia thế bất hạnh, thích nhạc tiền chiến, sự am hiểu văn, triết học có phần sâu biêt và những lá thư sau này

thoảng hơi hóm nhớ nhung... Bây giờ ngôi đây, hồi suy lại, tôi thấy mình chưa biết gì nhiều về nàng. Một sự tò tòm đù đưa người đàn ông vượt trên hai trăm cây số tìm đến một người đàn bà. Vậy mà bây giờ mình đã ngồi chờ người than thiết qua những cánh thư, nhưng xa lạ hoàn toàn nơi đến. Tôi có phần nào thú vị với cảnh ngộ và sự rõi hơi của mình.

Mãi miên man, nhìn lại, ở cửa ngách phòng khách đã xuất hiện một cô gái. Thoạt nhìn tôi đã sững sờ vì sự khả ái của gương mặt nàng. Với cặp mắt màu hổn nâu buồn, môi hồng. Mũi thẳng vừa thanh tú vừa cương nghị. Những lọn tóc nâu đen dài các ôm buông trễ nải xuống má, cổ... Tất cả ở nàng tạo nên sự mĩ miều đối lập một cách tàn nhẫn với... chiếc xe lăn bên dưới nàng ! Chiếc xe lăn cho biết nàng bị thương tật chí đó ở phần chi dưới. Nàng là ai ? Có phải Lê Dung đã thư từ với mình không ?

- Chào anh ! Anh có phải là Tường không ? - Cùng câu hỏi chiếc xe lăn nhúc nhích về phía tôi.

- Vâng, tôi đây ! Chị có phải là... ?

- Anh muốn hỏi Lê Dung ?

Tôi gật nhẹ đầu. Cô gái bỗng cười lên khanh khách :

- Từ từ, anh đi đường mệt. Xin cứ nghỉ ngơi một chút rồi hẵng hay. Hãy cứ biết mình đang ở nhà Lê Dung là được rồi, phải không anh Tường ?

Tôi cười trừ. Còn biết trả lời sao trước câu nói có vẻ " hoan binh " của cô gái xe lăn ? Có tiếng gõ ra hiệu gì đấy và người đàn bà khi nãy xuất hiện ở hành lang. Bà ta ra hiệu cho tôi xách đồ đi theo bà. Tôi làm theo như một cái máy...

Khi tôi chợp mắt lúc đây, trời đã chiều. Bà giúp việc hướng dẫn tôi ra vườn. Hoá ra phía sau ngôi biệt thự, nằm nghiêng thoai thoái xuống bờ sông là một vườn thanh long bát ngát, ngay lối thẳng hàng. Bên kia sông, vắng trăng sớm đang nhô từ từ lên bầu trời. Trên bộ bàn ghế đá giữa những hàng thanh long gần mé sông đã bày biện sẵn bữa ăn tối khá thịnh soạn. Tôi vừa ngồi xuống thì tức khắc, điện bỗng bật sáng cả một vùng. Khắp vùng mỗi trụ thanh long câu tòng teng một bóng đèn tròn. Trong ánh điện sáng choang và qua gió thổi mát rượi từ dưới sông lên, muôn ngàn tay thanh long vùng vẩy những trái, những hoa như đang trình diễn một vũ điệu mùa màng nào. Khu vườn bỗng chốc biến thành đêm hoa đăng. Theo lối đi lót gạch từ nhà ra, cô gái chủ nhân chậm chậm lăn xe tới ghế đá. Theo sau cô là bà già giúp việc bưng một khay trái thanh long. Loại trái màu đỏ hồng có vỏ hột như vảy rồng.

- Trứng rồng đây !

Cô gái nói khi xe vừa đến bộ bàn ghế đá. Hoá ra trứng rồng là đây. Thứ trái của thân cây vươn ra những cánh tay dài, lúc nào cũng như lời chào, vướng víu.

Cái thứ " trứng " lòng trắng tinh, có những hạt li ti như mè đen, vị vừa ngọt vừa mát cộng với rượu lâu đời phết chốc biến tất cả xung quanh tôi như lung linh, huyền ảo. Bầu trời đang điu lên vắng trăng xanh ngắt - dưới đất muôn cánh tay rồng với những búp trắng, trái xanh đang vung vẩy trong muôn ngàn ánh điện như nơi đêm hội Long Trì nào. Trong khung cảnh lãng mạn hoa đèn, tất cả đều mấp me ở trạng thái vừa ngây ngất vừa thăng hoa theo những lời tâm sự của chủ nhân ngôi biệt thự.

Em là Hoàng Lan, sinh năm bảy ba. Chị em là Lê Dung, sinh năm bảy mươi. Mẹ em trước là cán bộ an ninh T.4. Biệt thự này là của ông bác ruột em hiện sống ở Pháp để lại. Trong thời gian chiến tranh chống Mỹ, mẹ em bị nhiễm chất độc gi

dó khi ở trên rừng. Mười năm sau giải phóng, bà bỗng bị liệt dần cả hai chân rồi mất. Kể đến chị Lê Dung. Khám, bác sĩ bảo nhiễm phải chất độc này người ngoài hai mươi tuổi cứ ngày một liệt dần đi chỉ dưới và không thể sống quá năm năm sau đó. Khi bị liệt một thời gian, quanh quẩn với cô đơn, buồn phiền mãi cũng chán, chị Dung đã đăng báo tìm bạn bốn phương. Và anh là người được chị ấy chọn hồi âm trong số hơn trăm thư gửi đến. Những lá thư gửi đi, nhận lại này hai chị em đều đọc chung. Năm ngoái chị ấy mất. Thương chị, thương anh, không dành lòng để dở dang nhịp cầu tình cảm, nên em đã thay chị cho anh. Hơn thế nữa, lúc ấy em cũng bắt đầu liệt như chị em. Viết thư cho đến ngày nào... Nhưng nếu em chết đi thì ai sẽ tiếp tục việc này !? Chết sẽ không nhảm được mắt nếu mình còn để lại một điều gì đó gây ngạc nhiên, nghi ngờ. Còn viết điều này ra thư thì em hoàn toàn không can đảm. Nên mới có chuyện... "mời anh ăn trứng rồng" - Vả lại, em cũng cần biết mặt anh, để mai này sang thế giới bên kia, em còn tả lại cùng chị Dung. Xin anh đừng buồn. Chiến tranh là cái gì ngoài ký ức em nhưng lại có thật giữa cuộc đời bất hạnh của chị em em...

Sương đêm tháng chạp mơ hồ từ mé sông dâng lên lập lò quanh bàn ghế đá, những ánh đèn nhảy múa, lung linh. Lời nguyên của chiến tranh ! Hoàng Lan và bà bõ già (giờ tôi mới biết là câm) giúp việc trở nên lúc xa lúc gần, thoát ẩn thoát hiện trước mắt tôi...

Khuya lầm, dưới vườn thanh long đầy trăng xanh, đèn vàng ấy, tôi loáng thoáng nhớ mình đã đẩy xe lăn đưa Hoàng Lan về phòng, bế giùm nàng lên giường rồi ra ngay lại vườn tới chai rượu và đĩa trứng rồng đang dở. Và như từ đó vỡ nào đó oà ra trong tiềm thức mình, tôi bắt đầu múa, bắt đầu giang tay uốn lượn giữa vườn theo vũ điệu thanh long trước sự ú ó, đầy ngạc nhiên của bà bõ già. Cuối cùng tôi thiếp đi trên bộ bàn ghế đá đầy sương với chiếc mè do bõ mang ra trong tiếng nhạc mơ hồ vang lên từ biệt thư : " Ai lướt... đi ngoài sương gió, không dừng chân đến em bẽ bàng. Ôi...".

Mờ đất hôm sau, với túi " trứng rồng " bà bõ soạn sẵn từ khuya bên bàn đá, tôi ra về lúc biệt thự Hoàng Lan đang còn say ngủ. Chỉ có những cây thanh long vung vẩy, những mắt đèn nhạt nhoè trong sương là tam biệt, tiễn đưa tôi.

Về thành phố, việc đầu tiên là tôi viết thư ngay cho Hoàng Lan, xin lỗi nàng về việc ra về sớm của mình. Một thư, hai thư rồi năm mươi lá vẫn bắt hồi âm. Sự không phản hồi này khiến tôi đậm nghi ngờ đêm ở biệt thự có cái gì đó không thật, rất gần với giấc mơ. Làm sao lại có được một biệt thự cổ, một vườn thanh long đầy hoa đèn trong một đêm trăng xanh đến nhuường ấy ? Và nhất là lại có người con gái đẹp tuyệt trần như nàng lại ngồi trên xe lăn như là sự trớ trêu của tạo hóa ? Tất cả đều hoàn toàn phù hợp với giấc mơ, chỉ duy túi " trứng rồng " là có thật ?

Cả năm qua rồi, không biết giờ Hoàng Lan ra sao ? Vẫn lẩn xe ra vào vườn thanh long cùng bà bõ già quẩn quanh bên nàng như một chiếc bóng ? Hay Hoàng Lan đã không bước nổi qua số phận mình như chị nàng bởi lời nguyên quái ác của chiến tranh ? Và, chẳng hiểu sao tôi lại không có can đảm trở lại thăm nàng, dù chỉ một lần. Một lần cho voi bớt nhớ nhung, khắc khoải luôn quặn thắt lòng mình mỗi khi nghĩ về biệt thự Hoàng Lan dao nào với những cánh tay rồng vung vẩy dưới trời đêm trăng xanh ??

Lê Nguyên Ngữ
(Văn Nghệ, số 12, 24-3-2001)

Tản mạn về

Thăng Long-Hà Nội và vẻ tác phẩm của Philippe Papin (*Histoire de Hanoi*, Fayard, 2001, 404 tr.)

Văn Ngọc

Một thành phố ví như một tấm gương phản ảnh nếp sống văn hoá vật chất và tinh thần của một dân tộc. Hơn thế nữa, nó còn là một nhân chứng lịch sử, một tấm gương soi bóng những thời đại đã qua.

Một thành phố còn là một cơ thể sống. Nó tuân theo luật của sự sống. Nó có một hình hài vật chất, song lại có một linh hồn. Cái hồn của một thành phố là cái cốt lõi, tinh tuý, thể hiện lên sự sống của nó. Người ta thường nói *hồn nước*, hay *nét vẽ có hồn*, cũng là với cái nghĩa đó, và cũng với cái nghĩa là hồn có thể tồn tại, như hồn người, khi thể xác đã mất.

Song, áp dụng cho một thành phố, chữ *hồn* còn có thêm một nội dung khác. Đó là cái *bản sắc* của nó, bao gồm những nét đặc trưng về các mặt lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hoá của thành phố đó. Bản sắc vừa hàm chứa những giá trị truyền thống của một dân tộc, lại vừa hội tụ những giá trị nhân bản và thẩm mỹ phổ biến của nhân loại.

Những giá trị nói trên, không cần phải thời gian mới tích tụ lại được. Một thành phố mới xây dựng xong cũng có thể có được một bản sắc nào đó. Tuy nhiên, một thành phố có một bệ dày lịch sử, tích tụ được nhiều nét đặc trưng về các mặt văn hoá, nghệ thuật của những thời kỳ lịch sử khác nhau, thường có một bản sắc đa dạng, phong phú hơn là một thành phố mới.

Hồn của một thành phố là cái duyên thâm, là cái tinh hoa của những giá trị đặc trưng, đích thực, không phân biệt mới cũ, tạo nên cái sức quyến rũ của nó.

Khi hình hài của một thành phố suy tàn đến độ mất hết bản sắc, mất hết sự sống, thì cái hồn của nó cũng không còn nữa. Điều này đã xảy ra hơn một lần trong lịch sử. Đó là trường hợp của Thăng Long, thủ đô của nước Việt Nam bắt đầu từ thế kỷ XI, trải qua bao đời phồn thịnh, đến thế kỷ XVIII, bỗng nhiên tàn tạ một cách nhanh chóng, do những cuộc binh biến triền miên, náo loạn trong, giặc ngoài, song chủ yếu là do cuộc tranh chấp giữa chúa Trịnh, chúa Nguyễn, và vua Lê, đến mức vào cuối thế kỷ, khi cả chúa Trịnh, chúa Nguyễn, cả vua Lê và triều đình Tây Sơn đều đã bị gạt ra khỏi chính trường, thì Thăng Long cũng không còn giữ được dấu tích gì của một chốn kinh kỳ nữa, thậm chí ngay cả đến cuộc sống của người dân kẻ chợ trước kia tấp nập bao nhiêu, thì nay trống vắng, tiêu diêu bấy nhiêu. Bà huyện Thanh Quan đã có bài thơ nổi tiếng nói lên cảnh tiêu điều này, và tác giả cuốn *Histoire de Hanoi* cũng đã không quên nhắc tới ở chương 10, tr. 206 :

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảm,

Nền cũ lâu dài bóng tịch dương...

... Ngàn năm gương cũ soi kim cổ,

Cánh dãy, người dãy luống đoạn trường.

(Bà Huyện Thanh Quan, *Thăng Long hoài cổ*, đầu thế kỷ 19)

Hiện tượng kinh thành Thăng Long xuống cấp một cách nghiêm trọng, thậm chí không thể cứu vãn được, vào cuối thế kỷ XVIII, phải chăng cũng là một trong những nguyên nhân khách quan khiến cho vua Gia Long khi lên ngôi hoàng đế (1802), đã chọn ngay Huế (Phú Xuân) làm kinh đô, để có thể xây dựng mới một cách dễ dàng hơn ? (song, chắc hẳn những nguyên nhân chủ quan còn quan trọng hơn nhiều đối với vị vua này !).

Thăng Long bắt đầu “ xuống cấp ” từ thế kỷ XVI (thời nhà Mạc), XVII (thời chúa Trịnh), đến thế kỷ XVIII, là thời kỳ cực suy : năm 1786, vua Lê Chiêu Thống đã cho đốt hết tất cả các cung điện của chúa Trịnh ở trong hoàng thành, và chắc hẳn các cung điện ở ngoài thành cũng đã chịu chung một số phận (thời ấy, các chúa xây dựng rất nhiều ở bên ngoài hoàng thành, trong khu dân cư ờ). Người ta có thể hình dung được dễ dàng Thăng Long vào thời kỳ đó điêu tàn như thế nào ! Vì ngay từ trước đó nhiều năm (1740), trong hoàng thành đã thấy xuất hiện những cái “ trại ” (*thập tam trại*) để cho dân một số làng vào đây ở và làm việc, như thể làm khoán : nhiệm vụ của họ là cắt cỏ hoang, và dọn dẹp gạch ngói ở các cung điện bị tàn phá ! (sđd, chương 8, tr.139-160)

Đọc cuốn *Histoire de Hanoi* của Philippe Papin như đọc một cuốn sử Việt Nam tóm lược, song được viết lại với một cái nhìn mới mẻ, sắc bén, cách trình bày lại sáng sủa, hấp dẫn.

Sự mới mẻ này được thể hiện ngay từ quan niệm của tác giả về phương pháp nghiên cứu. Nói về lịch sử của một thành phố đã từng là thủ đô của một nước trong nhiều thế kỷ như Hà Nội, không thể nào không bắt đầu từ những cội nguồn xa xôi nhất của nó, và đặt nó vào trong bối cảnh kinh tế, văn hoá, và lịch sử chung của cả một dân tộc. Tác giả đã quay lên các truyền thuyết, các sự tích, thần thoại, tham khảo các kết quả nghiên cứu về khảo cổ học, về địa hình, địa thế của vùng đất Thăng Long xưa, cũng như về những biến động của sông Hồng, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu. Về mặt lịch sử, ông đã đi ngược lên đến tận thế kỷ 3 trước Công Nguyên, tức thời An Dương Vương và thành Cố Loa. Ông luôn luôn có một cái nhìn so sánh : ông so sánh các truyền thuyết dân gian, và nhận xét rằng có những truyền thuyết mang đậm dấu vết giao lưu văn hoá giữa Việt Nam và Trung Quốc, như truyền thuyết về sư Không Lộ và con trâu vàng, truyền thuyết về con cáo chín đuôi, cả hai cùng là để giải thích sự hình thành của hồ Tây ; truyền thuyết về thần Bạch Mã giúp vua nhà Lý xây thành, cũng có nguồn gốc trong thần thoại Trung Quốc). Cũng như, về khảo cổ học, ông đã so sánh những mảnh gốm tìm được ở chân thành Đại La của Cao Biền với những dấu tích của tháp chùa Phật Tích thời Lý (mà nền móng cũ cũng đã được xây từ thời Cao Biền). Theo tác giả, nghệ thuật chạm khắc ở Đại La, cũng như ở Phật Tích, hay ở Bình Sơn, đều có mối liên hệ mật thiết với nhau và đều dựa trên một truyền thống nghệ thuật Trung Quốc có ít nhất từ thế kỷ 9, mà những tiêu chuẩn đã được ghi chép lại ở thế kỷ 11.

Một điều đáng chú ý nữa trong cách phân tích của Philippe Papin, tuy không phải là một điều gì mới mẻ đối với giới nghiên cứu, là ông không chỉ dừng lại ở những hiện tượng, những sự kiện riêng lẻ, mà chủ yếu quan tâm đến những mối quan hệ đối với nhau giữa những sự kiện ấy.

Cũng trong tinh thần đó, tác giả trình bày lịch sử Hà Nội, không phải bắt đầu từ lúc nhà Lý lập kinh đô Thăng Long trở đi (1010), mà từ tận cái thời mà vùng đất này còn được gọi là

Long Đỗ (cái rốn con rồng), lúc bấy giờ mới chỉ là một làng nhỏ nằm trên sông Tô Lịch (trước thế kỷ 7). Trong hai thế kỷ 7 và 8, Long Đỗ được nhà Đường nâng lên hàng thủ phủ của quận Giao Chỉ và được đặt tên mới là Tống Bình (chữ Tonkin trong tiếng Pháp cũng từ đó mà ra). Đến thế kỷ 9, Cao Biền xâm lược và thành lập thành phố đầu tiên ở đây, tức thành Đại La.

Cái tài tình của tác giả là gây được hứng thú cho người đọc, thuyết phục được họ với những bằng chứng cụ thể, khiến cho họ nắm bắt được mối liên hệ hữu cơ giữa một thành phố, sản phẩm kinh tế-văn hóa của một xã hội, và lịch sử của xã hội ấy qua các thời đại.

Philippe Papin không những đã đem lại một cách nhìn, một phương pháp mới mẻ trong việc nghiên cứu và trình bày một đề tài phức tạp như lịch sử của thành phố Hà Nội, mà do công phu tìm tòi, tra cứu, qua các tài liệu thư tịch, những hiện vật, cũng như qua các đợt dien dã, ông còn đưa ra ánh sáng nhiều thông tin bổ ích cho việc tìm hiểu quá trình hình thành, phát triển, cũng như những đặc trưng của thành phố này.

Về kinh thành Thăng Long của nhà Lý, tác giả đã có một nhận xét rất tinh tường : thành này đã không rập theo kiểu mẫu của Trung Quốc. Quan niệm truyền thống bất di bất dịch của Trung Quốc là, một kinh thành bắt buộc phải có Cốm thành, là nơi vua ngự ; Hoàng thành là nơi dành cho triều đình ; thị là nơi dân cư ở, làm ăn, buôn bán. Thăng Long lúc mới xây lên, gần như không có cốm thành, chỉ có cung vua (cung Càn Nguyên, sau này, năm 1029 đổi tên là cung Thiên An) nằm bên cạnh vài cung điện khác dành cho công việc của triều đình, như cung Tập Hiền, cung Giảng Võ, v.v. Các gia đình hoàng tộc phần đông đều lập dinh thự ở bên ngoài thành nội, ngay tại khu dân cư ở : cung của công chúa Từ Hoa và nhiều cung điện khác được xây cất ở ven hồ Tây, Cung Khánh Thụy nằm ở trên hồ Lục Thuỷ (tức hồ Hoàn Kiếm sau này), v.v. Về hình thức bố trí mặt bằng, Thăng Long khác xa với kiểu mẫu kinh thành cổ điển của Trung Quốc, luôn luôn được thiết kế với những đường thẳng góc và trực đối xứng. Ở kinh thành nhà Lý, các bức tường của thành ngoài cũng như thành trong đều được xây theo địa hình của cái nơi có “núi Nùng, sông Nhị”, chủ yếu là theo địa hình của sông Hồng, sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu, nghĩa là không theo một đường thẳng nào cả, trừ góc đông-nam trông ra sông Hồng. (Ngược lại, kinh thành Huế của vua Gia Long sau này lại rập theo đúng khuôn mẫu của kinh thành Bắc Kinh).

Thời kỳ “vàng son” của Thăng Long, ở thế kỷ 15, dưới thời nhà Lê, đã được tác giả dành cho nhiều chương hấp dẫn, (các chương 7-8-9) trong đó có một chương nói về khu phố cổ “36 phố phường” của Hà Nội (sđd, tr.171-189). Tác giả cho biết là ở vào các thế kỷ từ 15 đến 18, thuyền bè từ sông Cái (tức sông Hồng, hay sông Nhị) ra vào sông Tô Lịch rất là tấp nập. Các phố hàng Bè và hàng Buồm đều có nguồn gốc từ đó. Các phố hàng Mắm, hàng Muối, hàng Đường, cũng là những nơi có bến, có chợ cho thuyền bè dừng lại để giao bốc hàng và mua bán. Hai phường Diên Hưng (khu phố hàng Ngang) và Đồng Lạc (khu phố hàng Đào) là hai nơi đông vui nhất, cũng như chợ Bạch Mã, ở gần đền Bạch Mã (phố hàng Trống).

Thực ra, ngay từ thế kỷ 13, 14 dưới thời nhà Trần, các phường phố cũng đã tấp nập lăm le. Vua Trần Anh Tôn hay thích đi dạo chơi phố phường về đêm (khi đó các phố chưa có cổng chắn ở hai đầu). Phường là một đơn vị hành chính, có từ thời nhà Lý. Đó là những khu đô kinh ở ngoại vi, có lẽ vì cần

nước cho công việc sản xuất (trồng trọt, làm giấy, dệt lụa, v.v.) cho nên chúng giống như những xóm làng ở nông thôn. Chung quanh hồ Tây có các phường : Nghi Tàm, Quảng Bá, trồng rau ; Thịnh Quang trồng nhãn ; Yên Phụ sản xuất tranh ; Ngũ Xá đúc đồng ; Bái Ân dệt lụa thường, Võng Thị dệt lụa đen, Trích Sào dệt gấm ; Bưởi, Nghĩa Đô, làm giấy, v.v. Những sản phẩm được làm ra ở phường được đem lên phố bán, như giấy và lụa của phường Yên Thái và phường Hồ Khẩu được đem lên bán ở các cửa hiệu phố hàng Giấy và phố hàng Đào. Sau này, chỉ còn lại các phường ở ngoại vi, còn các phường ở trong khu phố buôn bán cũ đều bị xoá bỏ đi hết, và được thay thế bằng các phố (trừ phường Đồng Xuân). Phố chỉ là cái mặt tiền của phường. Có lẽ do lẩn lộn hai khái niệm này, mà người ta quen gọi khu phố cổ của Hà Nội, tức khu phố buôn bán cũ, là khu “36 phố phường”. Thực ra chỉ riêng trong khu này cũng đã có đến cả trăm phố rồi. Nhưng có lẽ con số 36 cũng chỉ có nghĩa là nhiều mà thôi, như người ta thường hiểu trong ngôn ngữ dân gian.

Trong chương nói về thành phố Hà Nội thời kỳ Pháp thuộc, Philippe Papin cũng đã cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin bổ ích (sđd, chương 12, tr.225-250). Có những sự kiện lịch sử, những yếu tố thuộc lãnh vực chính trị, hay kinh tế, đã làm thay đổi hẳn bộ mặt của thành phố. Chẳng hạn như trực đường Tràng Tiền-Tràng Thi là trực đường, mà vào năm 1883-84, quân đội thuộc địa Pháp, trước khi đánh chiếm thành Hà Nội, đã lấy làm trực đường chiến lược nối liền khu vực nhượng địa đầu tiên (1875), nằm ở phía bờ sông (khu phố Phạm Ngũ Lão ngày nay), với Cửa Nam (thành nhà Nguyễn) (xem bản đồ tr. 222, sđd). Trước khi đánh thành Hà Nội, tổng hành dinh của Francis Garnier nằm ở ngay trên đường Tràng Thi. Sơ đồ chiến lược này, vô hình trung, làm cho người ta nghĩ đến sơ đồ cũng nhầm một mục đích quân sự tương tự, mà Napoléon III và Hausmann đã áp dụng trong phương án cải tạo Paris, trước đó không lâu.

Trục đường Tràng Tiền-Tràng Thi-Cửa Nam cũng là trực đường ngăn đôi khu phố ta và khu phố Tây. Bắt đầu từ đó trở xuống phía Nam, ngay sau khi chiếm được Hà Nội rồi (1884), chính quyền thuộc địa bắt đầu tiến hành trưng mua đất để xây dựng phố sá, nhà cửa, vượt xa hòn ranh giới đã được thoả thuận giữa vua Đồng Khánh và chính quyền thuộc địa Pháp ngày 1-10-1888, trong một hiệp ước qui định “Hà Nội, Hải Phòng và Tourane là đất nhượng địa thuộc toàn quyền sở hữu của người Pháp”, có kèm theo cả bản đồ, mà sau này không hiểu sao lại bị thất lạc ! (sđd, tr. 225-227)

Trên đây là một vài ý kiến tản mạn về Thăng Long, về Hà Nội và về cuốn *Histoire de Hanoï* của Philippe Papin. Mặc dù đây có một vài sơ sót, và có những nhận định của tác giả có thể làm cho một số người ngạc nhiên, song tác phẩm của Philippe Papin dẫu sao cũng là một đóng góp to lớn cho việc tìm hiểu sâu thêm về Hà Nội. Nó ra đời thật đúng lúc. Tôi tin rằng nó sẽ là một tư liệu quý báu, cung cấp nhiều thông tin bổ ích cho giới nghiên cứu về dân tộc học, nói chung, cũng như cho những người làm về qui hoạch-kiến trúc cho thủ đô Hà Nội, và cho việc chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long sắp tới. Tôi cũng mong rằng từ đây đến năm 2010 sẽ còn có nhiều tác phẩm khác viết về thủ đô Hà Nội, và cũng có cùng một chất lượng như thế.

Văn Ngọc

SÁCH MỚI SÁCH MỚI SÁCH MỚI

Nhớ về Anh Lê Đức Thọ, nhiều tác giả, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, 748 tr.

Trong những nhà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam 40 năm qua, Lê Đức Thọ người bị gờm ghét nhất. Kẻ thù gờm ông như thế nào, chỉ cần đọc hồi ký của Henri Kissinger thì rõ. Cũng phải nói, trong cái gờm ấy, có sự nể phục hiển nhiên của gã Tô Tân hiện đại đã chắc mẩm đi đêm với Mao và Brejnev thì ép được Việt Cộng. Nhưng gờm ghiếc Lê Đức Thọ nhất, không phải là những người chống Cộng (người Việt hay người nước ngoài) mà là chính những đồng chí của ông, những nạn nhân xa gần của vụ “xét lại chống đảng” thập niên 60 và những vụ đàn áp, loại trừ của những thập niên tiếp theo.

Một con người như vậy, nếu được các nhà sử học nghiên cứu tận nơi tận chốn, sẽ giúp ta hiểu rõ thêm mặt sáng và mặt tối của ĐCSVN và lịch sử Việt Nam nửa sau thế kỷ XX. Nhận định về con người đã nắm quyền sinh sát suốt mấy thập niên mà vẫn giữ được sự bình tĩnh và cố gắng công bằng như tướng Trần Độ (xem DĐ số 106) thật là hiếm hoi và đáng quý.

Tất nhiên không có chương hồi kí của Trần Độ trong tập sách hơn 700 trang này, vì đây thuộc loại sách “cúng cụ” mà “tập thể” tác giả “thấy cần và được phép tổ chức viết” (tr 729) nhân ngày giỗ 10 năm ông Thọ. Một vài bài có ích cho các nhà sử học, nói chung cuốn sách là một sự phí giấy.

A. Govinda, Con đường mây trắng, Nguyễn Tường Bách biên dịch, Nhà xuất bản Trẻ, TP HCM, 1999, 400 tr.

Số trước, dựa theo tin bạn bè trong nước, tôi viết cuốn này đã hết. Số báo vừa ra, may mắn lại mua được một bản ở nhà sách Việt (42, Bd Vincent Auriol, Paris 13, mở cửa từ thứ ba đến chủ nhật). Nhưng nếu đọc dòng này, tìm mua, có lẽ bạn sẽ thất vọng. Sách báo Việt Nam là như vậy. Ở Hà Nội, khó lòng mua được một cuốn sách in ở trong nam. Ngược lại cũng thế. Ở Paris, không nên đi tìm một cuốn sách nhất định, cả trăm lần thì 99,9 lần không có. Nhưng cứ đi đều đặn, có khi lại tìm thấy một cuốn trong nước không còn.

Nói gì về **Con đường mây trắng** trong khi chờ đợi có người xứng đáng viết bài giới thiệu ? Một là : tác giả, Anagarika Govinda (người Bolivia gốc Đức), là người am hiểu Tây Tạng, thế giới tâm linh Tây Tạng. Hai là, bản dịch Việt ngữ (từ bản tiếng Đức) là một bản dịch công phu và rất hay. Ngẫu nhiên hay không, quê hương của Goethe lại là nơi trú chân của mấy nhà phiên dịch đáng quý. Nghe tin anh Bùi Văn Nam Sơn cũng đã hoàn thành bản dịch tác phẩm kinh điển **Phê phán lý tính thuần túy** của I. Kant. Bao giờ được đọc bản in ?

Bùi Anh Tấn, Một thế giới không có đàn bà, tiểu thuyết, NXB Công an Nhân dân, TP HCM, 2000, 490 tr.

Đọc tựa đề, độc giả có thể đoán trước : đây chắc là một cuốn tiểu thuyết nói về cuộc sống của người đồng tính. Đồng tính (chứ không phải tình). Từ đồng tính đã trở thành phổ biến trên sách báo trong nước, trong khi đời thường vẫn quen dùng những từ “pê đê”, “gay”, “ô mô”... mà trong cuốn sách viết là “omoi”.

Một thế giới không có đàn bà (MTG) là một khối mâu thuẫn lớn. Có lẽ đây là cuốn tiểu thuyết Việt Nam đầu tiên nói

Cùng bạn đọc

Như mọi năm, sau số báo tháng 7 này, Diễn đàn sẽ ngưng một tháng. Số 110 sẽ phát hành đầu tháng 9-2001.

Chúng tôi xin chúc bạn đọc những ngày hè vui khoẻ và xin hẹn gặp lại ở số 110.

Diễn đàn

về cộng đồng những người đồng tính. Vì vậy nghe đâu nó bán chạy như tôm tươi, mặc dầu về mặt văn chương, chẳng có gì đáng đọc (nhân đây, xin cảm ơn người bạn quý đã bỏ công săn lùng được một bản và gửi cho chúng tôi).

Tiểu thuyết “vụ án” (tương đương với danh từ *polar* của Pháp), cái “cớ” của MTG là cuộc điều tra của công an về cái chết của ba bốn nạn nhân trong giới đồng tính nam ở Thành phố Hồ Chí Minh. Quan trọng hơn án mạng và thủ phạm, là cái nhìn của các nhân vật trong truyện về cái mà thỉnh thoảng tác giả vẫn gọi là “bệnh” đồng tính (anh cả Trung Quốc đã từ bỏ chữ “bệnh” này được mấy tháng rồi). Không phải chỉ là chuyện chữ nghĩa, vì kết truyện cũng rất “có hậu” : một nhân vật chính diện sau con khủng hoảng đã “trở lại bình thường”. Nói theo văn bia “phê bình văn học theo đường lối hiện thực xã hội chủ nghĩa”, bên cạnh những “hạn chế lịch sử” của một cuốn tiểu thuyết “vụ án” do nhà xuất bản Công an “nhân dân” phát hành, tác giả đã dám “đổ bệnh” cho em trai một đại úy công an, trưởng phòng điều tra, và cho cả một “chiến sĩ công an” trẻ đẹp, tương lai đầy hứa hẹn (cố nhiên, hứa hẹn sẽ thành sự thực, vì ở đoạn kết, anh này đã “khỏi bệnh”). Một trong mấy người chết cũng là con nhà tử tế, một nhà “khoa học” xuất sắc, “thạc sỹ”, con trai một cán bộ lãnh đạo khoa học, không “viện sĩ” thì cũng “tiến sĩ”, ông này là con rể một ông lớn trong chính quyền. Tóm lại, là “bệnh” đồng tính, trong MTG, không chỉ hạn chế trong giới nghệ sĩ, ăn chơi, bình dân, mà còn phát tán trong thành phần 5C (Con Cháu Các Cụ Cả). Có ý nghĩa hơn nữa, tác giả đã mượn lời nhiều nhân vật để trình bày một số quan điểm về hiện tượng đồng tính (kể cả Freud). Mặc dù hiểu biết của tác giả khá hạn chế và còn nhiều thiếu sót, nhiều trang sách thể hiện một cố gắng vượt qua thành kiến và khuôn phép để tìm hiểu vấn đề. Ít nhất cũng hản hẩn nhiều bài báo Việt Nam hiện nay.

Kiến Văn

Diễn đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 73 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 86 65 93 ; quốc tế : 33 1 45 86 65 93

Địa chỉ điện tử (E-Mail):

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg
Thể lệ mua báo : xin coi trang 2.

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, TCVN, VPS, PDT..) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)